

2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Một Bảo Việt - Một nền tảng mới



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3928 9898 / 3928 9999
Fax (84-4) 3928 9609 / 3928 9610
Website www.baoviet.com.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN THUỘC TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 35, Hai Bà Trưng, Tràng Tiển, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (84-4) 3826 2614/38262774
Fax (84-4) 3825 7188
Website www.baoviet.com.vn/bvvn.asp

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt, Số 8, Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (84-4) 3928 8080
Fax (84-4) 3928 9888
Website www.bvsc.com.vn

NGÂN HÀNG TM CỔ PHẦN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Bảo Việt, Số 8, Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (84-4) 3928 8989
Fax (84-4) 3928 8899
Website www.baovietbank.vn

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Trụ sở chính: Tầng 6 và tầng 10, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại (84-4) 6251 7777
Fax (84-4) 3577 0958
Website www.baovietnhantho.com.vn

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, Số 8, Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (84-4) 3928 9589
Fax (84-4) 3928 9590
Website www.baovietfund.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 71, Ngõ Sĩ Liên, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại (84-4) 3732 6868
Fax (84-4) 3732 5858

designed by Metacore  www.meteorcorp.com

Một Bảo Việt- Một nền tảng mới:

Việc thực hiện chiến lược phát triển Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, đáp ứng nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới chỉ có thể thực hiện trên cơ sở xây dựng Một nền tảng mới vững chắc và Một thương hiệu Bảo Việt thống nhất. Năm 2010 là năm đánh dấu những chuyển biến mạnh mẽ của Bảo Việt trong triển khai thực hiện chiến lược nêu trên.




THÔNG ĐIỆP NĂM 2010

- 04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 06 Báo cáo của Tổng giám đốc
- 12 Các chỉ số hoạt động cơ bản




BẢO VIỆT- MỘT NỀN TẢNG

- 16 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- 18 Một Bảo Việt - Một Nền tảng mới
- 20 Chiến lược Bảo Việt
- 21 Giá trị cốt lõi
- 22 Mô hình tổ chức
- 23 Quá trình phát triển Bảo Việt
- 24 Cổ đông
- 26 Đối tác chiến lược
- 28 Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt
- 29 Báo cáo quản trị




CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- 34 Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- 38 Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
- 42 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- 44 Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Bảo Việt
- 46 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- 48 Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt



SỰ KIỆN, QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG VÀ CỔ ĐÔNG

- 52 10 sự kiện nổi bật 2010
- 54 Trách nhiệm xã hội
- 56 Chương trình 30A
- 57 Quan hệ cổ đông
- 58 Phát triển nguồn nhân lực



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 59 Báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn Việt Nam
- 161 Báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Sứ mệnh của Bảo Việt là "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng"

Kính thưa Quý vị,

Năm 2010, nền kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống tài chính – ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đối với Bảo Việt, đây cũng là năm có nhiều khó khăn, thách thức, thể hiện ở tình hình lạm phát khá cao, thâm hụt thương mại, tỷ giá biến động, môi trường đầu tư nhiều rủi ro, nhiều khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước và nỗ lực của toàn dân, của cộng đồng doanh nghiệp, lạm phát đã được kiểm chế, tăng trưởng kinh tế khá cao so với các nước trong khu vực, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, an sinh và phúc lợi xã hội được coi trọng.

Trước những biến động của nền kinh tế, Hội đồng quản trị (HDQT) đã bám sát sự diễn biến của thị trường, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, kịp thời tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh năm 2010 Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả, Bảo Việt đã vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch kinh doanh đạt các mục tiêu tăng trưởng, doanh thu và lợi nhuận; có những chuyển biến mạnh và tích cực trong thực hiện chiến lược xây dựng Một Bảo Việt-Một nền tảng mới.

Tổng thu hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ -Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.259 tỷ đồng, tăng trưởng 36,4%, hoàn thành vượt mức 8,8% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 887 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 13,6% và 12,5% tương ứng, nếu tính trên vốn điều lệ 6.267 tỷ đồng và 6.804 tỷ đồng sau khi hoàn thành đợt phát hành tăng vốn điều lệ vào đầu năm 2011. Với kết quả trên Tập đoàn Bảo Việt có thể chia cổ tức năm 2010 ở mức 12%; cao hơn so với mức kế hoạch 11% cho năm 2010 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010.

Cùng với sự hỗ trợ và chuyển giao công nghệ từ cổ đông chiến lược HSBC, Bảo Việt tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư vào các yếu tố tăng trưởng và phát triển dài hạn bao gồm việc xây dựng một hệ thống quản trị tiên tiến, công khai và minh bạch theo các chuẩn mực quốc tế; phát triển hệ thống công nghệ thông tin với cơ sở dữ liệu tập trung; từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng quản lý tập trung, dịch vụ tại chỗ; tăng cường đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực và phát triển thương hiệu thống nhất; thúc đẩy sự hợp tác giữa các đơn vị trong Tập đoàn nhằm tận dụng thế mạnh và cung cấp các sản phẩm tài chính kết hợp cho khách hàng.

Thị trường tài chính-tiền tệ và chứng khoán có nhiều biến động mạnh như những năm vừa qua đã tạo nhiều rủi ro, đặc biệt là các rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường liên quan tới lãi suất, lạm phát và tỷ giá. Trước tình hình trên, HDQT đã chỉ đạo thành lập Khối quản lý rủi ro và Khối đầu tư, thành lập Hội đồng quản lý tài sản nợ-tài sản có (ALCO). Hoạt động của các cơ chế quản trị mới này đã tạo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn Tập đoàn, góp phần tăng cường quản lý rủi ro trong toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn.

Về nâng cao năng lực tài chính, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành đợt phát hành riêng lẻ để tăng tỷ lệ sở hữu của cổ đông chiến lược HSBC lên tới 18% và tiếp tục thực hiện phát hành rộng rãi cho cổ đông hiện hữu để nâng vốn điều lệ của Tập đoàn lên trên 6.804 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu lên tới trên 10.000 tỷ đồng vào đầu năm 2011. Đây là những nguồn lực tài chính quan trọng để đầu tư cho tăng trưởng và phát triển của Bảo Việt.

Bảo Việt cũng đã hoàn thành việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh tới năm 2015 với sứ mệnh "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng" và mục tiêu "Phát triển Bảo Việt trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư".

Để đạt được sứ mệnh và các mục tiêu trên, năm 2011 sẽ tiếp tục là năm xây dựng và hoàn thiện nền tảng mới cho sự phát triển. Trên cơ sở một nền tảng mới vững chắc và một thương hiệu thống nhất, Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện chuyển đổi và phát triển theo một mô hình một tổ chức tài chính kết hợp có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng và phong phú. Đây là điều kiện để Bảo Việt nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra những sự tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, khách hàng và người lao động.

Năm 2010 cũng là năm Bảo Việt kỷ niệm 45 năm thành lập, đổi mới, phát triển và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì. Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp có bề dày lịch sử lâu đời nhất trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đi tiên phong trong việc đổi mới, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thành công của Bảo Việt trong suốt chặng đường 45 năm qua chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của lớp lớp các thế hệ cán bộ, tư vấn viên Bảo Việt và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho Bảo Việt.

Tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác quý báu và thương xuyên của quý vị cổ đông, khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các sứ mệnh và mục tiêu kinh doanh đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin vững chắc mà quý vị cổ đông và khách hàng đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Việt.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và đối tác năm 2011 một năm An Khang-Thịnh Vượng-Hạnh Phúc và Bình An.

Trân trọng cảm ơn!
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Quang Bình



Tập trung nguồn lực trí tuệ hoàn thành các dự án đầu tư vào công nghệ thông tin là yếu tố quan trọng để có được Một Bảo Việt - Một nền tảng mới.

Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Quý vị Cổ đông!

Năm 2010, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế là 6,7%, khá cao so với mức tăng trưởng bình quân của nền kinh tế thế giới. Các cân đối kinh tế vĩ mô được duy trì khá ổn định. Mặc dù vậy, thị trường tài chính, ngân hàng và đầu tư còn có nhiều rủi ro và biến động bất thường. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn chưa vững chắc sau ảnh hưởng của đợt khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao và có hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên đã phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đồng thời tập trung thực hiện chiến lược xây dựng nền tảng và một thương hiệu Bảo Việt thống nhất.

Kết quả kinh doanh năm 2010 cơ bản hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 12.863 tỷ đồng, tăng trưởng 21,8%; trong đó doanh thu từ hoạt động bảo hiểm đạt 8.551 tỷ đồng, tăng trưởng 12%; doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 3079 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với năm 2009. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.255 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận sau thuế thuộc Bảo Việt đạt 953 tỷ đồng, tăng trưởng 6,8% so với năm 2009.

Cơ cấu và tỷ trọng doanh thu, hoạt động kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh nòng cốt chiếm 66% của tổng doanh thu hợp nhất. Tỷ trọng này có giảm so với mức tỷ trọng 72% của năm 2009 do tăng tỷ trọng đóng góp của doanh thu từ hoạt động ngân hàng và đầu tư tài chính.

Tổng thu hoạt động kinh doanh năm 2010 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.259 tỷ đồng, bằng 108,8% kế hoạch. Tổng Lợi nhuận sau thuế đạt 852 tỷ đồng.

Trong cơ cấu tổng thu kinh doanh của Công ty Mẹ, doanh thu tài chính thực hiện tại Công ty mẹ đạt 591 tỷ đồng, tăng trưởng 51%, chiếm 47% tổng doanh thu. Nguyên nhân tăng trưởng mạnh doanh thu tài chính là do nguồn vốn đầu tư được bổ sung sau khi thực hiện phát hành riêng lẻ cho HSBC.

Kết quả hoạt động của các lĩnh vực cụ thể như sau:

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu từ kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ đạt 4.574 tỷ đồng, tăng trưởng 14,7% so với năm 2009, chiếm 53% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt. Lợi nhuận chuyển về Công ty Mẹ từ Bảo Hiểm Bảo Việt là 198 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với năm 2009, chiếm tỷ trọng 15,7% doanh thu của Công ty Mẹ.

Năm 2010, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2010 có tốc độ tăng trưởng khoảng 23% và có mức độ cạnh tranh rất gay gắt. Bảo Việt đã kết hợp một cách hiệu quả việc thực hiện chiến lược tăng trưởng và hiệu quả và là doanh nghiệp có lãi lớn nhất từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (trên 73 tỷ). Bảo Việt giữ vững vị trí đứng đầu thị trường với thị phần 24,6%.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt 4.046 tỷ đồng, tăng trưởng 9,2% so với năm 2009, chiếm 47% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt. Lợi nhuận chuyển về Công ty Mẹ từ Bảo Việt Nhân Thọ là 402 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với năm 2009, chiếm tỷ trọng 32% doanh thu của Công ty Mẹ.

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, năm 2010 ghi nhận những đổi mới mạnh mẽ trong mô hình tổ chức của bảo hiểm nhân thọ theo hướng quản lý tập trung; phát triển và nâng cao trình độ, tính thống nhất và chuyên nghiệp của hệ thống phân phối; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; phát triển hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

Lĩnh vực đầu tư

Tổng tài sản đầu tư tài chính hợp nhất của Bảo Việt năm 2010 là 39.333 tỷ đồng, tăng trưởng 34% so với năm 2009. Tổng sản đầu tư được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ Bảo Việt là 19.966 tỷ đồng, tăng trưởng 13,6%. Danh mục đầu tư tài chính của Bảo Việt được tập trung vào đầu tư trái phiếu với tỷ trọng chiếm 50%, tỷ trọng đầu tư của các hình thức tiền gửi có kỳ hạn chiếm 40%, tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu ở mức dưới 10% của tổng danh mục đầu tư.

Đối phó với tình hình thị trường tài chính có nhiều biến động, năm 2010, Bảo Việt đã tập trung hoàn thiện các hệ thống quản trị để nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro đầu tư thông qua việc thành lập các Hội đồng Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản lý Cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO), xây dựng cơ chế quản trị vốn đầu tư xuyên suốt từ Tập đoàn xuống các công ty thành viên.

Lĩnh vực ngân hàng

Lĩnh vực ngân hàng của Bảo Việt sau 2 năm hoạt động đã có những bước phát triển vượt bậc về tăng trưởng và phát triển mạng lưới dịch vụ. Mạng lưới của ngân hàng đang được mở rộng với 26 điểm giao dịch tại các tỉnh thành phố lớn. Sự phát triển trong lĩnh vực ngân hàng đóng góp vào sự phát triển thương hiệu của một Tập đoàn tài chính có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư.

Tỷ trọng đóng góp từ hoạt động kinh doanh ngân hàng ngày càng tăng. Doanh thu từ hoạt động ngân hàng chiếm 7,4% trong tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2010, so với tỷ trọng 3,4% của năm 2009. Lợi nhuận từ hoạt động ngân hàng cũng đóng góp 7% vào lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ.

Lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ chứng khoán

Năm 2010 là năm lĩnh vực kinh doanh chứng khoán gặp nhiều khó khăn do tác động từ diễn biến thiếu ổn định của thị trường ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Bảo Việt Chứng Khoán. Tuy nhiên, năm 2010, Công ty đã tập trung vào củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, ứng dụng và phát triển thành công các ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

Lĩnh vực đầu tư, dịch vụ bất động sản

Bảo Việt đang phát triển các dịch vụ quản lý đầu tư bất động sản của Tập đoàn và phát triển các dự án đầu tư bất động sản với các đối tác bên ngoài. Năm 2010, Bảo Việt đã đưa vào sử dụng và cho thuê thương mại tòa nhà Bảo Việt tại 233 Đồng Khởi thành phố Hồ Chí Minh, góp phần tăng doanh thu của Tập đoàn Bảo Việt. Một số dự án trọng điểm của Bảo Việt cũng đang được triển khai như Trụ sở số 7 Lý Thường Kiệt và Tháp tài chính Bảo Việt-SCIC tại đường Trần Duy Hưng – Hà Nội.

TỶ ĐỒNG
44.768
Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn
33%

TỶ ĐỒNG
12.863
Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn
21,8%

TỶ ĐỒNG
1.255
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tập đoàn
12 tỷ

TỶ ĐỒNG
1.259
Tổng doanh thu công ty mẹ
36%

TỶ ĐỒNG
852
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ
45 tỷ

TỶ ĐỒNG
6.804
Vốn điều lệ công ty mẹ
18,7%

MỘT BẢO VIỆT – MỘT NỀN TẢNG MỚI

Bên cạnh phần đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ chiến lược trọng tâm nhất trong năm 2010 là thực hiện chiến lược đầu tư xây dựng một nền tảng mới và một thương hiệu Bảo Việt thống nhất, thể hiện trong cách lĩnh vực.

Đổi mới về Quản trị

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế, được thực hiện xuyên suốt tại Tập đoàn và các Công ty Con. Ủy Ban Kiểm toán được kiện toàn góp nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị trong kiểm soát rủi ro. Hội đồng Quản lý Rủi ro, Hội đồng ALCO đã được thành lập tại Tập đoàn và Công ty Con và phát huy hiệu quả trong quản lý tài chính, đầu tư và thanh khoản trong toàn tập đoàn.

Bảo Việt đã triển khai và công bố báo cáo tài chính theo cả hai chuẩn mực kế toán VAS và IFRS nhằm tăng cường tính công khai và minh bạch. Trong năm 2010, Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ nhằm thực hiện tốt các chiến lược phát triển nguồn nhân lực cao cấp, chiến lược đầu tư vào hệ thống báo cáo thông tin.

Đổi mới về quản lý, công nghệ

Bảo Việt đang thực hiện đầu tư khoảng 25 triệu đô la cho các dự án công nghệ thông tin. Năm 2010, Bảo Việt đã hoàn thành việc đưa vào hoạt động các phần mềm nghiệp vụ như trong các lĩnh vực nhân thọ, chứng khoán, ngân hàng, kế toán, hoàn thành việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thống nhất trong toàn Tập đoàn. Hiện nay, một số dự án trọng điểm trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, quản lý quỹ và hạ tầng công nghệ vẫn đang được khẩn trương triển khai.

Việc triển khai thành công kế hoạch phát triển tổng thể hệ thống công nghệ thông tin có vai trò quan trọng, tạo điều kiện cần thiết về công nghệ để chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng quản lý tập trung, dịch vụ tại chỗ, tăng cường được tính chuyên môn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Sau khi kết thúc giai đoạn II, Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật và Chuyển giao Năng lực (TSCTA) giữa Bảo Việt và HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited giai đoạn III đang tiếp tục được thực hiện trên một số lĩnh vực: định phí bảo hiểm (actuary), tin học, tài chính, marketing, quản lý rủi ro, nhân sự, bảo hiểm, ngân hàng góp phần nâng cao trình độ quản lý trong các lĩnh vực then chốt.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện chiến lược đầu tư phát triển nguồn lực, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục tổ chức các khóa đào tạo cán bộ nhân viên theo bản đồ học tập mới được xây dựng. Tập đoàn Bảo Việt cũng đang triển khai các dự án liên quan tới đổi mới cơ chế tiền lương, đãi ngộ và đánh giá hiệu quả công việc xuống các công ty thành viên. Việc tăng cường tuyển dụng đội ngũ nhân sự mới có kỹ năng, chuyên môn và tính chuyên nghiệp cao được chú trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, sự tham gia của các chuyên gia HSBC vào các vị trí lãnh đạo cấp cao của Bảo Việt cũng là một nhân tố mới quan trọng giúp Bảo Việt triển khai các công việc trọng tâm trong thời gian tới. Một mô hình quản trị mới với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ học vấn, chuyên môn cao và chính sách đánh giá, đãi ngộ theo hiệu quả công việc là yếu tố quan trọng tạo nên những thành công của Tập đoàn Bảo Việt trong những năm vừa qua.

Phát triển thương hiệu Bảo Việt

Nhằm xây dựng một thương hiệu thống nhất, ngày 19/01/2010, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai áp dụng bộ nhận diện thương hiệu mới Bảo Việt, tạo nên một diện mạo mới năng động và thống nhất trong Tập đoàn.

Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu sâu rộng với khẩu hiệu "Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền" nhằm hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, minh bạch và công khai để tạo niềm tin từ cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Tăng cường năng lực tài chính

Việc thực hiện thành công hai đợt phát hành gồm đợt phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược HSBC và phát hành rộng rãi cho cổ đông hiện hữu đã góp phần tăng vốn điều lệ của Tập đoàn từ 5.730 tỷ đồng lên 6.804 tỷ đồng và tăng vốn chủ sở hữu công ty mẹ tăng từ mức 8.436 tỷ đồng lên mức 10.510 tỷ đồng. Nguồn lực tài chính thu được qua hai đợt phát hành, tương đương 2.523 tỷ đồng đang được sử dụng để đầu tư tăng vốn điều lệ cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng và sẽ tiếp tục được sử dụng để nâng cao năng lực tài chính trong các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt, đầu tư phát triển công nghệ thông tin.

Nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị trong Tập đoàn nhằm cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói cho khách hàng

Với lợi thế của một Tập đoàn tài chính – bảo hiểm, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Bảo Việt đã nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, phát triển mạnh hệ thống phân phối, tăng cường các hình thức phối hợp để cung cấp các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tài chính trọn gói, tiện dụng đồng thời phối hợp chăm sóc, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

“Kết quả đầu tư phát triển và những nỗ lực trong đổi mới quản lý, công nghệ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của Tập đoàn trong năm 2010 đã góp phần tạo ra một nền tảng vững chắc để phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh để tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2011 và chiến lược phát triển tới năm 2015.”

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011

Năm 2011 là năm đầu tiên trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2011-2020 của Đảng và Chính phủ. Đây cũng là năm đầu tiên Bảo Việt thực hiện theo lộ trình của Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2015.

Môi trường kinh tế năm 2011 dự báo có nhiều triển vọng, đặc biệt liên quan tới sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ và quá trình hội nhập sâu và rộng của Việt Nam với nền kinh tế thế giới. Đảng và Chính phủ cũng tập trung thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát; khởi động mạnh mẽ quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường; phát triển các lĩnh vực văn hóa- xã hội.

Năm 2011 cũng là năm sẽ có nhiều rủi ro, đặc biệt là tình trạng lạm phát gia tăng, biến động của tỷ giá và lãi suất và gia tăng các rủi ro đầu tư. Nhiều doanh nghiệp cũng sẽ gặp khó khăn trong kinh doanh do áp lực của tăng chi phí đầu vào, lãi suất cao và biến động tỷ giá. Thị trường chứng khoán dự báo không có bước tăng trưởng lớn. Thị trường bảo hiểm dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 12-15% trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và 22-25% trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng, năm 2011, Bảo Việt một mặt phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu tăng trưởng về các chỉ tiêu kinh doanh; đồng thời vẫn phải tiếp tục đầu tư xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực nòng cốt bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán với mục tiêu phát triển bền vững.

Tập đoàn Bảo Việt đặt ra những chỉ tiêu kinh doanh chính và giải pháp trọng tâm của năm 2011 như sau:

Mục tiêu kinh doanh năm 2011

Năm 2011 sẽ tiếp tục là năm xây dựng nền tảng vững chắc tạo đà phát triển. Tập đoàn Bảo Việt xây dựng mục tiêu kinh doanh với Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 14.800 tỷ đồng, tăng 15% so với 2010. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến đạt 1.138 tỷ đồng, tăng 16,8% so với năm 2010

Kế hoạch tổng doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2011 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt là 1.300 tỷ đồng, tăng 3% so với 2010. Tổng Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch là 903 tỷ đồng, bằng 106% năm 2010.

TỶ ĐỒNG
14.800
Tổng doanh thu hợp nhất dự kiến 2011

15%

TỶ ĐỒNG
1.445
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến 2011

15%

Để đạt được các phương hướng và mục tiêu kinh doanh đã được đề ra của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành sẽ tiếp tục các biện pháp trong chiến lược xây dựng “Một Bảo Việt- Một Nền Tảng Mới”, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp sau trong năm 2011:

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp: Thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức tại Tập đoàn và các Công ty Con theo hướng chuyên môn hóa và phát huy tính tự chủ; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy Ban giúp việc HĐQT; Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động các Hội đồng quản lý rủi ro, ALCO, đầu tư, chiến lược nhằm tạo một cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn hệ thống.

Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin: Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tập trung, hiện đại bằng việc hoàn thiện và đưa vào hoạt động các hệ thống phần mềm quốc tế trong các lĩnh vực nhân thọ, phi nhân thọ, tài chính, đầu tư; phát triển các ứng dụng quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng nhằm phát huy sức mạnh và sự phối hợp giữa các đơn vị trong cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói cho khách hàng.

Phát triển nguồn nhân lực: Việc chú trọng xây dựng môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả sẽ khuyến khích cán bộ nâng cao năng suất, sáng tạo. Bảo Việt cũng tiếp tục triển khai đào tạo phát triển cán bộ theo bản đồ học tập; định hướng trả lương và đãi ngộ theo cơ chế thị trường và hiệu quả công việc; xây dựng văn hóa làm việc theo hiệu quả công việc.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu: Xây dựng thương hiệu mạnh và thống nhất, gắn việc phát triển các giá trị thương hiệu với văn hóa doanh nghiệp, tăng cường công tác truyền thông và quan hệ báo chí, đẩy mạnh hoạt động marketing nhằm nâng cao hình ảnh và uy tín của Tập đoàn Bảo Việt.

Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư: Tiếp tục xây dựng định hướng về cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn. Hoàn thiện khung pháp lý nội bộ về quản lý đầu tư, nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như hiệu quả của hoạt động đầu tư. Bên cạnh đó, Bảo Việt sẽ nâng cao chất lượng quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư.

Tăng cường hợp tác giữa các đơn vị: Các đơn vị trong Tập đoàn đang hướng tới xây dựng và đẩy mạnh khai thác cơ sở khách hàng thống nhất, nâng cao hiệu quả hợp tác trong kinh doanh và đầu tư phát triển giữa các đơn vị.

Phát triển sản phẩm mới và dịch vụ tài chính đa tiện ích: Tập trung nghiên cứu triển khai sản phẩm dịch vụ tài chính tích hợp, trọn gói, đa tiện ích làm cơ sở cho định hướng phối hợp các đơn vị trong Tập đoàn trong cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói cho khách hàng.

Tăng cường chất lượng dịch vụ khách hàng: Bảo Việt liên tục cải tiến, chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa dịch vụ khách hàng tới từng đại lý, chi nhánh, đồng thời triển khai vận hành thí điểm call center tại một số công ty thành viên nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Để đạt được mục tiêu và thực hiện thành công các giải pháp chiến lược giai đoạn 2011-2015, các công ty thành viên, cán bộ nhân viên và tư vấn viên trong Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt đồng lòng, quyết tâm cùng nhau xây dựng và phát triển Bảo Việt, duy trì vị trí hàng đầu của Tập đoàn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam, xứng đáng với sự mong đợi của các Quý vị Cổ đông.

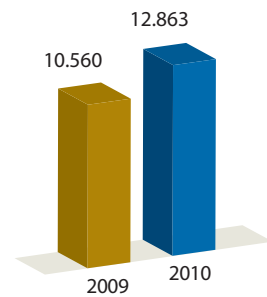
Thay mặt Ban Điều hành, một lần nữa cho phép tôi xin gửi tới toàn thể Quý vị lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

Tổng Giám đốc

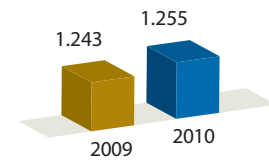
Nguyễn Thị Phúc Lâm

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

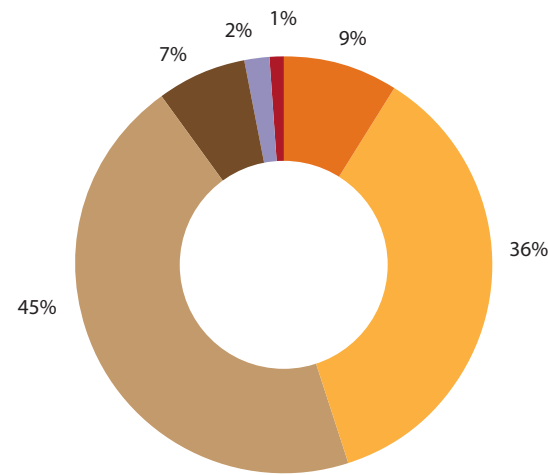
HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN



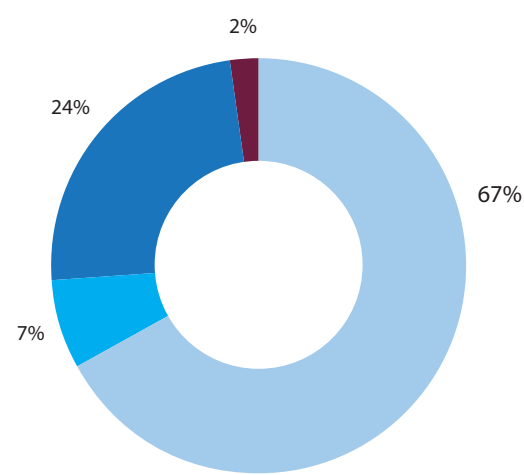
Tổng Doanh thu hợp nhất



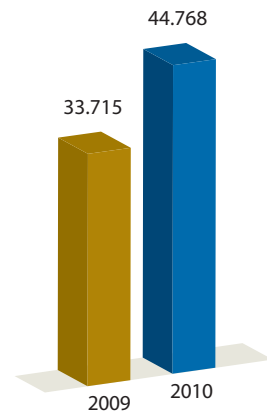
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Đơn vị: tỷ đồng



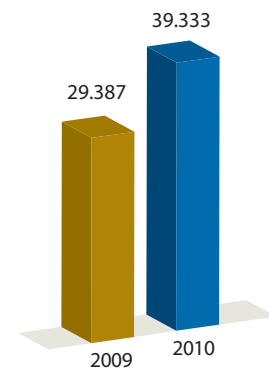
Cơ cấu doanh thu theo đơn vị



Cơ cấu doanh thu theo ngành nghề



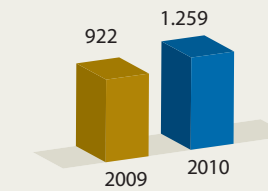
Tổng Tài sản hợp nhất



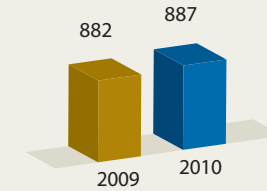
Tổng Tài sản Đầu tư hợp nhất quản lý Đơn vị: tỷ đồng



Giá đóng cửa của Cổ phiếu BVH tại ngày 31/12/2009 là 30.600 VNĐ; Chỉ số VNIndex tại thời điểm này là 494.8. Giá cổ phiếu BVH tại ngày 31/12/2010 là 64.500 VNĐ. Giá cổ phiếu của BVH đã tăng trưởng 110% trong khi thị trường giảm điểm từ 494.8 xuống còn 484.6 vào thời điểm cuối năm.

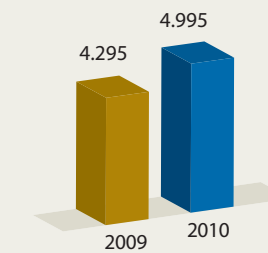


Tổng doanh thu

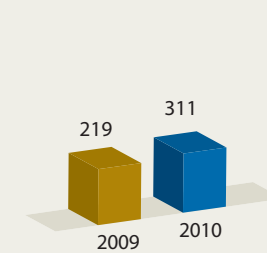


Lợi nhuận trước thuế

CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT <small>Đơn vị: tỷ đồng</small>				
Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng	%
Tổng doanh thu	922	1.259	337	36%
Lợi nhuận trước thuế	882	887	6	1%

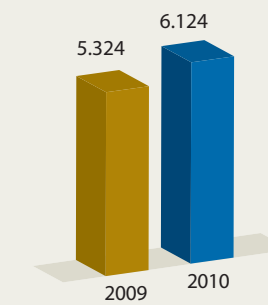


Tổng doanh thu

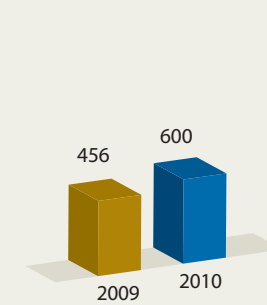


Lợi nhuận trước thuế

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT <small>Đơn vị: tỷ đồng</small>				
Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng	%
Tổng doanh thu	4.295	4.995	700	16%
Lợi nhuận trước thuế	219	311	92	42%



Tổng doanh thu



Lợi nhuận trước thuế

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ <small>Đơn vị: tỷ đồng</small>				
Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng	%
Tổng doanh thu	5.324	6.124	800	15%
Lợi nhuận trước thuế	456	600	144	32%



Bảo Việt - Một nền tảng 

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Ông Trần Hữu Tiến

Thành viên Hội đồng Quản trị

1999 – 2006: Phó Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp

2006 – nay: Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính



Ông David Fried

Thành viên Hội đồng Quản trị

2008- 2010: Tổng Giám đốc – Giám đốc Vùng phụ trách Bảo hiểm Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải

2010 – nay: Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm HSBC (Châu Á – Thái Bình Dương)
Tổng giám đốc Tập đoàn Trưởng lĩnh vực bảo hiểm HSBC Holding plc



Ông Lê Quang Bình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2003 – 2006: Vụ Trưởng Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính

2006 - 2007: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

2007 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm

Thành viên Hội đồng Quản trị

2003 – 2006: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam kiêm Tổng Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ

2006 - 2007: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

2007 - nay: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt



Ông Trần Trọng Phúc

Thành viên Hội đồng Quản trị

7/2004 - 12/2004: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam kiêm Tổng Giám đốc Bảo Việt Việt Nam

2005 - 2007: Tổng Giám đốc Bảo Việt Việt Nam

2008 - nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt



Ông Nguyễn Đức Tuấn

Thành viên Hội đồng Quản trị

2004 – 2006: Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam

2006 – 2007: Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam

2008 - nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ



Ông Nguyễn Quốc Huy

Thành viên Hội đồng Quản trị

2006 - 2011: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Phát triển phần mềm và cơ sở hạ tầng truyền thông toàn quốc
- Phát triển cơ sở dữ liệu khách hàng thống nhất

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Quản lý hiệu quả làm việc và hệ thống lương – thưởng phù hợp
- Đào tạo theo bản đồ học tập
- Xây dựng văn hóa làm việc hướng theo hiệu quả công việc

HỢP TÁC HỖ TRỢ

- Phát triển quan hệ hợp tác, chuyên môn hóa theo mô hình siêu thị tài chính
- Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm trọn gói theo mô hình siêu thị tài chính

MỘT BẢO VIỆT - MỘT NỀN TẢNG MỚI

Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2010 là thực hiện chiến lược xây dựng Một Bảo Việt – Một Nền tảng mới thông qua đổi mới về quản trị, đầu tư vào công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, phát triển thương hiệu, nâng cao năng lực tài chính, phát triển hợp tác kinh doanh.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

- Đổi mới nhận diện thương hiệu
- Phát triển thương hiệu dựa trên các giá trị cốt lõi
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Bảo đảm quyền lợi của cổ đông, người lao động và phát triển cộng đồng
- Hệ thống quản trị thống nhất, hiệu quả
- Minh bạch thông tin

BAN GIÁM ĐỐC KHỐI VÀ LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Ông Alan Royal, Giám đốc Công nghệ thông tin: Việc triển khai thành công hệ thống Công nghệ thông tin sẽ giúp Bảo Việt chuyển đổi mô hình tổ chức theo định hướng quản lý tập trung giúp nâng cao tính chuyên môn hóa và hiệu quả.



Ông Phan Tiến Nguyên, Giám đốc Nguồn nhân lực: Việc triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc trong năm 2010 đã góp phần xây dựng văn hóa đánh giá và đãi ngộ theo định hướng trả lương, thưởng theo hiệu quả công việc.



Ông Abbott Adrian, Giám đốc Quản lý rủi ro: Việc thành lập Hội đồng quản lý rủi ro và ALCO tại Tập đoàn và các Công ty thành viên đã tạo ra một hệ thống quản trị thống nhất và xuyên suốt trong toàn tập đoàn, nâng trình độ quản trị của Bảo Việt theo định hướng của các chuẩn mực quản trị quốc tế.



Ông Dương Đức Chuyển, Giám đốc Đầu tư, chiến lược: Năm 2010, Bảo Việt hoàn thành chiến lược và xác định được các mục tiêu và nhiệm vụ và giải pháp chiến lược cho giai đoạn 2011-2015. Đồng thời Bảo Việt cũng tập trung hoàn thiện các cơ chế quản trị đầu tư tại Tập đoàn và Công ty thành viên.



Ông Lê Hải Phong, Giám đốc Tài chính, quản lý bất động sản: Năm 2010 là một năm quan trọng khi Bảo Việt lần đầu tiên thực hiện báo cáo tài chính đầy đủ (full-set) theo chuẩn mực Kế toán quốc tế IFRS ngoài hệ thống báo cáo theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS.



Ông Nguyễn Thanh Hải, Kế toán Trưởng: Việc triển khai thành công hệ thống phần mềm kế toán SUN account tại Tập đoàn và đang tiếp tục triển khai tại các đơn vị thành viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng và tiến độ thực hiện báo cáo tài chính cũng như thông tin quản trị doanh nghiệp theo cả hai chuẩn mực kế toán IFRS và VAS.

SỨ MỆNH

“Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.”

TÂM NHÌN

“Phát triển thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư”

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC

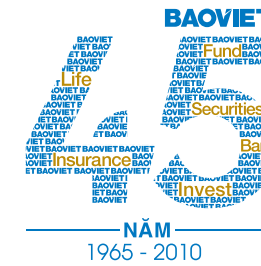


MÔ HÌNH TỔ CHỨC



• Trong năm 2010 Tập đoàn Bảo Việt đã thành lập thêm Khối Đầu tư và Khối Quản lý rủi ro nhằm tăng cường chuyên môn hóa và nâng cao tính chuyên nghiệp đối với các hoạt động này.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN BẢO VIỆT



Ngày 15/10/2010 Bảo Việt tự hào kỷ niệm 45 năm thành lập doanh nghiệp có bề dày lịch sử lâu đời nhất trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và cũng là doanh nghiệp tiên phong đi đầu trong việc đa dạng hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính.

2010

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

2009

Cổ phiếu của Tập đoàn Bảo Việt (mã BVH) chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

2008

Thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt; Công ty Đầu tư Bảo Việt

2007

Thực hiện thành công IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt. Ngày 15/10/2007 Tập đoàn Bảo Việt-Công ty Mẹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2005

Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)

1999

Thành lập BVSC là Công ty cổ phần chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam

1996

Lần đầu tiên cung cấp sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

1989

Phát triển thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

1965

Công ty Bảo hiểm Việt Nam thành lập 15/1/1965 kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

CỔ ĐÔNG

Phát hành cổ phiếu

Năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ cho HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited 53.682.474 cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu là 1.878,8 tỷ đồng.

Sau phát hành riêng lẻ, về số cổ phần sở hữu của các cổ đông khác ngoài HSBC(Asia-Pacific) Holdings Limited không có sự thay đổi, tuy nhiên về cơ cấu sở hữu của các cổ đông đã có thay đổi so với năm 2009 như sau:

STT	Các cổ đông	Trước khi phát hành		Phát hành riêng lẻ cho HSBC	Sau khi phát hành riêng lẻ cho HSBC		
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu		Số cổ phần	Giá trị tương đương (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Tài chính	444.300.000	77,54%		444.300.000	4.443	70,89%
2	HSBC	59.125.161	10,32%	53.682.474	112.807.635	1.128	18,00%
3	SCIC	20.400.000	3,56%		20.400.000	204	3,26%
4	Cổ đông khác	49.201.444	8,58%		49.201.444	492	7,85%
	Tổng số	573.026.605	100%		626.709.079	6.267	100%



Trong năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt cũng đã tiến hành thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2010 của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt. Tới ngày 6/1/2010, kết quả đã có 53.762.355 cổ phiếu được phát hành, chiếm 99,75% tổng số cổ phiếu được quyền phát hành với tổng số tiền thu được là 645,1 tỷ đồng.

STT	Các cổ đông	Trước khi phát hành			Sau khi phát hành rộng rãi		
		Số cổ phần sau phát hành	Tỷ lệ sở hữu	Phát hành rộng rãi tỷ lệ 8.6%	Số cổ phần	Giá trị tương đương (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu sau khi phát hành
1	Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%	38.209.800	482.509.800	4.820	70,91%
2	HSBC	112.807.635	18,00%	9.701.456	122.509.091	1.225	18,00%
3	SCIC	20.400.000	3,26%	1.754.400	22.154.400	221	3,26%
4	Cổ đông khác	49.201.444	7,85%	4.096.699	53.298.143	533	7,83%
	Tổng số	626.709.079	100%	53.762.355	680.471.434	6.804	100%

Sau phát hành cơ cấu của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% vốn Điều lệ)	605.018.891	88,91%
	- Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
	- HSBC	122.509.091	18,00%
2	Cổ đông khác	75.452.543	11,10%
3	Cổ đông trong nước	510.186.840	74,97%
	- Tổ chức	506.684.274	74,46%
	- Cá nhân	3.502.566	0,51%
4	Cổ đông nước ngoài	170.284.594	25,02%
	- Tổ chức	169.375.700	24,89%
	- Cá nhân	908.894	0,13%

(Cơ cấu trên dựa theo ngày chốt danh sách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 vào ngày 21/3/2011)

ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

TẬP ĐOÀN HSBC INSURANCE
(ASIA - PACIFIC)



Thông điệp của ông David Fried

Tập đoàn HSBC Insurance (Asia - Pacific) có cả lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ tại chín thị trường khu vực Châu Á Thái Bình Dương, bao gồm những thị trường tăng trưởng nhanh như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và Việt Nam cũng như Hong Kong, Singapore, Malaysia, Macau và Đài Loan. Tập đoàn HSBC Insurance là nhà quản lý lớn nhất đối với các chương trình bảo hiểm hưu trí tại Hồng Kông, chiếm khoảng một phần ba thị trường. Trong năm 2010, lợi nhuận của HSBC Insurance đã vượt 1 tỷ USD; doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng 30% với tổng tài sản đạt 31 tỷ USD và với hơn 2.500 cán bộ quản lý kinh doanh và cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

HSBC tự hào được đóng góp vào kết quả kinh doanh thuận lợi của Bảo Việt năm 2010.

Lễ kỷ niệm 45 năm thành lập Bảo Việt đánh dấu một mốc son quan trọng mang tính lịch sử đối với ngành dịch vụ tài chính Việt Nam. Bộ nhận diện thương hiệu mới ra mắt vào tháng 1 năm 2010 cho thấy Bảo Việt đang phát triển không ngừng và luôn sẵn sàng trước những thời cơ mới. Với bề dày truyền thống về sáng tạo và phát triển cùng nhiều ngành nghề đa dạng và mạng lưới rộng khắp cả nước, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm.

Chúng tôi vinh dự là đối tác chiến lược nước ngoài duy nhất của Bảo Việt, và đã hoàn thành việc tăng thêm 8% tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại Bảo Việt - khoản đầu tư trị giá 1.879 tỷ đồng (tương đương 101 triệu Đô la Mỹ) tháng 1 năm 2010 vừa qua. HSBC đã duy trì 18% tỷ lệ cổ phần nắm giữ bằng việc đầu tư thêm 116 tỷ đồng (tương đương 6 triệu Đô la Mỹ) thực hiện quyền mua cổ phiếu Bảo Việt vào tháng 11 năm 2010.

Chúng tôi đã hợp tác với Bảo Việt trong hơn 3 năm qua theo Thỏa thuận Hỗ trợ Kỹ thuật và Chuyển giao Năng lực (TSCTA) ký kết giữa hai bên. Thỏa thuận này bao gồm hợp tác trên mọi lĩnh vực tại Tập đoàn: quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro, tài chính, công nghệ thông tin, truyền thông - tiếp thị, bancassurance và nguồn nhân lực.

Hai bên đã tăng cường mối quan hệ hợp tác trong năm 2010, nhiều chuyên gia HSBC đã được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng tại Bảo Việt. Những chuyên gia được bổ nhiệm đều trực tiếp phụ trách các cương vị trong Ban lãnh đạo Tập đoàn như Phó Giám đốc Tài chính, Giám đốc Định phí Bảo hiểm, Giám đốc Quản lý Rủi ro, Phó Giám đốc Hoạt động, Phó Giám đốc Nguồn Nhân lực.

Nhóm chuyên gia HSBC đang hỗ trợ mang lại những cải tiến thiết thực và bền vững cho Bảo Việt. Sự kiện nổi bật trong năm 2010 là HSBC đã giúp Bảo Việt thực hiện thành công báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh theo chuẩn Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) - đồng thời thể hiện được cam kết tăng cường tính minh bạch và chất lượng báo cáo tài chính của Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt.

Các chuyên gia HSBC cũng đang bắt tay cùng Bảo Việt nhằm kiện toàn các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp. Hội đồng Quản lý Tài sản nợ, Tài sản có (ALCO) và Hội đồng quản lý Rủi ro (RMC) đã được thành lập. Các Hội đồng này tổ chức họp thường xuyên và được hỗ trợ rất nhiều nhờ vào chương trình kiểm toán ngày càng hoàn thiện.

Bảo Việt cũng đang được các chuyên gia HSBC hỗ trợ quản lý và thực hiện các dự án công nghệ thông tin trị giá xấp xỉ 25 triệu Đô la Mỹ giúp triển khai và đẩy mạnh chuyển hóa và tăng trưởng kinh doanh. Thông qua ứng dụng các công nghệ hiện đại và tiêu chuẩn quốc tế, Bảo Việt sẽ phát huy được khả năng đáp ứng nhu cầu trong tương lai của các khách hàng, cán bộ nhân viên và đại lý.

Chúng tôi sẽ tiếp tục đồng lòng chung sức với Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt để mang lại những thay đổi và chuyển biến góp phần củng cố vị trí hàng đầu của Tập đoàn tại Việt Nam. Chúng tôi mong đợi một năm mới 2011 với những thành công rực rỡ.

David Fried

Chủ tịch và Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm HSBC (Châu Á - Thái Bình Dương)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



Ông Lại Văn Đạo
Tổng Giám đốc SCIC



Nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác, phục vụ sự phát triển các hoạt động trên cơ sở khai thác thế mạnh của mỗi bên, ngày 22 tháng 10 năm 2009, Tập đoàn Bảo Việt và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) đã cùng nhau ký kết Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược toàn diện trong các lĩnh vực:

- Sử dụng nguồn lực, lợi thế của hai đơn vị trong đáp ứng các nhu cầu bảo hiểm của các đơn vị mà SCIC đầu tư vốn với giá cả cạnh tranh và chất lượng dịch vụ tốt nhất
- Hợp tác tiếp cận, triển khai các dự án đầu tư; đầu tư các sản phẩm tài chính
- Hợp tác giới thiệu, trao đổi kinh nghiệm của cả hai bên về quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, quản lý nguồn nhân lực và phối hợp các lĩnh vực thế mạnh khác của Bảo Việt và SCIC.

Theo Thỏa thuận này, SCIC cam kết thực hiện nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược và gắn bó lợi ích lâu dài với Bảo Việt. Việc triển khai các nội dung trong thỏa thuận hợp tác là cơ hội tốt để Bảo Việt tiếp cận các đối tác của SCIC nhằm phát huy tối đa khả năng hợp tác và phát triển kinh doanh, xây dựng cơ sở khách hàng và cùng phối hợp triển khai các dự án, chiến lược kinh doanh chung theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Ông Nguyễn Trung Thực
Trưởng Ban Kiểm soát

04/1998 - 09/2007: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

10/2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt

Ông Christopher Edwards
Thành viên Ban Kiểm soát

9/2004 - 5/2007: Giám đốc Tài chính Esanda (ANZ Group)

5/2007 - nay: Giám đốc Tài chính Vùng Công ty Bảo hiểm HSBC (Châu Á – Thái Bình Dương)

Ông Lê Văn Chí
Thành viên Ban Kiểm soát

07/2007 - 01/2008: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

01/2008 - nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Ông Nguyễn Ngọc Thụy
Thành viên Ban Kiểm soát

03/1997 - 09/2007: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

10/2007 - nay: Chuyên viên Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ (Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ), Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt

Ông Trần Minh Thái
Thành viên Ban Kiểm soát

6/2005 - 10/2007: Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

11/2007 - nay: Kế toán viên (Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt); Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy định quản lý nội bộ trong quản trị và điều hành thông qua việc tham dự các phiên họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị và các phiên họp giao ban định kỳ hàng tháng của Tổng Giám đốc; Đã thực hiện giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Tập đoàn Bảo Việt.

Ban Kiểm soát đã đứng ra làm đầu mối để tổng hợp và thống nhất các nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính trong năm tài chính 2010 của TĐBV, các công ty con và đơn vị đồng kiểm soát theo quy định của Pháp luật; Đã lập thư chào cung cấp vụ dịch vụ kiểm toán gửi các đơn vị kiểm toán theo danh sách đã được ĐHQĐ phê duyệt; Đã phối hợp với đại diện của các Công ty con tổ chức xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập và đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt.

Đã thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC trong năm 2010 theo Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Kiểm toán đã được ký kết với E&Y.

Đã tổ chức xem xét, thẩm tra các BCTC bán niên, các BCTC quý và BCTC năm 2010 của Tập đoàn được soát xét và kiểm toán bởi E&Y.

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng của Tập đoàn và Ủy ban Kiểm toán để nắm bắt kịp thời các thông tin về công tác quản trị của Hội đồng Quản trị, sự chỉ đạo điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, việc tuân thủ các quy định trong hoạt động kinh doanh tại Bảo Việt qua kết quả các cuộc kiểm toán nội bộ.

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2010, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; Giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì được quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tập đoàn, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ.

Trong năm 2010, Ban kiểm soát có sự thay đổi nhân sự theo Nghị quyết của ĐHQĐ theo đó Ông Christopher Edwards theo đề cử của Cổ đông chiến lược HSBC đã thay thế Bà Marjory Miller là thành viên Ban kiểm soát.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi thực hiện thành công cổ phần hóa vào năm 2007 và thực hiện niêm yết cổ phiếu của Tập đoàn, mã BVH, trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2009, cùng với sự hỗ trợ chuyển giao công nghệ của HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited, Tập đoàn Bảo Việt đã tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị xuyên suốt tại Tập đoàn và Công ty con theo chuẩn quốc tế.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị và việc hoàn thiện, chuyển đổi cơ chế quản trị được thể hiện qua các nội dung sau:

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Tập đoàn được thực hiện theo hình thức các cổ đông đầu tư vào Tập đoàn Bảo Việt-Công ty mẹ. Hội đồng quản trị của Tập đoàn Bảo Việt được Đại hội đồng cổ đông bầu ra là cơ quan đại diện sở hữu của các cổ đông. Cơ cấu tổ chức tại Tập đoàn Bảo Việt gồm HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các Khối chức năng được thành lập để thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của Tập đoàn tại các Công ty Con, thực hiện kinh doanh tại Tập đoàn và phối hợp hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại các Công ty Con.

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đầu tư vốn vào các Công ty Con, Công ty liên kết và thực hiện quyền của Chủ sở hữu, cổ đông góp vốn tại các Công ty Con, Công ty liên kết. Tại các Công ty Con, Công ty liên kết Tập đoàn Bảo Việt cử Người đại diện vốn góp là Hội đồng thành viên (trường hợp góp 100% vốn điều lệ) hoặc cử Người đại diện trực tiếp tham gia quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn tại doanh nghiệp. Tập đoàn Bảo Việt xây dựng các quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo thực hiện hiệu quả việc quản trị vốn đầu tư xuyên suốt tại Tập đoàn và của Tập đoàn đối với các Công ty Con, Công ty liên kết tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các quy định Quản trị liên quan và Điều lệ hoạt động của Tập đoàn và của các đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt hoạt động với số lượng 07 thành viên. Thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, 4 cuộc họp định kỳ đã được tổ chức trong năm 2010 để xem xét và thông qua các nghị quyết theo chức năng của HĐQT.

Hội đồng Quản trị cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để giải quyết gần 100 vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn như quản trị doanh nghiệp, thực hiện các dự án hợp tác - đầu tư, đồng thời tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt việc giám sát và việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, mang lại những kết quả đáng ghi nhận với một số điểm nổi bật như sau:

Về mô hình tổ chức: Hội đồng Quản trị đã ra Quyết định thành lập Khối Quản lý Rủi ro và Khối Đầu tư, đồng thời bổ nhiệm chức vụ Giám đốc các Khối để kiện toàn đội ngũ Lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt.

Về các cơ chế quản trị: Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế Hoạt động Ủy Ban ALCO; Quy chế Đầu tư và Quản lý Tài sản của Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế Quản lý Rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Quy chế liên quan tới nhân sự của Tập đoàn.

Về các dự án đầu tư của Tập đoàn: Hội đồng Quản trị đã ra quyết định liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản, dự án thuộc kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống công nghệ thông tin của Tập đoàn. Nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản trị vốn đầu tư tại các dự án đầu tư.

Về quản lý chiến lược: HĐQT đã chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và các Công ty Con cho giai đoạn 2011-2015.

Tăng vốn nâng cao năng lực tài chính: HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện thành công 2 đợt tăng vốn trong năm 2010, chỉ đạo thực hiện đầu tư tăng vốn cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ từ 1.000 tỷ đồng lên thành 1.500 tỷ đồng.

Chỉ đạo triển khai việc đánh giá xếp hạng tín nhiệm nhằm tăng cường tính minh bạch với việc đánh giá độc lập và khách quan của các công ty uy tín về xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp đối với hệ thống quản trị, năng lực tài chính của Tập đoàn. Tăng cường thực hiện công khai minh bạch tài chính đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nhìn lại một năm qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, xây dựng những nền tảng quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2011 – 2015.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT

Năm 2010, tổng thù lao thực chi cho các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là 816,67 triệu đồng (bằng 63,90% so với nguồn chi được phép sử dụng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và bằng 0,096% so với lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện của Tập đoàn). Hiện Tập đoàn Bảo Việt có 6 thành viên HĐQT không chuyên trách.

Tổng thù lao thực chi cho thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 275 triệu đồng (bằng 80,86% so với nguồn chi được phép sử dụng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và bằng 0,032% so với lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện của Tập đoàn). Hiện Tập đoàn Bảo Việt có 4 thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Năm 2010 không có sự thay đổi đáng kể (thay đổi không quá 10.000 cổ phần) về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cá nhân các thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan của các đối tượng nói trên. Không có hợp đồng, giao dịch nào được ký kết với Công ty của các đối tượng nêu trên. Mọi thay đổi về số cổ phần nắm giữ hoặc giao dịch có liên quan đều được thông báo công khai theo quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

BÁO CÁO CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN

Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo các chuẩn mực quốc tế, Hội đồng Quản trị đã thành lập các Ủy Ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư. Hoạt động của các Ủy Ban/Hội đồng được quy định như sau:

Ủy ban Kiểm toán

Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán là Ông Nguyễn Quốc Huy, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), nguyên Phó tổng Giám đốc Deloitte-VACO Việt Nam.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phối hợp và rà soát đánh giá tính hợp lý, khách quan của báo cáo tài chính doanh nghiệp dựa trên các báo cáo kiểm soát của công ty tư vấn và kiểm toán có kinh nghiệm quốc tế.

Chức năng chính của Ủy Ban Kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ, đảm bảo mọi hoạt động trong

Tập đoàn và các Công ty Con được tuân thủ nghiêm ngặt. Năm 2010, bộ máy và quy trình hoạt động của hoạt động kiểm toán đã cơ bản được hoàn chỉnh với việc thành lập mới 2 bộ phận chính là Kiểm toán Hoạt động Bảo hiểm Nhân thọ và Kiểm toán Hoạt động Bảo hiểm Phi Nhân thọ với 22 kiểm toán viên. Kiểm toán Nội bộ của Tập đoàn đã thực hiện nhiều cuộc kiểm toán theo chuẩn và dự án chuyển giao công nghệ của HSBC.

Trong thời gian tới, hoạt động kiểm toán sẽ bao gồm cả hoạt động đầu tư. Mục tiêu hoạt động của Ủy Ban là sẽ từng bước thực hiện kiểm toán toàn bộ các hoạt động nhằm kiểm soát tốt quản lý rủi ro của Bảo Việt.



Ông Nguyễn Quốc Huy
Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm toán

Trong năm 2010, Ban kiểm toán đã được kiện toàn thông qua việc tăng cường tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, tăng cường chuyên môn hóa trong tổ chức hoạt động kiểm toán. Công tác kiểm toán đang được thực hiện với các quy trình theo chuyển giao công nghệ của HSBC nhằm giúp HĐQT trong quản lý rủi ro. Qua hơn 2 năm hoạt động, KTNB đã thực hiện gần 20 cuộc kiểm toán, cung cấp những thông tin cần thiết để hoàn thiện các quy trình quản lý phù hợp với hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt từ đó đưa ra nhiều khuyến nghị về thực hiện các biện pháp kiểm soát trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài chính.

Ủy Ban Thù lao – Bổ nhiệm

Chủ nhiệm Ủy Ban là Ông Nguyễn Hữu Tiến, thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp- Bộ Tài chính. Nhiệm vụ chủ yếu của Ủy ban là hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cao cấp của Tập đoàn Bảo Việt, mô hình quản trị và các chiến lược trong phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2010, Ủy ban đã triển khai nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách quản lý đối với cán bộ quản lý cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các đề xuất của Công ty Mẹ và các Công ty Con; tư vấn các quyết định liên quan tới việc bổ nhiệm, đãi ngộ các cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo/quản lý cấp cao của Tập đoàn và 3 công ty Con.

Ủy Ban Đầu tư-Chiến lược

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt do Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm, được Hội đồng Quản trị thành lập ngày 10 tháng 06 năm 2008 với chức năng tư vấn và tham mưu cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư và nghiên cứu, đánh giá hoạt động đầu tư.

Kể từ khi thành lập, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã thực hiện được các công việc tham gia xây dựng chiến lược năm 2011 – 2015; tham gia ý kiến về ban hành các quy định, quy chế tăng cường quản lý, thực hiện đầu tư; thực hiện rà soát tình hình các dự án, doanh nghiệp mà Bảo Việt có đầu tư vốn; tham gia vào các Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO), Ủy ban Quản lý Rủi ro (RMC).

Hoạt động của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã góp phần vào việc nâng cao hiệu quả và quản lý tốt rủi ro trong kinh doanh của Bảo Việt, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng bền vững của Bảo Việt, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các cán bộ, nhân viên cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

Hội đồng ALCO

Hội đồng ALCO do Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ tịch. Hội đồng ALCO của Tập đoàn có nhiệm vụ quản lý rủi ro ảnh hưởng tới các cân đối giữa tài sản có và tài sản nợ trên bảng tổng kết tài sản của toàn Tập đoàn. Các Hội đồng ALCO của các Công ty thành viên cũng đã được thành lập và hoạt động trong năm 2010 nhằm tạo ra một cơ chế quản trị rủi ro tài chính xuyên suốt tại Tập đoàn và các Công ty Con.

Hội đồng ALCO đã tổ chức họp định kỳ hàng quý trong năm 2010. Trong các cuộc họp, Hội đồng đã đánh giá các chỉ tiêu hoạt động cơ bản của các đơn vị (KPIs) các rủi ro liên quan tới các biến động trên tài sản nợ và tài sản có, biến động khả năng thanh toán, lưu chuyển tiền tệ, kết quả đầu tư của Tập đoàn và các Công ty Con.

Có thể nói, hoạt động phân tích và đánh giá tài chính trên cơ sở báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và quốc tế IFRS đã đưa ra các khuyến nghị hiệu quả cho Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị trong quản trị tài chính doanh nghiệp.



Ông Danny Lui
Phó Giám đốc Tài chính Tập đoàn Bảo Việt

Năm 2010 Bảo Việt đã thực hiện được việc công bố báo cáo tài chính IFRS đầy đủ. Đây là một tiến bộ lớn trong thông tin báo cáo để phân tích nghiên cứu và cung cấp cho nhà đầu tư và các đối tác kết quả kinh doanh của Bảo Việt theo thông lệ được quốc tế thừa nhận. Báo cáo tài chính IFRS được xem xét, đánh giá và so sánh trong các cuộc họp ALCO định kỳ.

Hội đồng Quản lý Rủi ro

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Rủi ro là Ông Adrian Abbott, Giám đốc Khối rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt, chuyên gia cấp cao về quản lý rủi ro của HSBC. Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt đã được thành lập nhằm tiếp tục thực hiện đổi mới mô hình quản trị, đổi mới cơ cấu tổ chức của Tập đoàn theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Khối Quản lý Rủi ro của Tập đoàn cũng đã được thành lập và tăng cường nhân sự nhằm tăng cường tính chuyên môn hóa trong hoạt động.

Trong năm 2010, các Hội đồng Quản lý Rủi ro tại các đơn vị thành viên theo đó cũng đã được thành lập nhằm xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro xuyên suốt và thống nhất trong toàn Tập đoàn.

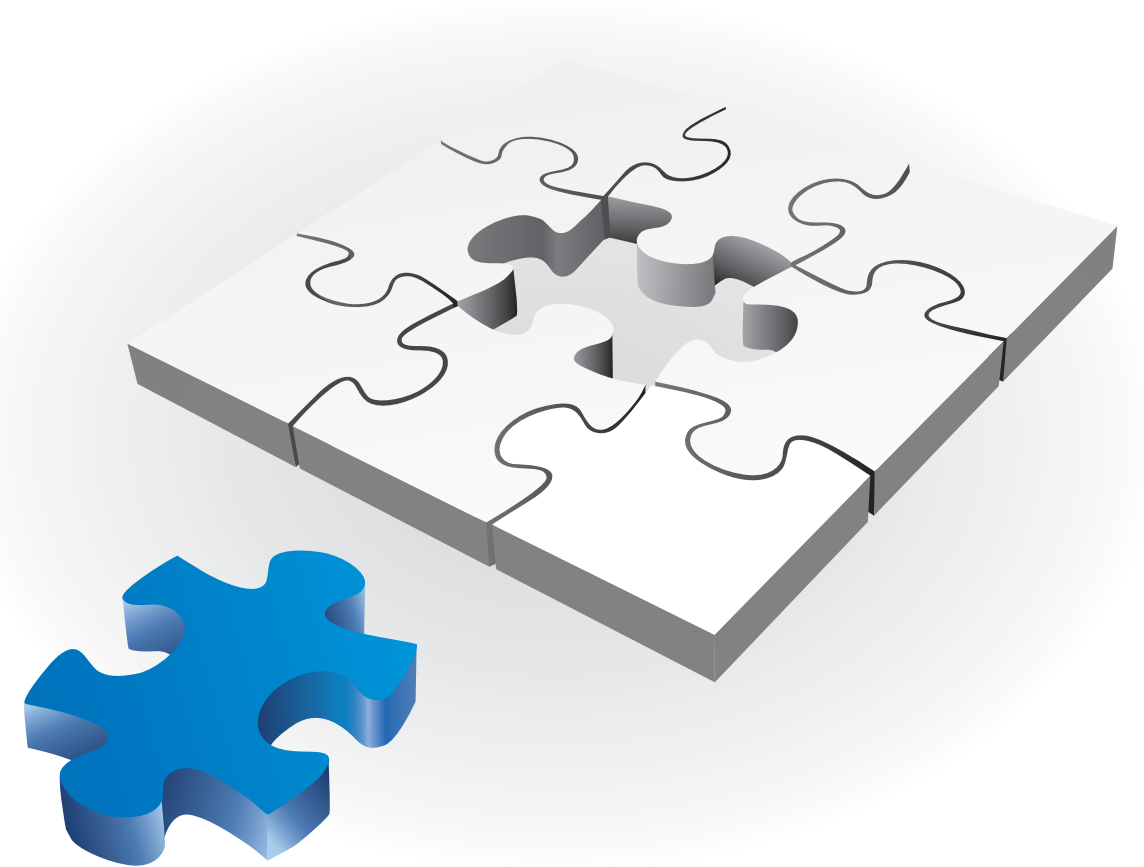
Hội đồng Quản lý Rủi ro đã tổ chức 2 phiên họp nhằm đưa ra phương hướng và các kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo Rủi ro, Phân tích và Báo cáo Kết quả Đầu tư, Khung Rủi ro Thị trường, Mẫu về Hạn mức Rủi ro Tín dụng, và Bảng Đánh giá Rủi ro đã được xây dựng và được Hội đồng Quản lý Rủi ro thông qua.

Với những đánh giá và phân tích trên, Lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã phân bổ những nhiệm vụ cụ thể về quản lý rủi ro cho các bộ phận chuyên môn ở từng đơn vị.

Nhìn chung, năm 2010, Hội đồng đã hoàn thành tốt những mục tiêu cơ bản được đề ra bao gồm việc nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý rủi ro toàn Tập đoàn; xây dựng và triển khai hệ thống, chính sách và quy trình quản lý rủi ro; góp phần hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế.

Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh được quản lý theo hoạt động của Hội đồng quản lý rủi ro tại Tập đoàn và các Công ty Con gồm:

Phân loại	Cơ sở đánh giá rủi ro
Rủi ro tín dụng	Rủi ro liên quan đến việc khách hàng hoặc các đối tác của Bảo Việt không thể hoặc không muốn thực hiện các cam kết đã ký với Tập đoàn hoặc các Công ty thành viên. Rủi ro tín dụng có thể dưới nhiều dạng khác nhau, bao gồm cho vay - khoản vốn không được hoàn trả lại, giấy vay nợ; trái phiếu - khoản tiền chưa được trả đang được ghi nhận là công nợ; sản phẩm trái phiếu chính phủ - việc hoàn trả lại theo cam kết không được thực hiện hoặc bị ngừng lại; mua bán doanh nghiệp - việc hoàn trả nợ không còn hiệu lực. Rủi ro bảo hiểm khi thực hiện tái bảo hiểm - công ty tái bảo hiểm không thực hiện/không thể thực hiện đúng cam kết; Giao dịch qua biên giới - việc chuyển tiền có thể tự do thực hiện và có thể bị cấm hoặc tạm dừng; Việc nắm giữ tài sản cầm cố - giá trị tài sản bị sụt giảm ví dụ sau khi hệ số tín nhiệm giảm
Rủi ro bảo hiểm	Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến các sự việc không chắc chắn như sự cố, số lượng và thời gian xảy ra sự cố thuộc trách nhiệm bảo hiểm được Công ty bảo hiểm chấp nhận.
Rủi ro thanh khoản	Là rủi ro liên quan đến việc Tập đoàn hoặc các đơn vị thành viên của Tập đoàn không thể thực hiện được nghĩa vụ nợ đã cam kết khi đến hạn hoặc chỉ có thể thực hiện với mức chi phí quá lớn. Điều này do nhiều nhân tố gây ra: từ việc có quá nhiều người rút tiền ra khỏi ngân hàng đến việc không thể bán được công cụ tài chính trên thị trường đúng thời điểm. Rủi ro thanh khoản nói chung được quản lý bằng cách sử dụng các thông số thanh khoản cần thiết.
Rủi ro thị trường	Rủi ro liên quan đến giá trị tài sản hoặc công nợ có thể bị thay đổi do sự thay đổi lãi suất hoặc giá cả. Các yếu tố rủi ro thị trường cơ bản là rủi ro lãi suất, credit spread, rủi ro tỷ giá và rủi ro vốn chủ sở hữu. Các rủi ro sẽ được kiểm soát bởi các công cụ tính toán rủi ro thị trường như các các giới hạn về tính nhạy cảm, các giới hạn về rủi ro giá trị, stress testing (phương pháp kiểm tra tính ổn định của hệ thống)
Rủi ro hoạt động	Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra tổn thất từ lỗi, hành vi bất hợp pháp, lỗi bất cẩn, lỗi quy trình hoặc do các nguyên nhân khách quan bên ngoài. Rủi ro tiềm ẩn bên trong mỗi doanh nghiệp và nó bao gồm nhiều mặt. Các loại rủi ro liên quan đến tín dụng, thị trường, thanh khoản, bảo hiểm, quy hoạch, giá trị thu hồi, chiến lược, uy tín của doanh nghiệp không nằm trong rủi ro hoạt động. Mục đích của QLRR hoạt động là giảm thiểu thiệt hại ở mức có thể chấp nhận được, nhất quán giữa rủi ro và lợi nhuận, chi phí và hiệu quả.
Rủi ro kênh phân phối	Thực hiện kênh phân phối là điểm mấu chốt trong kinh doanh của Tập đoàn; các yếu tố thể hiện bên ngoài là tuyển dụng, duy trì, thi hành, chuyên môn hóa năng suất; thay đổi thù lao phải được kiểm soát trong điều kiện cạnh tranh và phù hợp với mục tiêu kinh doanh.
Rủi ro liên quan đến danh tiếng	Danh tiếng của Tập đoàn và các Công ty thành viên là vấn đề then chốt quyết định sự thành công. Bất cứ tổ chức dịch vụ tài chính nào có thể tồn tại hoặc thất bại do danh tiếng của tổ chức đó và niềm tin mà tổ chức đó mang đến cho khách hàng. Giữ được niềm tin của khách hàng là mục tiêu tiên quyết của nhà quản lý và có thể đạt được thông qua tình hình tài chính vững vàng và việc kiểm soát thành công các rủi ro của nhà quản lý nhưng danh tiếng có thể bị phá hủy nặng nề do không tuân thủ các luật lệ liên quan hoặc do các hành vi không phù hợp hoặc các bình luận của phương tiện thông tin đại chúng. Cần thiết phải thiết lập bộ máy kiểm soát nội bộ vững mạnh trong Tập đoàn và các đơn vị thành viên để đánh giá được đầy đủ các ảnh hưởng tiềm ẩn đến danh tiếng, nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc thiếu khả năng quản lý hoạt động, quản lý tài chính hoặc do quyết định sai lầm trong hoạt động kinh doanh, trong chiến lược kinh doanh.
Rủi ro giá trị còn lại	Rủi ro giá trị còn lại là rủi ro có ảnh hưởng xấu về tài chính do sự thay đổi về giá trị tài sản cố định khi kết thúc kỳ hạn.
Rủi ro chiến lược	Rủi ro chiến lược là rủi ro doanh nghiệp sẽ không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và/hoặc thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi, một số thay đổi có thể xuất hiện trong một vài năm như sự thay đổi tình hình kinh tế, chính trị, yêu cầu của khách hàng, xu hướng địa lý, sự phát triển của môi trường luật pháp hoặc các hành động của đối thủ. Rủi ro có thể được giảm thiểu do việc xem xét kỹ các cơ hội và thách thức tiềm tàng trong suốt quá trình lập kế hoạch chiến lược.
Rủi ro bền vững của doanh nghiệp	Rủi ro bền vững của doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề nhạy cảm về môi trường và/hoặc xã hội đi ngược lại yêu cầu về phát triển bền vững doanh nghiệp. Trên thực tế, các ảnh hưởng không tốt đến môi trường và xã hội cao hơn lợi ích kinh tế mà nó mang lại. Rủi ro đó có thể phát sinh từ các dịch vụ của Tập đoàn như quản lý tài sản, tài chính doanh nghiệp nhưng nói chung liên quan nhất đến hoạt động cho vay, nơi thiết lập liên kết trực tiếp với các ảnh hưởng xấu.



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



Ông TRẦN TRỌNG PHÚC
Tổng Giám đốc

“ Năm 2010, Bảo hiểm Bảo Việt đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh; thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả; đồng thời tập trung đầu tư phát triển công nghệ thông tin và các hình thức sản phẩm dịch vụ mới. ”

Năm 2010 cũng là năm Bảo hiểm Bảo Việt tập trung vào củng cố xây dựng một nền tảng mới thông qua:

Đầu tư phát triển và hiện đại hóa phần mềm công nghệ thông tin như: InsureJ, SunAccount, Lotus Note nhằm hỗ trợ tích cực công tác điều hành, quản lý nghiệp vụ cũng như thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa, quản lý tập trung và dịch vụ tại chỗ;

Tập trung vào việc phát triển nhân sự, xây dựng mô hình tổ chức và quản trị nhân sự theo định hướng chung của Tập đoàn;

Phát triển kênh phân phối Bancassurance và mở ra các kênh phân phối mới như E-commerce kết hợp với HSBC; thành lập Call Center nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;

Phát huy thế mạnh trong các lĩnh vực bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm y tế và tai nạn con người, bảo hiểm gián đoạn kinh doanh, bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm chủ tàu, bảo lãnh viện phí...

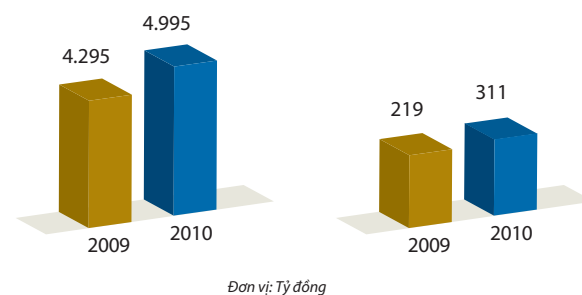
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ. Với hơn 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt luôn giữ vững vị trí là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ số một tại thị trường bảo hiểm Việt Nam về uy tín, chất lượng dịch vụ và thị phần.

Bảo hiểm Bảo Việt có mạng lưới hoạt động trong phạm vi cả nước, với 66 công ty thành viên và hơn 300 phòng phục vụ khách hàng; hơn 3.000 nhân viên và hơn 10.000 đại lý bảo hiểm. Các lĩnh vực hoạt động chính của Bảo hiểm Bảo Việt là: Bảo hiểm phi nhân thọ; kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ; giám định tổn thất; đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

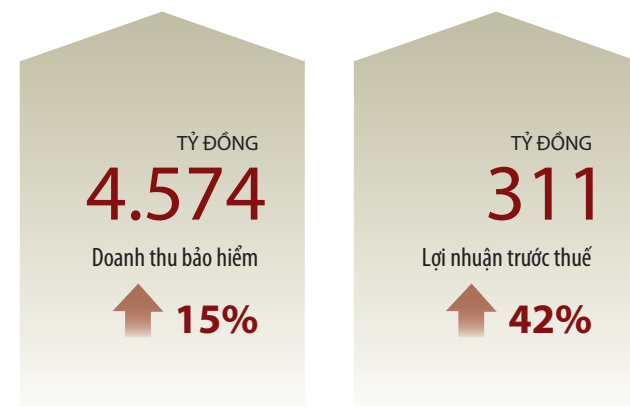
Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế và thị trường bảo hiểm có nhiều khó khăn, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn hoàn thành xuất sắc kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Tổng doanh thu đạt 4.995 tỷ đồng, tăng trưởng 16,3% so với năm 2009. Doanh thu bảo hiểm đạt 4.574 tỷ đồng, tăng trưởng gần 15% so với năm 2009. Lợi nhuận trước thuế đạt 311 tỷ đồng, tăng trưởng trên 41% so với năm 2009.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện tốt công tác đánh giá rủi ro, quản lý bồi thường và có lãi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm với tỷ lệ chi phí kết hợp trên doanh thu thuần là 94,2%. Bảo hiểm Bảo Việt hiện là doanh nghiệp số một trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ với thị phần phí bảo hiểm gốc là 24,7%.



Tổng doanh thu

Lợi nhuận trước thuế



Kế hoạch 2011

Năm 2011, Bảo hiểm Bảo Việt đề ra phương châm hoạt động theo 3 nội dung: ĐỔI MỚI - trong ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý hiện đại; CHẤT LƯỢNG - dẫn đầu về chất lượng và sự hài lòng của khách hàng; HIỆU QUẢ - năng suất lao động và lợi nhuận cao. Với những mục tiêu kinh doanh cụ thể như sau:

- Tăng trưởng 16%;
- Tổng doanh thu đạt trên 5.792 tỷ đồng,
- Doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng trên 16%
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trên 25,4%

Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015 và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc bình quân 5 năm 2011 - 2015 đạt 16%/năm.

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: Tỷ đồng

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT	Năm 2009	Năm 2010	Thay đổi	%
Tổng doanh thu	4.295	4.995	700	16%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.987	4.574	587	15%
Doanh thu hoạt động tài chính	296	415	119	40%
Lợi nhuận trước thuế	219	311	92	42%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.013	1.540	527	52%
Tổng tài sản	4.636	5.721	1.085	23%
ROE	16,41%	15,55%	-	-
Tỷ lệ tổn thất	53,9%	49,30%	-	-
Tỷ lệ kết hợp	97,59%	94,17%	-	-

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.202.446.387.782	2.252.540.829.378
Tiền	86.398.758.384	104.458.309.835
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.585.700.800.000	703.864.000.000
Các khoản phải thu	1.479.084.928.228	1.409.444.890.826
Hàng tồn kho	9.602.608.708	9.160.988.407
Tài sản ngắn hạn khác	41.659.292.462	25.612.640.310
TÀI SẢN DÀI HẠN	2.518.212.344.699	2.383.761.925.272
Tài sản cố định	626.633.290.454	569.493.784.283
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.870.147.088.339	1.795.585.009.882
Tài sản dài hạn khác	21.431.965.906	18.683.131.107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.720.658.732.481	4.636.302.754.650
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	4.180.621.301.772	3.623.201.852.257
Nợ ngắn hạn	1.050.913.328.325	958.272.870.093
Dự phòng nghiệp vụ	3.117.944.873.780	2.656.941.256.258
Nợ khác	11.763.099.667	7.987.725.906
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.540.037.430.709	1.013.100.902.393
Vốn chủ sở hữu	1.540.037.430.709	1.013.100.902.393
Vốn đầu tư của công ty mẹ	1.500.000.000.000	1.000.000.000.000
Lợi nhuận giữ lại và các quỹ	40.037.430.709	13.100.902.393
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.720.658.732.481	4.636.302.754.650

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

CHỈ TIÊU	Năm trước VNĐ	Năm nay VNĐ
Tổng doanh thu	4.994.672.287.391	4.294.530.291.067
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.574.030.982.006	3.987.319.219.075
Doanh thu từ hoạt động tài chính	414.940.531.260	296.151.307.473
Doanh thu từ hoạt động khác	5.700.774.125	11.059.764.519
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.143.631.627.698)	(1.030.842.352.310)
Doanh thu thuần	3.851.040.659.693	3.263.687.938.757
Tổng chi phí	(3.540.065.256.909)	(3.044.443.182.595)
Chi phí hoạt động kinh doanh Bảo hiểm	(2.430.546.218.527)	(2.240.573.650.601)
Chi phí hoạt động tài chính	(182.895.430.534)	(50.239.328.328)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(926.244.164.763)	(748.323.085.281)
Chi phí khác	(379.443.085)	(5.307.118.385)
Lợi nhuận trước Thuế	310.975.402.784	219.244.756.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(71.479.938.884)	(53.018.678.357)
Lợi nhuận sau Thuế	239.495.463.900	166.226.077.805



THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Từ trái sang phải

Ông **Tạ Văn Cần** - Phó Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Xuân Thủy** - Phó Tổng Giám đốc

Ông **Trần Trọng Phúc** - Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Kim Phú** - Phó Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Quang Phi** - Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Tổng Giám đốc

“ Năm 2010, Bảo Việt Nhân Thọ đã đạt được nhiều thành công lớn về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, tập trung vào chuyển đổi mô hình kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối đào tạo và huấn luyện đội ngũ cán bộ, tư vấn viên để nâng cao dịch vụ khách hàng. ”

Năm 2010 cũng là năm đánh dấu nhiều thay đổi và chuyển biến tích cực của toàn hệ thống Bảo Việt Nhân thọ với 5 giải pháp mang tính nền tảng được thực hiện xuyên suốt cả năm.

- Tăng cường tập trung hóa: quản lý tập trung các mảng liên quan tới COC và tài chính kế toán đã dẫn đi vào nề nếp, giúp các công ty tập trung nguồn lực cho hoạt động phát triển kinh doanh.
- Triển khai phát triển hệ thống công nghệ thông tin: phần mềm quản lý nghiệp vụ quốc tế dựa trên mô hình quản lý tập trung toàn hệ thống đã đi vào hoạt động trên toàn hệ thống vào tháng 2/2011.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: thành lập bộ phận telemarketing và chăm sóc khách hàng đồng thời không ngừng đào tạo để nâng cao khả năng phục vụ. Tạo sự đổi mới về
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức: củng cố lực lượng phát triển kinh doanh; quy hoạch và đào tạo cán bộ với các chính sách lương thưởng phù hợp
- Tập trung phát triển kinh doanh qua thực hiện chuyên môn hóa các chức năng phát triển và đào tạo đại lý, phát triển thị trường, tăng cường đào tạo cho các cấp đại lý.

Những nỗ lực xây dựng nền tảng đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua tăng cường tính chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động từ đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sự chuyển biến mạnh về tăng trưởng doanh thu và hiệu quả cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ, là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường với 15 năm kinh nghiệm hoạt động.

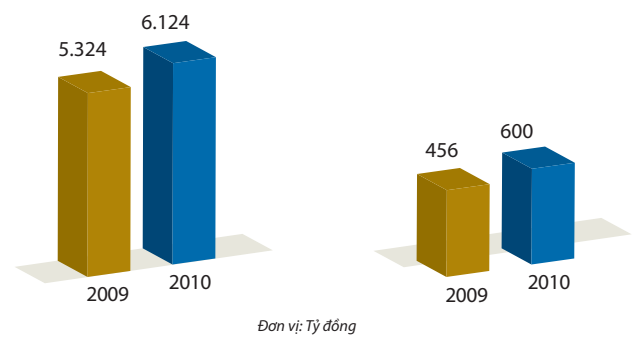
Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp hàng đầu với 29,2% thị phần doanh thu phí bảo hiểm; kinh doanh các loại hình bảo hiểm nhân thọ; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; quản lý quỹ và tiến hành các hoạt động đầu tư.

Bảo Việt Nhân thọ có mạng lưới 60 Công ty thành viên xuyên suốt 63 tỉnh thành và hơn 500 điểm phục vụ khách hàng trên toàn quốc, cùng với đội ngũ gần 2.000 cán bộ và gần 20.000 tư vấn viên bảo hiểm, phục vụ hơn 1,5 triệu khách hàng trên toàn quốc.

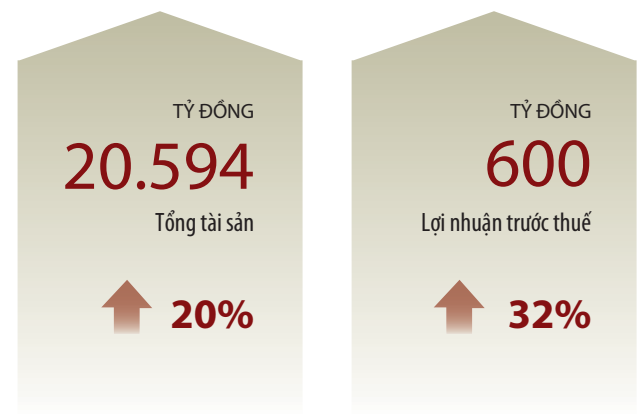
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010, kết quả kinh doanh bảo Bảo Việt Nhân Thọ khá khả quan với tổng doanh thu đạt 6.124 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2009, hoàn thành vượt mức 10% so với kế hoạch. Doanh thu phí bảo hiểm đạt 4.046 tỷ đồng, tăng trưởng 9,2% so với năm 2009, hoàn thành vượt mức 2,5% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 600 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với năm 2009.

Kết quả tăng trưởng nói trên là tác dụng từ hàng loạt các chương trình chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh triển khai sản phẩm mới và nâng cao chất lượng của hệ thống phân phối trên toàn quốc.



Tổng doanh thu **Lợi nhuận trước thuế**



Định hướng 2011

Năm 2011 đánh dấu sự ra đời của Bảo Việt Nhân thọ tròn 15 năm, cũng là cột mốc lịch sử của ngành bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam. Bảo Việt Nhân thọ đặt mục tiêu năm 2011 đạt 30% thị phần, tổng doanh thu bảo hiểm gốc đạt gần 4.400 tỷ đồng, tăng trưởng 8,5 %, trong đó doanh thu khai thác mới tăng

25%. Bảo Việt Nhân thọ sẽ tập trung vào việc phát triển sản phẩm, hoàn thiện việc chuyển đổi mô hình sang mô hình theo hướng chuyên nghiệp hóa, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng của tư vấn viên nhằm nâng tính chuyên nghiệp và năng suất lao động trên toàn hệ thống.

Các chỉ số hoạt động

Đơn vị: Tỷ đồng

BẢO VIỆT NHÂN THỌ	Năm 2009	Năm 2010	Thay đổi	%
Tổng doanh thu	5.324	6.124	800	15%
Doanh thu khai thác mới	730	760	30	4%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.704	4.046	342	9%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.615	2.069	455	28%
Lợi nhuận trước thuế	456	600	144	32%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.527	1.581	54	4%
Tổng tài sản	17.150	20.594	3444	20%
ROE	23,76%	30,04%	-	-
Số lượng đại lý	18.000	19.999	1.999	11%

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.262.599.237.885	1.200.994.662.126
Tiền và các khoản tương đương tiền	242.980.700.033	403.750.624.359
Các khoản phải thu	1.006.087.352.129	786.648.681.245
Hàng tồn kho	12.917.679.613	10.286.029.983
Tài sản ngắn hạn khác	613.506.110	309.326.539
TÀI SẢN DÀI HẠN	19.331.315.240.817	15.949.086.093.132
Tài sản cố định	601.102.745.129	551.587.362.491
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	18.671.595.612.623	15.377.320.111.741
Tài sản dài hạn khác	58.616.883.065	20.178.618.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	20.593.914.478.702	17.150.080.755.258
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	19.012.901.834.033	15.622.647.589.106
Nợ ngắn hạn	3.222.729.560.462	769.764.756.044
Nợ dài hạn	55.154.868.155	43.951.579.032
Dự phòng nghiệp vụ	15.735.017.405.416	14.808.931.254.030
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.581.012.644.669	1.527.433.166.152
Vốn chủ sở hữu	1.581.012.644.669	1.527.433.166.152
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Lợi nhuận để lại và các quỹ	81.012.644.669	27.433.166.152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	20.593.914.478.702	17.150.080.755.258

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

CHỈ TIÊU	Năm trước VNĐ	Năm nay VNĐ
Tổng doanh thu	6.115.269.908.663	5.323.825.645.427
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	4.037.442.495.252	3.704.401.156.127
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.070.769.668.653	1.614.669.789.883
Doanh thu từ hoạt động khác	7.057.744.758	4.754.699.417
Tổng chi phí	(5.515.726.728.298)	(4.868.183.542.460)
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(4.062.051.307.848)	(4.001.087.536.607)
Chi phí từ hoạt động tài chính	(905.537.696.869)	(325.093.882.630)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(548.046.962.593)	(541.836.833.785)
Chi phí khác	(90.760.988)	(165.289.438)
Lợi nhuận trước Thuế	599.543.180.365	455.642.102.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(118.549.558.777)	(88.236.088.293)
Lợi nhuận sau Thuế	474.998.189.784	362.849.593.644



THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Từ trái sang phải

TS. **Nguyễn Thành Quang** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Đức Tuấn** - Tổng Giám đốc

Bà **Nguyễn Thị Lâm Hồng** - Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Quang Tâm** - Phó Tổng Giám đốc



Ông BUI TUẤN TRUNG
Tổng Giám đốc

“ Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt hướng tới chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. ”

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ. Với kinh nghiệm 15 năm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý đầu tư các nguồn vốn lớn và dài hạn, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt hiện đã khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.

Tổng tài sản do Công ty quản lý liên tục tăng trưởng ổn định và là 1 trong 2 công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất Việt Nam, trong đó số vốn ủy thác của các khách hàng bên ngoài ngày càng được nâng cao. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư; quản lý danh mục đầu tư ủy quyền toàn bộ; quản lý danh mục đầu tư theo chỉ định và dịch vụ quản lý quỹ

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010 là năm rất khó khăn đối với hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán. Năm 2010, tổng tài sản quản lý của Công ty là 20.261 tỷ đồng, trong đó quỹ thành viên của Bảo Việt Nhân Thọ chiếm 85.98% và Bảo hiểm Bảo Việt chiếm 8% tương ứng. Tổng doanh thu của Công ty đạt 56 tỷ đồng, bằng 83% so với năm 2009. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ của Công ty đạt 42%.

Đối với các danh mục đầu tư, tỷ suất lợi nhuận của các danh mục ủy thác của các đơn vị thành viên đều vượt so với yêu cầu, cơ cấu danh mục đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Đạt được kết quả tổng thể như vậy, từng mảng nghiệp vụ, hoạt động của công ty đã có những cải thiện đáng kể như sau:

Danh mục tiền gửi năm 2010 có lãi suất bình quân cao hơn so với lãi suất của thị trường.

Các danh mục cũng liên tục được cân đối để đáp ứng tốt yêu cầu thanh khoản.

Tuân thủ nghiêm túc các hạn mức tín dụng đã thống nhất với khách hàng.

Danh mục cổ phiếu và trái phiếu cũng được quản lý linh hoạt, thanh toán đúng thời điểm nhằm tái cơ cấu danh mục, tăng hiệu quả đầu tư,

Thực hiện hoạt động Repo tận dụng cơ hội lãi suất tốt mang lại hiệu quả tốt cho các danh mục của khách hàng.

Năm 2010, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã phối hợp chặt chẽ với chuyên gia HSBC triển mô hình cơ cấu tổ chức mới, sắp xếp nhân sự phù hợp và hình thành các Hội đồng chức năng giúp nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp giữa các phòng, ban.

Kế hoạch năm 2011

Năm 2011, Công ty quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, kiểm soát chặt chẽ rủi ro; cung cấp các sản phẩm dịch vụ tiên tiến hiện đại cho khách hàng; vận hành hoạt động theo các chuẩn mực quốc tế; triển khai phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại; đầu tư phát triển nguồn nhân lực; hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong Tập đoàn phát triển các sản phẩm trọn gói cho khách hàng.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	86.925.900.559	99.189.276.182
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.029.966.055	5.948.360.103
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	46.770.461.000	66.158.383.980
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.834.282.553	26.639.994.156
Tài sản lưu động khác	3.291.190.951	442.537.943
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	780.740.123	1.690.771.416
Tài sản cố định	780.740.123	1.690.771.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	87.706.640.682	100.880.047.598
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	17.331.184.962	16.830.739.231
Nợ ngắn hạn	17.120.153.829	14.950.234.182
Nợ dài hạn	211.031.133	1.880.505.049
VỐN CHỦ SỞ HỮU	70.375.455.720	84.049.308.367
Nguồn vốn	70.375.455.720	84.049.308.367
Vốn điều lệ	50.000.000.000	50.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20.375.455.720	34.049.308.367
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	87.706.640.682	100.880.047.598

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

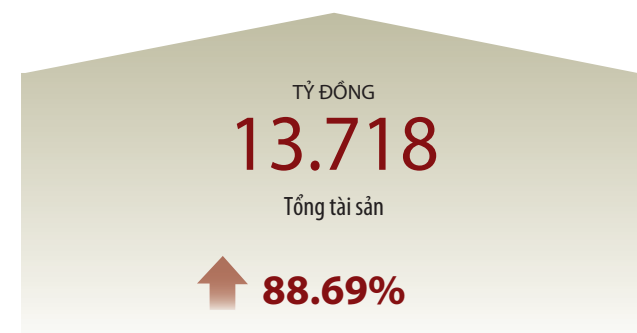
CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	45.771.288.984	56.533.849.791
Chi phí hoạt động kinh doanh	(84.325.650)	(62.393.042)
Doanh thu hoạt động tài chính	9.888.136.221	10.479.555.255
Chi phí tài chính	-	2.798.824.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(32.776.957.880)	(31.162.150.466)
Thu nhập khác	301.964.328	198.940.445
Chi phí khác	(26.927.681)	(35.217.075)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.073.178.322	38.751.408.908
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.759.969.610	36.214.710.562



Ông PHAN ĐÀO VŨ
Tổng Giám đốc

“BAOVIET Bank tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ tin học, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tăng trưởng quy mô hoạt động, hướng đến hiệu quả và an toàn.”

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (BAOVIET BANK) được thành lập từ tháng 12/2008 và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 1/2009, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Bảo Việt là 52%. Ngân hàng có mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo hướng tập trung tại Hội sở chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại Core Banking, kết nối trực tiếp, liên tục với các chi nhánh/điểm giao dịch, đảm bảo cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuẩn mực về cả về chất lượng và thời gian.



Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010, Ngân hàng Bảo Việt đã đạt được những kết quả khá ấn tượng cả về tăng trưởng quy mô kinh doanh và lợi nhuận: tổng tài sản của ngân hàng đạt 13.718 tỷ đồng, tăng 88,69% so với 2009; huy động vốn tăng 107% cho vay tăng 150%, doanh số thanh toán quốc tế tăng 4 lần năm 2009. Lợi nhuận trước thuế đạt 176,6 tỷ đồng, tăng 131% so với năm 2009; mạng lưới mở rộng với 26 điểm giao dịch, tăng 135% so với năm 2009.

Trong bối cảnh thị trường tài chính còn nhiều bất ổn và áp lực cạnh tranh cao, bước vào năm hoạt động thứ hai, BAOVIET Bank đã tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tăng trưởng quy mô hoạt động, hướng đến hiệu quả và an toàn. Ngân hàng đã đạt được những kết quả ấn tượng cả về các chỉ tiêu kinh doanh và xây dựng tổ chức bộ máy. Điểm đáng lưu ý là với tổng mức dư nợ lên tới 5.615 tỷ đồng, BAOVIET Bank hiện không có nợ xấu.

Các giải pháp xây dựng phát triển nền tảng trong năm 2010:

Hoàn chỉnh mô hình tổ chức: Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã hoàn thiện mô hình quản lý ngân hàng hiện đại theo hướng chuyên môn hóa chức năng hoạt động "tạo doanh thu", "quản lý rủi ro" và "tác nghiệp"; Thực hiện quản lý tập trung tại Hội sở chính; Quản lý kinh doanh trực tiếp theo mô hình khối (Ngân hàng doanh nghiệp và Ngân hàng bán lẻ).

Phát triển sản phẩm mới: trong năm 2010 BAOVIET Bank đã phát triển thêm 16 sản phẩm mới đặc biệt là các sản phẩm bán lẻ và Bancassurance. BAOVIET Bank đã trở thành một trong số những ngân hàng có số lượng sản phẩm Bancassurance nhiều nhất hiện nay với hơn 10 sản phẩm và tổng doanh số đạt hàng chục tỷ đồng trong năm 2010.

Phát triển mạng lưới và kênh phân phối hiện đại: Phát triển thêm 15 điểm giao dịch trên các địa bàn trọng điểm cả nước theo mô hình chi nhánh ngân hàng hiện đại và phát triển kênh giao dịch ngân hàng điện tử.

Định hướng 2011

Trong năm 2011, BAOVIET Bank đặt mục tiêu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và hiệu quả kinh doanh với tổng tài sản tăng trưởng 81% và Lợi nhuận trước và sau thuế tăng 13%, tiếp tục mở rộng và phát triển mạng lưới. Để đạt được những kỳ vọng như trên, Ngân hàng sẽ gấp rút thực hiện những giải pháp chủ đạo nhằm sớm khắc phục những vấn đề còn tồn tại và tiếp tục phát huy những thế mạnh tiềm tàng như đẩy mạnh huy động vốn, tiếp tục phát triển tín dụng và kinh doanh tiền tệ, tạo sự bứt phá về hoạt động kinh doanh thẻ và ngân hàng điện tử, xây dựng chiến lược và cơ chế hợp lý tiếp tục tăng trưởng doanh số bancassurance, đẩy mạnh marketing và truyền thông để nâng cao sự nhận biết của thị trường đối với BAOVIET Bank đối với khách hàng.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	122.623.520.804	32.183.579.905
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	238.513.449.731	195.829.359.746
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	4.355.565.558.413	3.643.677.486.369
Chứng khoán kinh doanh	674.416.600.000	-
Cho vay khách hàng	5.581.744.627.368	2.250.149.842.704
Chứng khoán đầu tư	2.288.627.529.102	949.066.441.037
Tài sản cố định	80.699.211.213	47.587.936.017
Tài sản có khác	375.680.623.865	151.260.583.764
TỔNG TÀI SẢN	13.717.871.120.496	7.269.755.229.542
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.593.235.333.373	420.798.732.663
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.019.960.785.943	1.709.021.432.606
Tiền gửi của khách hàng	7.291.211.679.405	3.514.340.257.846
Các khoản nợ khác	165.592.643.276	62.486.793.925
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	12.070.000.441.997	5.706.647.217.040
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.647.870.678.499	1.563.108.012.502
Vốn và các quỹ	1.528.365.919.714	1.509.150.661.813
Vốn điều lệ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	28.365.919.714	9.150.661.813
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.717.871.120.496	7.269.755.229.542

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	920.720.951.902	351.806.966.712
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(632.649.507.831)	(188.107.295.381)
THU NHẬP LÃI THUẦN	288.071.444.071	163.699.671.331
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15.833.714.048	2.789.620.472
Chi phí hoạt động dịch vụ	(5.546.370.401)	(1.292.449.919)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	10.287.343.647	1.497.170.553
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	13.111.279.638	114.949.978
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	43.993.322.604	(29.487.706)
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	702.397.011	-
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	522.998.343	39.289.848
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	356.688.785.314	165.321.594.004
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(149.837.064.141)	(80.029.804.294)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	206.851.721.173	85.291.789.710
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(30.159.694.493)	(8.797.229.101)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	176.692.026.680	76.494.560.609
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	132.519.020.010	63.108.012.502
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	884	421



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

“ Năm 2010 là năm BVSC tập trung củng cố cơ cấu tổ chức, áp dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu giao dịch trực tuyến và phân tích đầu tư của khách hàng; đẩy mạnh phát triển kinh doanh trong các lĩnh vực tạo tăng trưởng doanh thu ổn định; tăng cường quản lý rủi ro đầu tư và củng cố cơ cấu tổ chức. ”

Thành lập năm 1999, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty cổ phần chứng khoán được thành lập đầu tiên tại Việt Nam với số vốn điều lệ ban đầu là 49 tỷ đồng. Đến nay, quy mô vốn điều lệ của công ty đã đạt trên 722 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Bảo Việt là 60%.

BVSC hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động ngân hàng đầu tư: bảo lãnh phát hành; tư vấn chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; tư vấn phát hành; tư vấn niêm yết; tư

vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp; tư vấn quản trị doanh nghiệp và các tư vấn tài chính khác;

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010 đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình thành lập và phát triển của BVSC. Là công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, với hơn 10 năm phát triển và song hành cùng những biến động đầy thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC vẫn luôn nỗ lực đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển thị trường với vai trò là người đi tiên phong.

Năm 2010 tuy phải đối mặt với không ít khó khăn, một mặt do tác động từ diễn biến thiếu ổn định của thị trường nhưng toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty đã đạt được những thành công rất đáng ghi nhận. Trong đó, doanh thu từ hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành vẫn vượt hơn 32% so với kế hoạch năm. Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán và từ các hoạt động khác lần lượt vượt kế hoạch đặt ra cho năm 2010 ở mức 2% và 99%.

Những chính sách chủ yếu được thực hiện:

Tập trung củng cố vào các lĩnh vực tạo tăng trưởng doanh thu bền vững như môi giới, tư vấn đầu tư và các dịch vụ ngân hàng đầu tư;

Củng cố và ổn định về bộ máy tổ chức, tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực;

Cung cấp các phẩm dịch vụ mới trọng yếu phục vụ khách hàng đầu tư bao gồm sản phẩm Giao dịch Trực tuyến BVS@Trade và sản phẩm Phân tích BVS@45

Đầu tư phát triển vào công nghệ thông tin

Năm 2011, trong bối cảnh dự báo nền kinh tế thế giới tuy tiếp tục có xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc và còn nhiều khó khăn và trong cuộc đua quyết liệt giành thị phần giữa các công ty chứng khoán ở các mảng nghiệp vụ chính (môi giới, tư vấn), BVSC vẫn đề ra mục tiêu tăng trưởng tương đối khả quan với mức tăng trưởng tổng doanh thu hơn 4%, lợi nhuận trước thuế đạt 100 tỷ đồng. BVSC sẽ triển khai bán chéo sản phẩm qua kênh phân phối của Bảo Việt Nhân thọ và tích cực phối hợp với Ngân hàng Bảo Việt cũng như các đơn vị khác trong Tập đoàn nhằm mở rộng mạng lưới phân phối, chia sẻ thông tin đầu tư và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính trọn gói, kết hợp.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	1.103.765.229.069	1.268.338.449.109
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.875.831.010	475.807.301.959
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	634.281.294.280	732.992.652.378
Các khoản phải thu ngắn hạn	175.208.255.555	56.500.501.323
Tài sản ngắn hạn khác	3.399.848.224	3.037.993.449
TÀI SẢN DÀI HẠN	514.255.891.337	507.656.860.022
Tài sản cố định	14.772.009.454	13.926.692.554
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	486.997.610.397	479.936.000.000
Tài sản dài hạn khác	12.486.271.486	13.794.167.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.618.021.120.406	1.775.995.309.131
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	471.985.576.730	537.151.954.844
Nợ ngắn hạn	471.924.668.999	537.083.701.843
Nợ dài hạn	60.907.731	68.253.001
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.146.035.543.677	1.238.843.354.287
Vốn điều lệ đã góp	722.339.370.000	722.339.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	610.253.166.720	610.253.166.720
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	(186.556.993.044)	(93.749.182.434)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.618.021.120.406	1.775.995.309.131

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Doanh thu	238.908.803.628	292.205.149.076
Chi phí hoạt động kinh doanh	(258.366.846.148)	(53.144.117.820)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(72.490.788.705)	(65.157.617.047)
Thu nhập khác	16.015.015	656.880.561
Chi phí khác	(798.494.400)	(90.893.452)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(92.731.310.610)	174.469.401.318
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(92.731.310.610)	174.469.401.318
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.284)	3.677



Ông BUI THANH NGUYEN
Tổng Giám đốc

“ Sau hai năm hoạt động, Công ty đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng bất động sản của Tập đoàn, từng bước khẳng định uy tín của một nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ bất động sản chuyên nghiệp trên thị trường. ”

Công ty được thành lập năm 2009 và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, đầu tư kinh doanh bất động sản với vốn điều lệ 100 tỷ đồng theo chiến lược phát triển các dịch vụ đầu tư, tài chính đa dạng của Tập đoàn Bảo Việt.

Năm 2010, hoạt động của BVINVEST đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tổng doanh thu đạt 98 tỷ đồng, tăng trưởng gấp 4 lần so với năm 2009. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,3 tỷ đồng, tăng trưởng 71% so với năm 2009.

Ngoài những nỗ lực tìm kiếm dự án, đầu tư kinh doanh bất động sản, Công ty đã đẩy mạnh triển khai, khai thác lĩnh vực kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị xây dựng, hoàn thành khá tốt các mục tiêu về doanh thu năm 2010 trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Trong lĩnh vực quản lý tòa nhà, BVINVEST đã tiếp thu và vận dụng những kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến đưa chất lượng quản lý tại các tòa nhà Bảo Việt như: số 8 Lê Thái Tổ, 71 Ngô Sĩ Liên và 233 Đồng Khởi lên chuẩn quốc tế.

Bước sang năm 2011, với mục tiêu trở thành một trong những công ty đầu tư bất động sản có uy tín trên thị trường, BVINVEST đã đặt ra những mục tiêu phát triển với mức tăng trưởng doanh thu đạt trên 200% tương đương 203 tỷ và lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng gấp 8 lần năm trước tương đương 27 tỷ.

Để hoàn thành tốt các mục tiêu trên, Công ty sẽ gấp rút triển khai một số giải pháp chính gồm triển khai nâng cao năng lực tài chính, kiện toàn về tổ chức và chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn trong quản lý tòa nhà và tập trung triển khai một số dự án đầu tư xây dựng bất động sản.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	156.654.801.656	133.898.744.922
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.520.657.930	32.021.578.798
Các khoản phải thu ngắn hạn	55.355.283.664	14.615.981.944
Hàng tồn kho	92.758.996.462	86.881.533.090
Tài sản ngắn hạn khác	19.863.600	379.651.090
TÀI SẢN DÀI HẠN	42.230.918.915	41.680.262.866
Tài sản cố định	1.349.793.789	1.420.887.804
Tài sản dài hạn khác	912.792.126	291.042.062
Đầu tư tài chính dài hạn	39.968.333.000	39.968.333.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	198.885.720.571	175.579.007.788
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	95.226.805.182	74.150.904.412
Nợ ngắn hạn	95.226.805.182	74.150.904.412
VỐN CHỦ SỞ HỮU	103.658.915.389	101.428.103.376
Vốn điều lệ đã góp	100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	3.658.915.389	1.428.103.376
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	198.885.720.571	175.579.007.788

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2010

CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Doanh thu bán hàng	95.961.009.629	19.701.041.029
Giá vốn hàng bán	(87.940.083.864)	(17.174.828.650)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.934.716.208	5.213.919.053
Chi phí tài chính	(18.600.372)	(34.710.690)
Chi phí bán hàng	(653.324.459)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.024.117.298)	(5.962.386.347)
Thu nhập khác	-	18.000.000
Chi phí khác	-	(30.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.259.599.844	1.731.034.395
Lợi nhuận sau thuế	2.444.699.882	1.428.103.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	244	143



SỰ KIỆN, QUAN HỆ 
CỘNG ĐỒNG VÀ CỔ ĐÔNG

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010

19/1/2010



1

Bảo Việt ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

11/6/2010



2

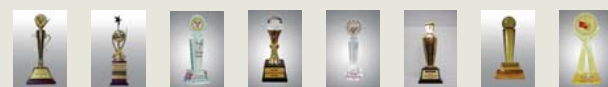
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ lên 1.500 tỷ đồng

19/6/2010



3

Thương hiệu Bảo Việt đạt Giải thưởng "TOP 20 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam"



17/9/2010



4

Tổng Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ nhận Cúp Thánh Gióng 2010

15/10/2010



5

Bảo Việt vinh dự đón nhận Huân chương Độc Lập hạng Nhì



1965 – 2010



6

Kỷ niệm 45 năm thành lập Bảo Việt

20/10/2010



7

BAOVIET Bank kết nối với Banknet phục vụ khách hàng

26/11/2010



8

BVSC triển khai giao dịch trực tuyến BVS@Trade

2010



9

Bảo Việt đăng ký số tiền là 15.5 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội cộng đồng trong năm 2010

2010



10

Trung tâm Đào tạo Bảo Việt triển khai đào tạo 3.272 lượt học viên theo Bản đồ Học tập

Với sứ mệnh của Bảo Việt là bảo đảm bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng. Bên cạnh mục tiêu hoàn thành các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch chiến lược của toàn Tập đoàn, Bảo Việt hướng tới những giá trị xã hội đích thực thông qua các hoạt động thể hiện trách nhiệm cộng đồng, cùng cả nước chung tay giải quyết những vấn đề xã hội, góp phần vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế và duy trì ổn định xã hội. Các hoạt động vì cộng đồng của Bảo Việt hướng tới 4 trọng tâm chính là: thể hệ trẻ, đền ơn đáp nghĩa, khắc phục hậu quả thiên tai và xóa đói giảm nghèo.

Những hoạt động tiêu biểu năm 2010

Lãnh đạo Tập đoàn dự lễ cắt băng khánh thành trường mầm non xã Nam Dương



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Bảo Việt tham gia Chương trình “Nối vòng tay lớn 2009” và đăng ký số tiền 25 tỷ đồng ủng hộ người nghèo



Bảo Việt trao Giải thưởng Kim Đồng năm học 2009 – 2010



Hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt nhân kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7/2010



Bảo Việt tài trợ dự án “Thư viện lưu động” tại Đà Nẵng



Bảo Việt chung tay khắc phục hậu quả lũ lụt tại miền Trung



CHƯƠNG TRÌNH 30A LÀ CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VỀ AN SINH XÃ HỘI CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Ông NGUYỄN VĂN DU
Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bắc Kạn

Mặc dù có nhiều sự phát triển khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, Bắc Kạn vẫn là một trong những tỉnh khó khăn nhất cả nước. Toàn tỉnh có 64 xã/122 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%, đặc biệt có hai huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008 của Chính phủ, đó là huyện Ba Bể và Pác Nặm.

Từ năm 2009, hưởng ứng Nghị quyết 30a của Chính phủ, Tập đoàn Bảo Việt đã dành cho đồng bào các dân tộc của huyện Pác Nặm sự quan tâm sâu sắc và sự giúp đỡ thiết thực, có hiệu quả. Năm 2009, Tập đoàn đã hỗ trợ 2.050 triệu đồng để xóa 410 nhà tạm, bình quân 5 triệu đồng/1 nhà, thăm hỏi và tặng quà trị giá 183 triệu đồng cho nhân dân các xã Nhạn Môn và Công Bằng bị lũ cuốn và lở đất; năm 2010, hỗ trợ 5.448 triệu đồng xây dựng 01 trạm y tế, các trường học bán trú dân nuôi, mua sắm bàn ghế, giường cho học sinh. Năm 2011, Tập đoàn Bảo Việt đã cam kết tiếp tục hỗ trợ huyện 10 tỷ đồng để tiếp tục xây dựng các trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

Bằng nguồn vốn hỗ trợ quý báu của Tập đoàn Bảo Việt cùng với sự quản lý, sử dụng kinh phí có hiệu quả, đúng đối tượng của chính quyền địa phương đã từng bước góp phần cải thiện đáng kể đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện Pác Nặm. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện đã giảm từ 56,15% năm 2008 xuống còn 43,42% năm 2010.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của các quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo điều hành, các chuyên gia HSBC và toàn thể cán bộ và người lao động của Tập đoàn Bảo Việt trong thời gian và mong rằng trong thời gian tới, tỉnh Bắc Kạn và huyện Pác Nặm tiếp tục nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn nữa của Tập đoàn Bảo Việt.

Trong khuôn khổ Chương trình 30a của Chính phủ, năm 2010, trên cơ sở "Đề án xây dựng nhà nội trú dân nuôi, trang thiết bị dạy và học trong các trường trung học cơ sở và trạm y tế xã" của UBND huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, Bảo Việt đã cam kết hỗ trợ 5,448 tỷ đồng để thực hiện 8 hạng mục xây dựng, mua sắm liên quan đến cơ sở vật chất như: nhà nội trú, trạm y tế, nhà bếp, bàn, ghế v.v...

Tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, Bảo Việt đã cam kết hỗ trợ 4 tỷ đồng để xây dựng Trạm y tế xã Mường Nọc và nhà bán trú dân nuôi trường THCS các xã Tiên Phong, Nậm Giải, Nậm Nhoóng, Cẩm Muộn, Quang Phong, Tri Lễ và Hành Dịch.

Tiếp tục duy trì cam kết xóa đói giảm nghèo theo Chương trình 30a trong năm 2011, Bảo Việt sẽ tiếp tục tham gia tích cực chương trình An sinh xã hội, cam kết hỗ trợ cho các huyện nghèo trên cả nước. Trọng tâm đầu tư phát triển cho năm 2011 sẽ là y tế và giáo dục với ngân sách dự tính là 15 tỷ đồng. Chắc chắn, những cam kết mạnh mẽ với cộng đồng và xã hội sẽ góp phần phát huy truyền thống tốt đẹp của Bảo Việt, tạo dựng những nền tảng giá trị bền vững làm đòn bẩy phát triển trong giai đoạn tới.



Cán bộ Bảo Việt tích cực và tự nguyện xung phong tham gia các chương trình phát triển cộng đồng tại huyện Pác Nặm Tỉnh Bắc Kạn nhằm hỗ trợ và động viên tinh thần học tập của trẻ em nghèo vượt khó.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Công tác quan hệ cổ đông năm 2010 đã thực sự được chú trọng và không ngừng được kiện toàn. Tại Tập đoàn Bảo Việt, Ban Quan hệ công chúng có chức năng chuyên môn hóa trong phục vụ, đáp ứng các yêu cầu thông tin của cổ đông với sự tham gia quản lý điều hành của chuyên gia HSBC.

Ngoài những hoạt động thông thường trong phục vụ quản lý sổ cổ đông, việc nâng cao chất lượng phục vụ cổ đông năm 2010 tập trung vào một số lĩnh vực:

- Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời tới các phương tiện truyền thông đại chúng về báo cáo tài chính được kiểm toán hàng quý.
- Trả lời và phản hồi kịp thời về những thay đổi thông tin, cập nhật thông tin về Tập đoàn và hoạt động kinh doanh một cách công khai, bình bạch và chuyên nghiệp
- Nhằm tăng cường các kênh thông tin, Tập đoàn Bảo Việt cũng nâng cấp và đầu tư phát triển website với những công cụ được cải tiến để đáp ứng yêu cầu của cổ đông tốt hơn.



TS. HOÀNG VIỆT HÀ
NGƯỜI PHÁT NGÔN CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Việc công khai báo cáo tài chính được kiểm toán hàng quý theo cả hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS); kết hợp với việc thường xuyên tiếp xúc, đối thoại công khai với nhà đầu tư và công chúng quan tâm là một nỗ lực của Bảo Việt trong công khai, minh bạch thông tin theo các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến trên thế giới.

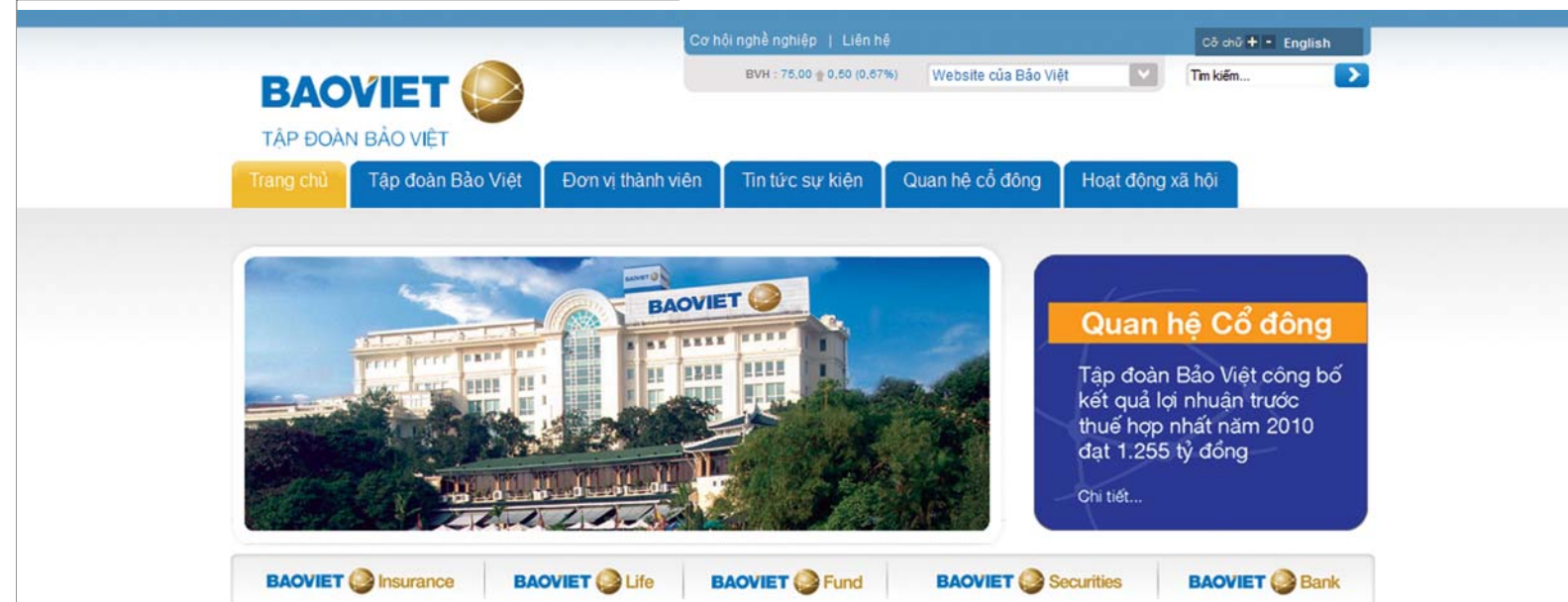


Ông NHÃN CHIÊM
PHÓ GIÁM ĐỐC KHỐI HOẠT ĐỘNG

Website baoviet.com.vn đã được thay đổi để trở nên thân thiện hơn với người sử dụng và để việc truy cập thông tin được nhanh chóng, tiện lợi, và dễ dàng. Nhà đầu tư có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh, các sự kiện, thông tin tài chính, giá cổ phiếu tại trang Web của Tập đoàn Bảo Việt.

Địa chỉ liên hệ: Ban quan hệ công chúng Tập đoàn Bảo Việt 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Ban quan hệ công chúng Tập đoàn Bảo Việt 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HIỆU QUẢ

Là một nhà cung cấp dịch vụ tài chính, Bảo Việt luôn nhận thức rõ nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất trong quá trình phát triển.

Đến cuối năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn là 5.520 người. Trong quá trình chuyển giao công nghệ với HSBC, nhiều chuyên gia HSBC cũng đã tham gia và trực tiếp đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo thuộc Tập đoàn và đang cùng với các cán bộ Bảo Việt đổi mới, phát triển.

Bảo Việt đang triển khai thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực dựa trên xác định rõ ràng chức năng nhiệm vụ, quản lý hiệu quả làm việc, đào tạo phát triển cán bộ và đãi ngộ xứng đáng. Đồng thời phát triển văn hóa doanh nghiệp năng động và theo hiệu quả công việc. Các nội dung này đang được từng bước triển khai tại Tập đoàn và các Công ty Con.

Hệ thống Quản lý hiệu quả làm việc nhằm theo dõi và đánh giá thực hiện các mục tiêu công việc và thực hiện trả lương theo hiệu quả làm việc. Đây có thể coi là một công cụ hữu hiệu nhằm tạo một văn hóa làm việc theo hiệu quả công việc.

Hệ thống lương thưởng được điều chỉnh với mục tiêu là trả lương theo công việc, trả lương cạnh tranh so với thị trường mục tiêu, công bằng trong nội bộ và trả lương khác biệt theo hiệu quả làm việc.

Xây dựng và triển khai các qui định tiêu chuẩn về xây dựng và thực hiện **Bản mô tả công việc, xây dựng hệ thống Bậc công việc để đánh giá và xếp hạng năng lực cán bộ.**

Xây dựng hệ thống **Bản đồ học tập** nhằm nâng cấp cán bộ một cách có hệ thống, bài bản, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh, tạo một văn hóa không ngừng học tập và chia sẻ trong tổ chức nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh về nguồn lực.

Những thay đổi tích cực này đã và đang đóng góp vào việc thực hiện chiến lược kinh doanh và hoạt động của toàn Bảo Việt, đồng thời tạo môi trường làm việc tốt nhất, nâng cao hiệu quả làm việc và phát triển cá nhân của mọi thành viên trong Bảo Việt.



TS. PHÍ TRỌNG THẢO
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BẢO VIỆT

Đào tạo và học tập là một trong những mục tiêu ưu tiên đã được thể hiện trong chiến lược Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt.

Năm 2010, Trung tâm Đào tạo đã tổ chức học tập cho 3.272 lượt học viên với các chuyên đề đào tạo chuẩn hóa theo Bản đồ học tập. Trong năm 2011 chúng tôi sẽ tiếp tục tổ chức 80 khóa học, triển khai hoàn thiện Bản đồ học tập về chuyên môn nghiệp vụ và chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc đào tạo trực tuyến E-learning.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và Các báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán**

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	62 - 65
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	66
Bảng cân đối kế toán riêng	67 - 68
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	69
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	70
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	71 - 96

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Bảo Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010. Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản.
Vốn điều lệ:	6.267.090.790.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	626.709.079
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn đã niêm yết toàn bộ 626.709.079 cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm 53.682.474 cổ phiếu phát hành riêng lẻ thêm cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - cổ đông chiến lược của Tập đoàn - trong đợt phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2010. Việc niêm yết bổ sung 53.682.474 cổ phiếu này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh chấp thuận ngày 21 tháng 04 năm 2010.

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế của riêng Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 852.068.230.108 đồng Việt Nam (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 807.785.178.469 đồng Việt Nam).

Trong tháng 4 năm 2010, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã thông báo tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 11% cho năm tài chính 2009. Tổng số tiền cổ tức là 630.329.265.500 đồng Việt Nam đã được chi trả hết trong năm 2010.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

Thực hiện cam kết giữa Tập đoàn Bảo Việt và HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited, trên cơ sở Nghị quyết số 1527/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/12/2009 của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt, ngày 18 tháng 01 năm 2010, HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited đã hoàn tất việc chuyển số tiền 1.878.886.590.000 đồng Việt Nam để thanh toán tiền mua cổ phần từ đợt phát hành riêng lẻ 53.682.474 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited từ 10,31% lên 18% vốn Điều lệ tại Tập đoàn Bảo Việt. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho niêm yết bổ sung từ ngày 21 tháng 04 năm 2010.

Ngày 17 tháng 04 năm 2010, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua Nghị quyết phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ của Tập đoàn trong năm 2010 lên mức 6.800 tỷ theo chiến lược đã đề ra khi thực hiện cổ phần hóa, đồng thời nhằm nâng cao tài chính, năng lực cạnh tranh, phục vụ mục tiêu phát triển chiến lược: "Đầu tư bổ sung tăng vốn điều lệ trong các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt, tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin". Tập đoàn đã thực hiện thành công đợt tăng vốn này trong tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn đã thực hiện việc tăng vốn góp của Tập đoàn vào Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng vào ngày 11 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Ông Trần Hữu Tiến	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Ông David Lawrence Fried	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	23 tháng 09 năm 2009

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Thực	Trưởng ban	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Trần Minh Thái	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Lê Văn Chí	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Christopher Edwards	Thành viên	17 tháng 04 năm 2010	
Bà Marjory Miller	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	17 tháng 04 năm 2010

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	15 tháng 10 năm 2007	
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	30 tháng 06 năm 2008	
	Giám đốc Bất động sản	01 tháng 02 năm 2011	
Ông Lưu Thanh Tâm	Giám đốc Bất động sản	30 tháng 06 năm 2008	01 tháng 02 năm 2011
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	30 tháng 06 năm 2008	
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Chiến lược	30 tháng 06 năm 2008	
	Giám đốc Đầu tư	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	08 tháng 09 năm 2008	
Ông Adrian Abbott	Giám đốc Quản lý Rủi ro	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Phạm Khắc Dũng	Giám đốc Hoạt động	30 tháng 06 năm 2008	15 tháng 11 năm 2010

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Thực hiện Nghị quyết số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010, trong tháng 1 năm 2011, Tập đoàn đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn. Số cổ phiếu phát hành thêm là 53.762.355 cổ phiếu, nâng tổng số vốn điều lệ của Tập đoàn lên 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam vào ngày 14 tháng 01 năm 2011. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho niêm yết bổ sung từ ngày 18 tháng 02 năm 2011. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành đã:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2011



Ernst & Young Vietnam Limited
14th Floor, Daeha Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60780870/14690993

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 61 đến trang 96. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.808.051.586.311	4.158.808.819.789
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	851.018.126.099	16.530.312.670
111	1. Tiền		667.518.126.099	16.530.312.670
112	2. Các khoản tương đương tiền		183.500.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	3.740.108.825.556	3.176.729.847.461
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.206.045.137.574	963.931.728.224
131	1. Phải thu khách hàng	7	240.884.671.205	108.927.751.454
133	2. Phải thu từ các bên liên quan	8	963.674.281.695	854.333.957.588
135	3. Các khoản phải thu khác	9	1.486.184.674	670.019.182
140	IV. Hàng tồn kho		124.195.000	535.706.172
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.755.302.082	1.081.225.262
151	1. Chi phí chờ phân bổ	10	9.731.061.326	-
158	2. Tạm ứng cho nhân viên		1.024.240.756	1.081.225.262
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.961.614.519.573	6.210.971.104.885
220	I. Tài sản cố định		541.575.089.338	447.987.553.936
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	456.128.626.035	186.396.038.084
222	Nguyên giá		534.271.735.023	240.959.607.879
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.143.108.988)	(54.563.569.795)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	37.256.991.136	13.947.900.474
228	Nguyên giá		60.846.699.942	32.220.757.228
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.589.708.806)	(18.272.856.754)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	48.189.472.167	247.643.615.378
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	6.420.039.430.235	5.762.983.550.949
251	1. Đầu tư vào công ty con và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt		4.710.481.388.414	4.210.481.388.414
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252.769.440.000	232.862.440.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.797.126.521.875	1.461.270.934.725
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(340.337.920.054)	(141.631.212.190)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.769.666.105.884	10.369.779.924.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.259.606.670.990	1.933.355.471.426
310	I. Nợ ngắn hạn		2.238.341.837.984	1.912.228.266.008
312	1. Phải trả người bán	15	23.074.890.475	1.109.305.001
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	(398.325.815)	75.503.537.980
315	3. Phải trả người lao động	17	20.258.970.199	6.197.547.272
317	4. Phải trả các bên liên quan	18	1.463.223.728.574	1.324.966.605.661
318	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	710.164.109.097	485.404.104.622
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	22.018.465.454	19.047.165.472
330	II. Nợ dài hạn		21.264.833.006	21.127.205.418
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	21	21.264.833.006	21.127.205.418
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.510.059.434.894	8.436.424.453.248
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	10.510.059.434.894	8.436.424.453.248
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.267.090.790.000	5.730.266.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.076.807.671.197	1.734.745.821.197
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.668.684.274
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.166.160.973.697	969.743.897.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.769.666.105.884	10.369.779.924.674

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
1.	Đô la Mỹ (USD)	1.743.596,40	1.711.941,14



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.210.238.783.745	898.758.428.365
22	2. Chi phí tài chính	24	(198.841.308.054)	57.829.782.161
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính		1.011.397.475.691	956.588.210.526
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(158.116.554.023)	(94.580.108.214)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		853.280.921.668	862.008.102.312
31	6. Thu nhập khác	26	48.323.388.110	23.694.525.355
32	7. Chi phí khác	26	(14.476.993.530)	(4.081.077.172)
40	8. Lợi nhuận khác		33.846.394.580	19.613.448.183
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		887.127.316.248	881.621.550.495
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(35.059.086.140)	(81.014.026.134)
52	11. Thuế TNDN năm 2008 được giảm trừ	27	-	7.177.654.108
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		852.068.230.108	807.785.178.469
61	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.366	1.410



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		696.984.803.846	147.931.049.444
03	2. Tiền chi trả cho người lao động		(40.474.620.973)	(42.709.794.750)
05	3. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(111.288.125.756)	(95.987.938.444)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		91.685.400.268	6.784.876.322
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.781.663.960)	(14.821.735.789)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		629.125.793.425	1.196.456.783
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(123.303.077.063)	(65.930.491.722)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	23.017.345
25	3. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các đơn vị khác		(6.632.078.176.263)	(3.868.730.362.126)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		5.523.798.386.525	4.022.197.689.300
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.231.582.866.801)	87.559.852.797
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu		1.878.886.590.000	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(630.329.265.500)	(128.726.605.000)
37	3. Tiền thu của các cổ đông chờ tăng vốn		188.350.073.855	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.435.947.398.355	(128.726.605.000)
50	VI. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		834.450.324.979	(39.970.295.420)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.530.312.670	56.469.344.502
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.488.450	31.263.588
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	851.018.126.099	16.530.312.670

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010. Mã số doanh nghiệp là 0100111761 theo đăng ký thay đổi lần 3 từ ngày 10 tháng 05 năm 2010. Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản.
Vốn điều lệ:	6.267.090.790.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	626.709.079
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn đã niêm yết toàn bộ 626.709.079 cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm 53.682.474 cổ phiếu phát hành riêng lẻ thêm cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - cổ đông chiến lược của Tập đoàn - trong đợt phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2010. Việc niêm yết bổ sung 53.682.474 cổ phiếu này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh chấp thuận ngày 21 tháng 04 năm 2010.

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	%
	Cổ đông sáng lập	577.507.635	92,15%
	Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%
	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	112.807.635	18,00%
	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	20.400.000	3,26%
	Các cổ đông khác	49.201.444	7,85%
	Tổng cộng	626.709.079	100%

Thực hiện Nghị quyết số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010, trong tháng 1 năm 2011, Tập đoàn đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn. Số cổ phiếu phát hành thêm là 53.762.355 cổ phiếu, nâng tổng số vốn điều lệ của Tập đoàn lên 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam vào ngày 14 tháng 01 năm 2011. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho niêm yết bổ sung từ ngày 18 tháng 02 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011 trở đi.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Đồng tiền kế toán

Đơn vị tiền tệ được Tập đoàn sử dụng trong việc hạch toán sổ sách kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị phụ thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con được lập riêng và độc lập với các báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng năm 2009, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch sau:

Áp dụng thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trong năm 2010, Tập đoàn thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010:

Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng;

Quý khen thưởng, phúc lợi được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài việc phân loại lại Quý khen thưởng, phúc lợi trình bày tại Thuyết minh số 32, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên do Thông tư 244/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10"). CMKTVN số 10 khác với Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Tập đoàn đã sử dụng trong năm trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nghị vụ	Xử lý kế toán theo CMKTVN số 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này đối với số liệu đầu kỳ của năm tài chính 2010 được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm do không trọng yếu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty con kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các công ty con của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 14.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đầu tư vào quỹ BVF1

Khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm. Định kỳ, dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được ghi nhận khi giá trị vốn góp thực tế của các bên tại BVF1 lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của BVF1 tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán của BVF1.

Chi tiết thông tin về Quỹ BVF1 và tỷ lệ vốn góp của các bên được trình bày tại thuyết minh số 14.2.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong các báo cáo tài chính riêng. Các khoản lợi tức được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết, liên doanh kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Danh mục đầu tư của các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Tài sản và công nợ theo các hợp đồng đầu tư ủy thác được tổng hợp toàn bộ trên bảng cân đối kế toán riêng do Ban Điều hành cho rằng việc trình bày này phản ánh tổng quan tình hình hoạt động của Tập đoàn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường ngày 31/12/2010} \right]$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam;
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

Số dư dự phòng trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn không bao gồm số dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản ủy thác đầu tư tại Tập đoàn.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Trên ba năm	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009.

4.8 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 16% trên mức lương cơ bản của nhân viên (trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo;

Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và 17 như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định này còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 06 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003, các công ty được hoạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1-3% quỹ lương cơ bản và tổng số dư dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64 sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư 82.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bằng theo quy định tại thông tư 244/2009/TT-BTC.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4.1, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển sang áp dụng CMKTVN số 10 đối với các giao dịch bằng ngoại tệ. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn tuân thủ theo các quy định của Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 09 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm liên quan đến các giao dịch này.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.12 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng các hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá áp dụng theo CMKTVN số 10 cho năm tài chính 2010.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4.1, hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") được Tập đoàn áp dụng trong năm 2009.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho trong năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ (VNĐ)	830.825.704	693.051.531
Văn phòng Tập đoàn Bảo Việt	721.861.569	679.640.280
Trung tâm đào tạo Bảo Việt	108.964.135	13.411.251
Tiền gửi ngân hàng	666.687.300.395	15.837.261.139
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ), gồm các nguồn:	666.051.253.350	15.443.615.146
Nguồn tiền gửi của Tập đoàn	665.779.662.919	13.747.166.957
Nguồn ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	146.417.440	416.836.059
Nguồn ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	99.432.498	941.913.244
Nguồn cổ tức của Bộ Tài chính để lại	25.740.493	337.698.886
Tiền gửi ngân hàng đô la Mỹ (USD) quy VNĐ	636.047.045	393.645.993
Nguồn tiền gửi của Tập đoàn	636.047.045	393.645.993
Các khoản tương đương tiền (*)	183.500.000.000	-
Nguồn tiền gửi của Tập đoàn	124.000.000.000	-
Nguồn ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	27.000.000.000	-
Nguồn cổ tức của Bộ Tài chính để lại	32.500.000.000	-
	851.018.126.099	16.530.312.670

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (TCTD) có thời hạn gốc không quá 3 tháng và có lãi suất 12% - 16%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các TCTD (VNĐ) (**)		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	3.088.006.000.000	2.116.760.503.079
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	483.529.105.556	416.700.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	136.200.000.000	106.439.496.921
Nguồn cổ tức của Bộ Tài chính để lại	-	447.080.000.000
	3.707.735.105.556	3.086.980.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (USD) quy VNĐ (**)		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	32.373.720.000	30.320.290.000
	32.373.720.000	30.320.290.000
Trái phiếu		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	-	59.429.557.461
	-	59.429.557.461
Tổng đầu tư ngắn hạn	3.740.108.825.556	3.176.729.847.461

(**) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD có thời gian đáo hạn không quá một năm và có lãi suất dao động từ 8,2%/năm đến 17,5%/năm đối với đồng Việt Nam và có lãi suất 1%/năm đối với đồng Đô la Mỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng là phần lãi phải thu từ hoạt động đầu tư của Tập đoàn:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Lãi phải thu từ:		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	163.777.164.785	71.961.976.304
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	60.177.019.242	27.723.341.367
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	16.529.653.845	6.764.865.452
Nguồn cổ tức của Bộ Tài chính để lại	400.833.333	2.477.568.331
	240.884.671.205	108.927.751.454

8. PHẢI THU TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải thu Bảo Việt Nhân thọ	612.634.690.349	601.016.051.505
Phải thu Bảo hiểm Bảo Việt	318.148.907.505	213.453.540.178
Phải thu Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	23.583.899.190	37.469.189.623
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	4.915.901.362	1.954.264.162
Phải thu Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	1.260.000	1.260.000
Phải thu Ngân hàng TMCP Bảo Việt	4.389.623.289	439.652.120
	963.674.281.695	854.333.957.588

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Công ty Mai Linh Đông Bắc Bộ	5.000.000	5.000.000
Công ty Ngôi sao Xanh	26.239.697	26.239.697
Công ty CP năng lượng Đất Việt	579.564.331	-
Công ty CP SSG	270.335.800	-
Công ty CP Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	162.593.174	-
Các đơn vị soạn thảo Quy chế quản lý tài chính	-	399.822.222
LG Electronic Việt Nam	176.982.251	-
Các khoản phải thu khác	265.469.421	238.957.263
	1.486.184.674	670.019.182

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Đây là khoản chi phí liên quan đến Dự án hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực của HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited cho Bảo Việt, được Tập đoàn phân bổ dần vào chi phí trong 2 năm. Trong năm 2010, Tập đoàn đã phân bổ vào chi phí 9.731.061.326 VNĐ, còn lại 9.731.061.326 VNĐ sẽ được phân bổ trong năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Tại ngày 31/12/2009	164.587.933.800	919.234.639	33.974.348.890	41.420.110.550	57.980.000	240.959.607.879
Tăng trong kỳ:	219.793.540.625	-	64.806.430.739	8.712.155.780	-	293.312.127.144
Tăng do đầu tư, mua sắm mới	-	-	-	2.813.155.780	-	2.813.155.780
Tăng do xây dựng hoặc kết chuyển từ XDCB dở dang	219.793.540.625	-	64.806.430.739	5.899.000.000	-	290.498.971.364
Tại ngày 31/12/2010	384.381.474.425	919.234.639	98.780.779.629	50.132.266.330	57.980.000	534.271.735.023
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 31/12/2009	24.310.667.110	861.692.097	4.433.525.169	24.915.071.159	42.614.260	54.563.569.795
Khấu hao trong kỳ	9.054.661.512	36.342.658	8.594.151.734	5.883.607.509	10.775.780	23.579.539.193
Tại ngày 31/12/2010	33.365.328.622	898.034.755	13.027.676.903	30.798.678.668	53.390.040	78.143.108.988
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 31/12/2009	140.277.266.690	57.542.542	29.540.823.721	16.505.039.391	15.365.740	186.396.038.084
Tại ngày 31/12/2010	351.016.145.803	21.199.884	85.753.102.726	19.333.587.662	4.589.960	456.128.626.035

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm tin học VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:			
Tại ngày 31/12/2009	11.667.900.000	20.552.857.228	32.220.757.228
Tăng do đầu tư, mua sắm mới	-	5.322.093.000	5.322.093.000
Tăng do xây dựng	-	23.303.849.714	23.303.849.714
Tại ngày 31/12/2010	11.667.900.000	49.178.799.942	60.846.699.942
Hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 31/12/2009	-	18.272.856.754	18.272.856.754
Khấu hao trong kỳ	-	5.316.852.052	5.316.852.052
Tại ngày 31/12/2010	-	23.589.708.806	23.589.708.806
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31/12/2009	11.667.900.000	2.280.000.474	13.947.900.474
Tại ngày 31/12/2010	11.667.900.000	25.589.091.136	37.256.991.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Công trình	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Chi phí phát sinh trong kỳ VNĐ	Giảm trong kỳ VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Trụ sở số 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội	105.024	2.677.497.159	2.677.602.183	-
Trụ sở số 233 Đồng Khởi, HCM	183.622.163.685	32.855.601.387	216.000.000.000	477.765.072
Trụ sở Bảo Việt Hà Tĩnh	397.105.337	-	-	397.105.337
Trụ sở Bảo Việt Thái Nguyên (*)	19.917.161.261	-	15.910.650.980	4.006.510.281
Trụ sở Bảo Việt tại Hà Tây	25.000.000.000	235.620.226	-	25.235.620.226
Trụ sở Bảo Việt tại An Giang	610.191.011	-	-	610.191.011
Phần mềm BVAccount	2.360.570.920	-	-	2.360.570.920
Phần mềm quản lý Nhân sự	-	139.952.554	139.952.554	-
Phần mềm kế toán quốc tế	4.176.981.077	7.681.099.600	11.858.080.677	-
Phần mềm hợp nhất báo cáo tài chính	-	1.047.989.200	-	1.047.989.200
Phần mềm Anti Virus	170.005.900	1.530.053.100	1.700.059.000	-
Phần mềm Lotus Notes	-	15.504.757.483	15.504.757.483	-
Trung tâm thông tin của Tập đoàn	10.396.985.085	68.455.915.774	64.806.430.739	14.046.470.120
Công trình khác	992.346.078	801.556.000	1.786.652.078	7.250.000
	247.643.615.378	130.930.042.483	330.384.185.694	48.189.472.167

(*) Đây là công trình thuộc sở hữu của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó một phần do Tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý, đầu tư xây dựng và được ghi nhận là chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên sổ sách của Tập đoàn. Trong năm 2010, Tập đoàn đã điều chuyển phần công trình trị giá 15.910.650.980 đồng Việt Nam để ghi tăng tài sản cố định tại Bảo hiểm Bảo Việt.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Đầu tư vào công ty con và BVF1	4.710.481.388.414	4.210.481.388.414
Đầu tư vào công ty con	14.1	4.616.291.148.720
Đầu tư vào BVF1	14.2	94.190.239.694
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.3	252.769.440.000
Đầu tư dài hạn khác	14.4	1.797.126.521.875
Trái phiếu	14.4.a	632.871.555.108
Tiền gửi có kỳ hạn	14.4.b	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	14.4.c	962.254.966.767
	6.760.377.350.289	5.904.614.763.139
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(340.337.920.054)	(141.631.212.190)
	6.420.039.430.235	5.762.983.550.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tình hình đầu tư tài chính dài hạn phân loại theo nguồn đầu tư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chi tiêu	Bảo Việt Nhân thọ ủy thác đầu tư VNĐ	Bảo Hiểm Bảo Việt ủy thác đầu tư VNĐ	Đầu tư dài hạn của Tập đoàn VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Đầu tư vào công ty con	-	-	4.616.291.148.720	4.616.291.148.720
Đầu tư vào BVF1	-	-	94.190.239.694	94.190.239.694
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	77.719.440.000	-	175.050.000.000	252.769.440.000
Đầu tư dài hạn khác	71.205.200.000	59.872.226.767	1.666.049.095.108	1.797.126.521.875
Trái phiếu	-	-	632.871.555.108	632.871.555.108
Tiền gửi có kỳ hạn	-	2.000.000.000	200.000.000.000	202.000.000.000
Đầu tư khác	71.205.200.000	57.872.226.767	833.177.540.000	962.254.966.767
	148.924.640.000	59.872.226.767	6.551.580.483.522	6.760.377.350.289

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho giảm giá chứng khoán niêm yết, dự phòng giảm giá đầu tư vào BVF1 và dự phòng cho các khoản đầu tư đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(176.919.725.000)	(57.280.000.000)
Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết	(58.312.000.000)	(79.839.500.000)
Dự phòng đầu tư tiền gửi	(95.397.026.975)	-
Dự phòng giảm giá tài sản ròng của BVF1	(9.709.168.079)	(4.511.712.190)
	(340.337.920.054)	(141.631.212.190)

14.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt	1.500.000.000.000	1.000.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	694.895.148.720	694.895.148.720
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	780.000.000.000	780.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	36.396.000.000	36.396.000.000
	4.616.291.148.720	4.116.291.148.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tình hình chi tiết đầu tư vào các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị được đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn góp cam kết VNĐ	Vốn đã góp VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	722.339.370.000	432.811.930.000	694.895.148.720
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.500.000.000.000	780.000.000.000	780.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	100.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	60.660.000.000	36.396.000.000	36.396.000.000
			4.616.291.148.720

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

BVF1 được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 07 năm 2006. Thời gian hoạt động của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam tại Công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VNĐ	% trên vốn điều lệ VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	94.190.239.694	9,42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	821.659.537.741	82,16%
Bảo Việt Nhân thọ	601.214.295.907	60,12%
Bảo hiểm Bảo Việt	220.445.241.834	22,04%
	915.849.777.435	91,58%

14.3 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Nguồn đầu tư Tập đoàn	175.050.000.000	171.150.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	7.050.000.000	3.150.000.000
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	153.000.000.000	153.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA	15.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14.3 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	77.719.440.000	61.712.440.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	9.450.000.000	4.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA	39.000.000.000	39.000.000.000
Dự án Quang Minh	-	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	29.269.440.000	4.462.440.000
	252.769.440.000	232.862.440.000

Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn góp cam kết VNĐ	%	Vốn đã góp VNĐ	Vốn còn phải góp theo cam kết VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	60.000.000.000	21.000.000.000	35%	16.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA	180.000.000.000	54.000.000.000	30%	54.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45%	29.269.440.000	-
Liên doanh					
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (quyền kiểm soát 50%)	300.000.000.000	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	-
				252.769.440.000	

14.4 Đầu tư dài hạn khác

14.4.a Trái phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Trái phiếu Công ty	534.421.421.004	487.604.752.707
Trái phiếu Chính phủ	98.450.134.104	43.906.475.251
	632.871.555.108	531.511.227.958

Khoản đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bao gồm trái phiếu Chính phủ có lãi suất từ 7,86%/năm đến 12,1%/năm và trái phiếu Công ty có lãi suất từ 9,4%/năm đến 14,05%/năm.

14.4.b Tiền gửi có kỳ hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi dài hạn (VNĐ) tại các TCTD		
Nguồn đầu tư Tập đoàn	200.000.000.000	-
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	2.000.000.000	-
	202.000.000.000	

Khoản đầu tư vào tiền gửi dài hạn của Tập đoàn bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa có lãi suất từ 10,5%/năm đến 11,5%/năm và một hợp đồng tiền gửi tại Quỹ Phát triển Đà Nẵng có lãi suất 11,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14.4.c Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010		Ngày 31 tháng 12 năm 2009	
	Số lượng cổ phiếu	Giá mua VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá mua VNĐ
Nguồn vốn đầu tư từ Tập đoàn		833.177.540.000		800.408.280.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải	3.937.542	39.375.420.000	3.937.542	39.375.420.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Vận tải biển Việt Nam	3.000.000	59.587.500.000	3.000.000	59.587.500.000
Công ty Cổ phần xây dựng và địa ốc Sài Gòn	2.750.000	225.000.000.000	2.250.000	225.000.000.000
Quý đầu tư tăng trưởng Việt Long	3.000.000	30.450.000.000	3.000.000	30.450.000.000
Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Long	6.368.272	63.682.720.000	3.184.136	31.841.360.000
Công ty Cổ phần HIPT	1.766.250	63.250.000.000	1.125.000	63.250.000.000
Công ty Cổ phần tái bảo hiểm quốc gia	5.762.400	57.624.000.000	5.762.400	57.624.000.000
Công ty Cổ phần nước giải khát Bia rượu Sài Gòn	500.000	35.000.000.000	500.000	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMC	3.200.000	144.000.000.000	3.200.000	144.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.092.790	105.207.900.000	1.000.000	104.280.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ		71.205.200.000		71.479.200.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.777.165	37.771.650.000	3.777.165	37.771.650.000
Công ty Cổ phần Cáp treo Tây Ninh	511.490	5.114.900.000	538.890	5.388.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tây Ninh	55.070	550.700.000	55.070	550.700.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu	441.000	4.410.000.000	441.000	4.410.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Hà Nội	1.800.000	18.330.750.000	1.800.000	18.330.750.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	502.720	5.027.200.000	502.720	5.027.200.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt		57.872.226.767		57.872.226.767
Công ty Xe buýt và Dịch vụ Đà Nẵng	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Giao thông Vận tải Quảng Nam	58.138	581.376.767	58.138	581.376.767
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.000.000	19.862.500.000	1.000.000	19.862.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.722.835	37.228.350.000	3.722.835	37.228.350.000
		962.254.966.767		929.759.706.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Lãi tiền gửi nhận trước	13.709.361.125	-
Lãi trái phiếu nhận trước	3.032.054.795	-
Tạm ứng cổ tức nhận được	4.881.550.723	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ y học	110.805.001	110.805.001
Các nhà thầu công trình số 8 Lê Thái Tổ	518.618.831	-
Phải trả người bán khác	822.500.000	998.500.000
	23.074.890.475	1.109.305.001

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Số phải nộp trong kỳ VNĐ	Số phải nộp trong kỳ VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	676.205.276	3.632.021.985	2.793.468.382	1.514.758.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.550.488.349	35.059.086.140	111.288.125.756	(2.678.551.267)
Tiền thuê đất	-	314.369.742	314.369.742	-
Các loại thuế khác	1.276.844.355	6.018.631.927	6.530.009.709	765.466.573
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	600.640.537	2.687.856.846	3.286.663.364	1.834.019
Thuế thu nhập cá nhân	596.265.579	2.793.646.349	2.927.166.465	462.745.463
Thuế thu nhập không thường xuyên	79.938.239	534.128.732	313.179.880	300.887.091
	75.503.537.980	45.024.109.794	120.925.973.589	(398.325.815)

Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh 27.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Quý tiền lương còn phải trả	20.258.970.199	6.197.547.272
	20.258.970.199	6.197.547.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải trả Bảo Việt Nhân thọ	1.089.644.890.232	975.576.515.708
Phải trả Bảo hiểm Bảo Việt	365.293.699.484	347.702.226.512
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	8.285.138.858	1.687.863.441
	1.463.223.728.574	1.324.966.605.661

19. KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Kinh phí Công đoàn	1.078.649.472	751.370.685
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	190.148.379	119.865.509
Bảo hiểm thất nghiệp	17.901.180	-
Phải trả về khoản thanh lý tài sản tại BAVINA	-	12.193.416.456
Phải trả HSBC Insurance (Asia Pacific)	10.423.137.760	16.736.723.282
Tiền thu các cổ đông để chuẩn bị tăng vốn điều lệ (*)	646.867.673.855	-
Phải trả Bộ Tài chính - cổ tức 2008 (**)	32.926.573.826	449.895.267.217
Phải trả CT TNHH trang trí nội thất Thành Vinh	190.000.000	-
Phải trả các đơn vị về Chương trình 30a	14.386.072.248	5.135.707.709
Phải trả tiền đặt cọc tiền thuê trụ sở 233 Đồng Khởi	3.180.775.820	-
Phải trả phải nộp khác	903.176.557	571.753.764
	710.164.109.097	485.404.104.622

(*) Đây là khoản thu từ việc các cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu để tăng vốn cho Tập đoàn trong tháng 01 năm 2011.

(**) Đây là khoản cổ tức 2008 và lãi phát sinh của Bộ Tài chính để lại để góp vốn vào Tập đoàn. Trong năm 2010, khoản tiền 458.517.600.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng để chuẩn bị cho việc góp vốn trong tháng 1 năm 2011.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Tăng trong kỳ VNĐ	Chi trong kỳ VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Quỹ khen thưởng	11.678.792.153	6.646.711.071	3.725.342.039	14.600.161.185
Quỹ phúc lợi	7.368.373.319	17.586.844.283	17.536.913.333	7.418.304.269
	19.047.165.472	24.233.555.354	21.262.255.372	22.018.465.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số kỳ trước chuyển sang	21.127.205.418	21.227.073.732
Số trích trong kỳ	147.059.588	103.982.986
Số sử dụng trong kỳ	(9.432.000)	(203.851.300)
Số dư cuối kỳ	21.264.833.006	21.127.205.418

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 31/12/2009	5.730.266.050.000	1.734.745.821.197	1.668.684.274	969.743.897.777	8.436.424.453.248
Phát hành tăng vốn bổ sung	536.824.740.000	1.342.061.850.000	-	-	1.878.886.590.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	852.068.230.108	852.068.230.108
Trả cổ tức năm 2009 cho Cổ đông	-	-	-	(630.329.265.500)	(630.329.265.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2009	-	-	-	(24.233.555.354)	(24.233.555.354)
Trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ	-	-	-	(1.088.333.334)	(1.088.333.334)
Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	(1.668.684.274)	-	(1.668.684.274)
Số dư tại ngày 31/12/2010	6.267.090.790.000	3.076.807.671.197	-	1.166.160.973.697	10.510.059.434.894

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	948.688.305	28.864.672.094
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	408.931.325.919	246.459.545.855
Thu nhập từ trái phiếu và repo	64.230.038.578	62.236.356.695
Cổ tức và lợi nhuận được chia	731.415.531.077	558.730.600.086
<i>Bảo hiểm Bảo Việt</i>	197.583.757.718	149.205.247.802
<i>Bảo Việt Nhân thọ</i>	402.095.241.388	326.162.856.501
<i>Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt</i>	19.337.457.239	33.893.752.812
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	70.200.000.000	-
<i>Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt</i>	-	6.390.761.070
<i>Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine</i>	9.911.913.955	13.935.661.901
<i>Cổ tức từ nguồn vốn đầu tư khác</i>	32.287.160.777	29.142.320.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.409.602.724	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.303.597.142	2.467.253.635
	1.210.238.783.745	898.758.428.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(58.133.911.004)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	198.706.707.864	-
Chi phí tài chính khác	134.600.190	304.128.843
	198.841.308.054	(57.829.782.161)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Chi phí nhân viên	58.787.509.243	41.528.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.684.032.812	1.102.811.597
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.358.963.762	772.960.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.896.391.245	19.209.863.945
Thuế, phí, lệ phí	382.717.389	8.102.418
Chi phí tư vấn	17.845.250.184	3.205.752.951
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	147.059.588	146.080.000
Chi phí an sinh xã hội	2.080.000.000	2.350.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.385.031.693	19.143.918.647
Chi phí bằng tiền khác	19.549.598.107	7.112.617.928
	158.116.554.023	94.580.108.214

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập khác		
Cho thuê văn phòng	35.913.028.904	23.629.992.632
Thu từ thanh lý tài sản tại Công ty BAVINA	12.193.416.456	-
Các khoản khác	216.942.750	64.532.723
	48.323.388.110	23.694.525.355
Chi phí khác		
Chi phí quản lý tòa nhà	14.456.793.530	4.056.077.172
Các khoản khác	20.200.000	25.000.000
	14.476.993.530	4.081.077.172
Lợi nhuận khác	33.846.394.580	19.613.448.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	887.127.316.248	881.621.550.495
Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và các điều chỉnh khác	(746.890.971.690)	(558.708.980.669)
Tổng thu nhập chịu thuế	140.236.344.558	322.912.569.826
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ	35.059.086.140	80.728.142.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo biên bản kiểm tra Thuế	-	285.883.677
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	35.059.086.140	81.014.026.134
Số Thuế TNDN 2008 được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	(7.177.654.108)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	35.059.086.140	73.836.372.026

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư / nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan với Công ty Mẹ Tập đoàn bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Chủ sở hữu
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Chủ sở hữu
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Công ty con
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Công ty con
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (BV - Âu Lạc)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVInvest)	Công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Baoviet Bank)	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	Liên doanh
Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Bao Viet Resort)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB (VIGEB)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt (Long Việt)	Công ty liên kết

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
Bộ Tài chính	Trả cổ tức năm 2009 cho Bộ Tài chính	488.730.000.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Nhận tiền góp vốn do phát hành riêng lẻ	1.878.886.590.000
	Chi trả cổ tức	59.050.721.400
SCIC	Tiền nhận được do HSBC chuyển để tăng vốn điều lệ	116.417.472.000
	Trả cổ tức năm 2009 cho SCIC	22.440.000.000
BVInvest	Tiền nhận được do SCIC chuyển để tăng vốn điều lệ	21.052.800.000
	Chi phí quản lý tòa nhà	14.990.971.337
Bảo hiểm Bảo Việt	Tiền thuê trụ sở làm việc	462.138.548
	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	197.583.757.718
Bảo Việt Nhân thọ	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	402.095.241.388
	Phí quản lý danh mục đầu tư	1.165.979.581
	Tiền thuê trụ sở làm việc	3.737.732.805
BVF	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	19.337.457.239
	Tiền thuê trụ sở làm việc	3.580.954.672
Baoviet Bank	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	70.200.000.000
	Tiền thuê trụ sở làm việc	14.077.364.968
BVSC	Tiền thuê trụ sở làm việc	9.514.588.251
	Tiền tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông và tư vấn	587.361.574
VIGEB	Tạm ứng cổ tức	27.000.000.000
Bao Viet Resort	Tăng vốn góp	9.100.000.000
Long Việt	Tăng vốn góp vào Công ty Long Việt	24.807.000.000

Số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 8 và 18 trong báo cáo tài chính riêng này.

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	1.449.600.000	1.464.320.998
	1.449.600.000	1.464.320.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	852.068.230.108	807.785.178.469
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	623.914.649	573.026.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.366	1.410

30. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Như đã trình bày ở Thuyết minh 4.1, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển từ việc áp dụng các hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 201/2009/TT-BTC sang áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (CMKTVN 10). Nếu Tập đoàn tiếp tục áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính 2010, tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn sẽ như sau:

	CMKTVN số 10 VNĐ	Thông tư 201 VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Bảng cân đối kế toán riêng			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.740.918.450	(1.740.918.450)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.740.918.450	-	1.740.918.450
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng			
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng	1.740.918.450	-	1.740.918.450
Lãi trên cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.366	1.363	3

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện được trình bày trong báo cáo tài chính riêng này, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2010 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã đề cập ở Thuyết minh số 4.1, ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày như sau:

	31/12/2009 Số đã báo cáo VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	31/12/2009 Số trình bày lại VNĐ
Phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi			
Nợ ngắn hạn	1.893.181.100.536	19.047.165.472	1.912.228.266.008
Vốn chủ sở hữu	8.455.471.618.720	(19.047.165.472)	8.436.424.453.248
Ảnh hưởng đến Tổng nguồn vốn		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngoài ra, một số số liệu so sánh trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách thức trình bày báo cáo tài chính riêng của năm nay.

33. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,48	40,11
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,52	59,89
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	%	17,70	18,64
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	%	82,30	81,36
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,59	2,17
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,59	2,17
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	73,30	98,89
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	70,40	89,88
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,95	8,57
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,67	7,79
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,11	9,57

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và Các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	98 - 101
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	102
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	103 - 105
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	106 - 107
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	108
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	109 - 160

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010. Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ:	6.267.090.790.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	626.709.079
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn đã niêm yết toàn bộ 626.709.079 cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm 53.682.474 cổ phiếu phát hành riêng lẻ thêm cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - cổ đông chiến lược của Tập đoàn - trong đợt phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2010. Việc niêm yết bổ sung 53.682.474 cổ phiếu này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh chấp thuận ngày 21 tháng 04 năm 2010

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phường Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế thuộc về các chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 952.597.195.373 đồng Việt Nam (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 891.754.255.672 đồng Việt Nam).

Ngày 17 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua và công bố việc chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 11% cho năm tài chính 2009. Tổng số tiền cổ tức là 630.329.265.500 đồng Việt Nam đã được chi trả hết trong năm 2010.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

Thực hiện cam kết giữa Tập đoàn Bảo Việt và HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited, trên cơ sở Nghị quyết số 1527/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt, ngày 18 tháng 01 năm 2010, HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited đã hoàn tất việc chuyển số tiền 1.878.886.590.000 đồng Việt Nam để thanh toán tiền mua cổ phần từ đợt phát hành riêng lẻ 53.682.474 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited từ 10,31% lên 18% vốn Điều lệ tại Tập đoàn Bảo Việt. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm này đã được Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt cho niêm yết bổ sung vào ngày 21 tháng 04 năm 2010.

Ngày 17 tháng 04 năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010. Theo chiến lược đã đề ra khi thực hiện cổ phần hóa, đồng thời nhằm nâng cao tài chính, năng lực cạnh tranh, phục vụ mục tiêu phát triển chiến lược: "Đầu tư bổ sung tăng vốn điều lệ trong các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt, tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin", Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ của Tập đoàn trong năm 2010 lên mức 6.800 tỷ. Tập đoàn đã thực hiện thành công đợt tăng vốn trong tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn đã thực hiện việc tăng vốn góp vào Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ 1.000 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng vào ngày 11 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Trần Hữu Tiến	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Ông David Lawrence Fried	Ủy viên Hội đồng Quản trị	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	23 tháng 09 năm 2009	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các thành viên Ban kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Thực	Trưởng Ban	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Trần Minh Thái	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Lê Văn Chí	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	
Ông Christopher Edwards	Thành viên	17 tháng 04 năm 2010	
Bà Marjory Miller	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	17 tháng 04 năm 2010

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	15 tháng 10 năm 2007	
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	30 tháng 06 năm 2008	
	Giám đốc Bất động sản	01 tháng 02 năm 2011	
Ông Lưu Thanh Tâm	Giám đốc Bất động sản	30 tháng 06 năm 2008	01 tháng 02 năm 2011
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	30 tháng 06 năm 2008	
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Chiến lược	30 tháng 06 năm 2008	
	Giám đốc Đầu tư	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ Thông tin	08 tháng 09 năm 2008	
Ông Adrian Abbott	Giám đốc Quản lý rủi ro	22 tháng 04 năm 2010	
Ông Phạm Khắc Dũng	Giám đốc Hoạt động	30 tháng 06 năm 2008	15 tháng 11 năm 2010

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Thực hiện Nghị quyết số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010, trong tháng 1 năm 2011, Tập đoàn đã thực hiện thành công đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn. Số cổ phiếu phát hành thêm là 53.762.355 cổ phiếu, nâng tổng số vốn điều lệ của Tập đoàn lên 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam vào ngày 14 tháng 01 năm 2011. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho niêm yết bổ sung từ ngày 18 tháng 02 năm 2011.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Ban điều hành đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban điều hành đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2011



Ernst & Young Vietnam Limited
 14th Floor, Daeha Business Center
 360 Kim Ma Street, Ba Dinh District
 Hanoi, S.R. of Vietnam
 Tel: +84 4 3831 5100
 Fax: +84 4 3831 5090
 www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60780870/14690993-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con ("Tập đoàn"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 97 đến trang 160. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam W.
 Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Hoàng Văn Tấn

Võ Tấn Hoàng Văn
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiểm toán viên đã đăng ký
 Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

Xuân Minh

Võ Xuân Minh
 Kiểm toán viên phụ trách
 Kiểm toán viên đã đăng ký
 Số đăng ký: 0923/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.279.349.724.769	13.673.103.807.542
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	5.844.707.147.758	2.532.644.263.412
111	1. Tiền		723.039.874.862	540.937.036.319
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.121.667.272.896	1.991.707.227.093
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	9.032.191.623.735	8.576.063.696.075
121	1. Đầu tư ngắn hạn		9.885.894.075.590	8.939.362.811.569
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(853.702.451.855)	(363.299.115.494)
130	III. Các khoản phải thu	6	3.206.514.890.912	2.427.630.124.465
131	1. Phải thu về hoạt động bảo hiểm		1.453.370.439.126	1.273.174.332.975
132	2. Trả trước cho người bán		51.438.200.967	9.351.089.507
133	3. Tạm ứng		15.004.672.895	14.169.850.360
137	4. Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		1.485.851.186.757	1.068.732.816.372
138	5. Các khoản phải thu khác		272.320.059.245	100.924.531.492
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(71.469.668.078)	(38.722.496.241)
140	IV. Hàng tồn kho	7	117.263.182.664	107.121.526.352
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		78.672.879.700	29.644.197.238
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		64.122.955.098	18.119.677.599
155	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		149.740.507	137.942.020
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		1.431.426.197	1.073.545.982
154	4. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước		8.967.622.683	5.322.979.220
156	5. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		2.994.243.432	3.599.500.616
158	6. Tài sản ngắn hạn khác		1.006.891.783	1.390.551.801
160	B. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG	8	5.889.067.477.368	2.624.756.884.104
161	1. Cho vay và ứng trước cho khách hàng		5.924.279.393.498	2.633.023.390.293
169	2. Dự phòng rủi ro tín dụng		(35.211.916.130)	(8.266.506.189)
200	C. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.599.519.961.390	17.416.755.972.025
220	I. Tài sản cố định		1.937.675.150.696	1.702.679.360.400
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	888.368.098.875	569.869.121.953
222	Nguyên giá		1.502.061.361.597	1.100.690.387.362
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(613.693.262.722)	(530.821.265.409)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	709.672.873.718	650.130.000.618
228	Nguyên giá		792.990.562.889	707.105.030.491
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.317.689.171)	(56.975.029.873)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	339.634.178.103	482.680.237.829
240	II. Bất động sản đầu tư	12	23.448.947.000	23.448.947.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.2	18.543.754.501.476	15.630.164.051.412
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		338.561.803.678	313.559.572.889
258	2. Đầu tư dài hạn khác		18.402.589.538.431	15.512.602.012.844
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(197.396.840.633)	(195.997.534.321)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		94.641.362.218	60.463.613.213
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	52.531.464.772	18.120.011.138
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2	12.668.907.308	10.654.317.835
267	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		25.654.827.632	20.641.706.845
268	4. Tài sản dài hạn khác		3.786.162.506	11.047.577.395
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.767.937.163.527	33.714.616.663.671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ		32.752.630.760.483	23.826.885.284.184
310	I.	Nợ ngắn hạn		6.221.002.414.770	2.500.811.457.427
311	1.	Vay và nợ ngắn hạn	15	1.593.235.333.373	420.948.732.663
312	2.	Phải trả thương mại	16.1	3.100.216.309.659	960.615.920.164
313	3.	Người mua trả tiền trước	16.2	35.305.467.978	43.226.021.957
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp	17	87.863.714.694	128.841.596.905
315	5.	Phải trả người lao động		205.641.088.427	135.423.296.316
316	6.	Chi phí phải trả		23.372.079.839	17.242.129.166
318	7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	1.106.255.039.321	744.657.262.135
319	8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	69.113.381.479	49.856.498.121
320	II.	Tiền gửi của khách hàng	20	7.597.839.409.023	3.786.961.866.864
321	1.	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng	20.1	3.019.960.785.943	1.709.021.432.606
322	2.	Tiền gửi của khách hàng	20.2	4.577.878.623.080	2.077.940.434.258
330	III.	Nợ dài hạn		80.826.657.494	73.239.449.605
333	1.	Ký quỹ, ký cược dài hạn		27.376.215.506	24.444.886.406
335	2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.2	8.613.670.942	4.476.408.636
336	3.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		44.836.771.046	44.318.154.563
340	IV.	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	21	18.852.962.279.196	17.465.872.510.288
341	1.	Dự phòng phí chưa được hưởng		2.447.163.648.748	2.219.898.075.597
342	2.	Dự phòng toán học		13.947.735.874.260	13.149.693.155.870
343	3.	Dự phòng bồi thường		1.221.357.297.901	1.096.611.181.704
344	4.	Dự phòng dao động lớn		307.012.203.931	193.572.226.768
345	5.	Dự phòng chia lãi		906.960.197.603	789.360.245.400
346	6.	Dự phòng đảm bảo cân đối		22.733.056.753	16.737.624.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.667.776.713.657	8.538.905.644.218
410	I.	Vốn chủ sở hữu	22	10.667.776.713.657	8.538.905.644.218
411	1.	Vốn chủ sở hữu		6.267.090.790.000	5.730.266.050.000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		3.076.807.671.197	1.734.745.821.197
415	3.	Quỹ chênh lệch tỷ giá		16.075.608.000	18.387.227.948
416	4.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		79.245.733.155	43.521.050.471
417	5.	Quỹ đầu tư phát triển		13.810.688.873	10.222.384.015
418	6.	Quỹ dự phòng tài chính		18.316.956.265	11.699.111.508
419	7.	Quỹ khác		103.568.802.818	103.568.802.818
420	8.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.092.860.463.349	886.495.196.261
500	C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	23	1.347.529.689.387	1.348.825.735.269
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.767.937.163.527	33.714.616.663.671

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
1.	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VNĐ)	223.855.361.342	115.681.301.363
2.	Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	4.792.072.858	4.401.672.856
3.	Ngoại tệ (USD)	2.448.850	3.027.404
4.	Chứng khoán lưu ký (VNĐ)	14.143.012.400.000	15.731.400.660.000
5.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C (VNĐ)	234.468.403.536	158.727.549.353
6.	Bảo lãnh khác (VNĐ)	81.382.221.188	15.948.831.827

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	Thu phí bảo hiểm gốc	24.1	8.243.995.446.509	7.393.367.704.806
02	Thu phí nhận tái bảo hiểm	24.2	186.623.651.556	151.666.182.986
03	Các khoản giảm trừ doanh thu	24.3	(1.152.034.398.163)	(1.036.847.985.406)
04	Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(1.083.576.007.876)	(979.534.348.986)
05	Giảm phí		(2.065.444.546)	(1.915.407.401)
06	Hoàn phí		(66.392.945.741)	(55.398.229.019)
08	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học		(1.025.308.291.541)	(1.467.453.204.038)
09	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		183.298.558.113	146.828.204.959
10	Thu nhập khác		5.958.591.545	5.863.915.547
11	Thu khác nhận tái bảo hiểm		2.095.474.697	1.127.872.732
12	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		333.858.761	308.514.166
13	Thu hoạt động khác		3.529.258.087	4.427.528.649
14	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+02+03+08+09+10)		6.442.533.558.019	5.193.424.818.854
15	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	25.1	(4.634.714.084.183)	(4.050.560.862.254)
16	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	25.2	(51.747.327.052)	(46.246.678.770)
17	Các khoản giảm trừ chi phí		391.909.000.095	386.713.469.741
18	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25.3	372.222.596.599	366.196.782.586
19	Thu đòi người thứ ba		6.834.114.530	13.815.213.821
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		12.852.288.966	6.701.473.334
21	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21 = 15+16+17)		(4.294.552.411.140)	(3.710.094.071.283)
22	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		-	-
23	Tăng dự phòng bồi thường		(70.365.084.289)	(105.617.698.741)
24	Trích dự phòng dao động lớn		(113.439.977.163)	(98.132.466.119)
25	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(988.931.762.242)	(860.363.747.027)
26	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc		(924.160.351.685)	(812.295.263.119)
27	Chi hoa hồng		(830.054.332.159)	(714.761.159.822)
28	Chi để phòng hạn chế tổn thất		(35.566.098.265)	(54.457.729.341)
29	Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(58.539.921.261)	(43.076.373.956)
30	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(40.479.795.339)	(35.541.606.643)
31	Chi nhượng tái bảo hiểm		(24.291.615.218)	(12.526.877.265)
33	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (33 = 21+22+23+24+25)		(5.467.289.234.834)	(4.774.207.983.170)
34	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (34 = 14+33)		975.244.323.185	419.216.835.684
35.1	Thu nhập từ hoạt động ngân hàng		957.223.058.373	355.479.712.399

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
35.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng		(538.591.304.881)	(126.218.988.181)
35	Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	26	418.631.753.492	229.260.724.218
36.1	Doanh thu hoạt động khác		198.297.078.626	144.166.331.292
36.2	Chi phí hoạt động khác		(156.377.596.191)	(59.566.766.423)
36	Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	27	41.919.482.435	84.599.564.869
37	Chi phí bán hàng		(142.837.253.724)	(122.023.207.897)
38	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(1.724.057.419.395)	(1.449.516.010.995)
38.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(1.328.369.465.286)	(1.187.481.587.361)
38.2	Chi phí quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		(136.995.092.835)	(67.507.827.941)
38.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		(258.692.861.274)	(194.526.595.693)
39.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (39.1 = 34+37+38.1)		(495.962.395.825)	(890.287.959.574)
39.2	Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (39.2=35+38.2)		281.636.660.657	161.752.896.277
39.3	Lỗ thuần từ các hoạt động khác (39.3=36+38.3)		(216.773.378.839)	(109.927.030.824)
40	Doanh thu hoạt động tài chính	29.1	3.078.930.495.583	2.393.475.592.072
41	Chi phí hoạt động tài chính	29.2	(1.468.414.780.544)	(331.877.326.646)
42	Lợi nhuận hoạt động tài chính (42 = 40+41)		1.610.515.715.039	2.061.598.265.426
43	Thu nhập hoạt động khác		23.550.981.715	13.275.225.337
44	Chi phí hoạt động khác		(1.775.611.065)	(6.569.981.488)
45	Lợi nhuận hoạt động khác (45 = 43+44)	30	21.775.370.650	6.705.243.849
46	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh		53.709.140.782	13.057.543.886
47	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (47 = 39.1+39.2+39.3+42+45+46)		1.254.901.112.464	1.242.898.959.040
48	Dự phòng bảo đảm cân đối		(5.995.431.804)	(4.556.421.030)
49	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	17.1	(274.604.981.244)	(226.842.397.703)
50	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50 = 47+48+49)		974.300.699.416	1.011.500.140.307
51	Phân chia lợi ích cổ đông thiểu số		21.703.504.043	119.745.884.635
52	Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, Tập đoàn Bảo Việt (52 = 50-51)		952.597.195.373	891.754.255.672
53	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.527	1.556

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi		12.454.944.888.704	8.784.866.696.654
02	2. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(9.981.578.704.434)	(7.128.510.955.183)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(570.328.597.249)	(598.670.981.585)
05	4. Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(318.521.037.200)	(192.697.194.230)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.956.910.541.401	1.022.896.275.546
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.922.592.129.067)	(1.444.775.176.900)
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		618.834.962.155	443.108.664.302
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(244.601.678.911)	(315.726.997.458)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		654.142.947	7.459.136.006
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(10.594.663.873.796)	(7.296.464.781.636)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		4.928.885.195.844	1.287.210.525.579
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(6.007.088.767.440)	(2.967.338.985.684)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		6.739.077.003.398	4.157.816.410.833
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		194.782.794.193	497.054.068.939
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.982.955.183.765)	(4.629.990.623.421)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		1.878.886.590.000	720.000.000.000
33	2. Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn		6.260.247.375.606	5.646.136.030.318
36	3. Tiền trả cổ tức		(651.929.265.500)	(128.728.400.000)
37	4. Tiền nộp của cổ đông để chờ tăng vốn		188.350.073.855	-
38	5. Tiền trả từ hoạt động tài chính khác		(150.000.000)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.675.404.773.961	6.237.407.630.318
40	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.311.284.552.351	2.050.525.671.199
50	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	2.532.644.263.412	480.836.990.174
51	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		778.331.995	1.281.602.039
60	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	5.844.707.147.758	2.532.644.263.412



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính



Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010. Mã số doanh nghiệp là 0100111761 theo đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010. Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010 như sau:

Quy mô vốn điều lệ và cơ cấu vốn cổ phần như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ:	6.267.090.790.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	626.709.079
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn đã niêm yết toàn bộ 626.709.079 cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm 53.682.474 cổ phiếu phát hành riêng lẻ thêm cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - cổ đông chiến lược của Tập đoàn - trong đợt phát hành ngày 18 tháng 01 năm 2010. Việc niêm yết bổ sung 53.682.474 cổ phiếu này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh chấp thuận ngày 21 tháng 04 năm 2010.

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	%
Cổ đông sáng lập	577.507.635	92,15%
Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	112.807.635	18,00%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	20.400.000	3,26%
Các cổ đông khác	49.201.444	7,85%
Tổng cộng	626.709.079	100%

Thực hiện Nghị quyết số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010, trong tháng 1 năm 2011, Tập đoàn đã thực hiện thành công đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn. Số cổ phiếu phát hành thêm là 53.762.355 cổ phiếu, nâng tổng số vốn điều lệ của Tập đoàn lên 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam vào ngày 14 tháng 01 năm 2011. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho niêm yết bổ sung từ ngày 18 tháng 02 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết của các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) được trình bày dưới đây:

Các công ty con

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Baoviet Bank”)	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phường Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%

Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn Bảo Việt được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Ngày 11 tháng 06 năm 2010, Bộ Tài chính đã cho phép bổ sung vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt lên thành 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam theo giấy phép sửa đổi số 45/GPĐDC3/KDBH.

Bảo Việt Nhân thọ được thành lập theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn Bảo Việt được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân Thọ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam.

BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 đồng Việt Nam.

BVSC là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép đăng ký kinh doanh số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nhà nước cấp. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký của công ty là 722.339.370.000 đồng Việt Nam theo theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán sửa đổi lần thứ 6 số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 12 năm 2009.

Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Bắc Ninh. Vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 đồng Việt Nam.

Baoviet Bank được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy phép kinh doanh số 0103034012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008. Vốn điều lệ của Baoviet Bank là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam.

BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của BVInvest là 100.000.000.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	Số vốn góp VND	% trên vốn điều lệ VND
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	55.000.000.000	55%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	45.000.000.000	45%
<i>Bảo Việt Nhân thọ</i>	20.000.000.000	20%
<i>Bảo hiểm Bảo Việt</i>	20.000.000.000	20%
<i>BVSC, trong đó:</i>	5.000.000.000	5%
<i>Lợi ích gián tiếp của Công ty Mẹ</i>	2.995.500.000	3%
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	2.004.500.000	2%
	100.000.000.000	100%

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”)

BVF1 được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian hoạt động của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ.

Quỹ được quản lý bởi BVF là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VND	% trên vốn điều lệ VND
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	94.190.239.694	9,42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	821.659.537.741	82,16%
<i>Bảo Việt Nhân thọ</i>	601.214.295.907	60,12%
<i>Bảo hiểm Bảo Việt</i>	220.445.241.834	22,04%
	915.849.777.435	91,58%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và có tham khảo đến Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm 2011 trở đi.

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con và BVF1 (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty Mẹ Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ. Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Ngoài ra, Tập đoàn còn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng quý.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.8.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch sau:

Áp dụng thông tư 244/2009/TT-BTC

Trong năm 2010, Tập đoàn thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán:

- Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng;
- Quý khen thưởng, phúc lợi được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài việc phân loại lại Quý khen thưởng, phúc lợi trình bày tại Thuyết minh số 38, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên do Thông tư 244/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố.

Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10"). CMKTVN số 10 khác với Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Tập đoàn đã sử dụng trong năm trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này đối với số liệu đầu kỳ của năm tài chính 2010 được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm do không trọng yếu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.4 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 05 năm 2005, Tập đoàn phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Tập đoàn thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Tập đoàn thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 8.1 và 8.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.6 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.9 Khấu hao

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nhà cửa	6 - 25 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.11 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay liên doanh (thông thường là các công ty mà Tập đoàn sở hữu từ 20% đến 50% quyền biểu quyết). Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết cũng tương đồng với chính sách kế toán của Tập đoàn đối với các giao dịch và các sự kiện trong các hoàn cảnh tương tự.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.1.

4.12 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đầu tư của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức được nhận từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát mà Tập đoàn đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.1.

4.13 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{hạch toán trên sổ} \\ \text{sách} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán thực} \\ \text{tế trên thị trường ngày} \\ \text{31/12/2010} \end{array} \right]$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010;

Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam;

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 228 như sau:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.14 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm đã đóng phí tối thiểu 24 tháng có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng của hợp đồng bảo hiểm. Tạm ứng từ giá trị giải ước được ghi nhận theo giá gốc.

4.15 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.16 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.17 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 16% trên mức lương cơ bản của nhân viên (trước ngày 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo;

Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và 17 như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định này còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 06 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003, các công ty được hoạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1-3% quỹ lương cơ bản và tổng số dư dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64 sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư 82.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.18 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 quy định chế độ tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ
Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường
Dự phòng toán học	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

4.18.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học: là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của tổng số tiền bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại có điều chỉnh của các khoản phải thu phí bảo hiểm gốc trong tương lai. Dự phòng toán học được tính cho tất cả các sản phẩm dựa trên các công thức tính và cơ sở tính của mỗi loại sản phẩm được đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính;

Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Tập đoàn tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và theo Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Tập đoàn đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

Dự phòng phí chưa được hưởng: là khoản dự phòng cho phần doanh thu chưa được hưởng từ phần phí bảo hiểm đã thanh toán trước hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và được tính cho tất cả các hợp đồng còn hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Dự phòng bồi thường: là khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường đã nộp nhưng đang trong quá trình giải quyết vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

Dự phòng chia lãi: là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó; và

Dự phòng đảm bảo cân đối: được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Tập đoàn. Mức trích lập hàng năm là một phần trăm (1%) từ lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

4.18.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí giữ lại;

Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bổ đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng	=	Phí bảo hiểm giữ lại	x	Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng
Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:				
Dự phòng phí chưa được hưởng	=	$\frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC; và

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Hệ thống thông tin hiện tại của Tập đoàn không lưu trữ dữ liệu tập trung và đầy đủ. Bên cạnh đó, dữ liệu bồi thường của các năm trước không đủ tin cậy để có thể hỗ trợ cho việc tính toán dự phòng IBNR theo hướng dẫn trong Thông tư số 156/2007/TT-BTC là phải sử dụng số liệu thống kê của 03 năm.

Do đó, Tập đoàn đã gửi công văn đề nghị Bộ Tài Chính phê duyệt việc sửa đổi công thức tính dự phòng IBNR theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC cho phù hợp với tình hình hiện tại của Tập đoàn. Bộ Tài Chính đã phê duyệt cho Tập đoàn sử dụng dữ liệu thống kê của năm tài chính hiện tại để tính toán dự phòng IBNR theo Công văn số 1393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 2 năm 2009 và Công văn số 2250/BTC-QLBH ngày 24 tháng 2 năm 2011, theo đó dự phòng IBNR được tính toán theo công thức sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của năm tài chính trước}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính trước}} \times$	$\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times$	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$
--	---	--	---	---

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được dự chi mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban Điều hành Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên các báo cáo tài chính với mức 3,5% tổng phí giữ lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Công văn số 1393/BTC-QLBH ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 727/BTC-QLBH ngày 18 tháng 01 năm 2010.

4.19 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm:

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Hoạt động chứng khoán:

Đối với các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư phát triển được trích lập hàng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của công ty chứng khoán cho đến khi đạt 100% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 04 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của công ty chứng khoán cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của công ty chứng khoán trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

Hoạt động Ngân hàng:

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005, các ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện việc trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định	Không quy định

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ
------------------------	------------------------	-----------------

Trong năm 2010 Bảo Việt Bank tạm trích lập 5% lợi nhuận sau thuế cho Quỹ bổ sung vốn điều lệ và 10% lợi nhuận sau thuế còn lại cho Quỹ dự phòng tài chính. Số liệu trích lập chính thức sẽ được thông qua tại Đại Hội Đồng cổ đông. Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146.

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009 quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Người mua trả tiền trước" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia chỉ định của Tập đoàn tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 156") và thông tư sửa đổi 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009 (Thông tư "86") do Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Thu nhập lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dự thu sử dụng lãi suất danh nghĩa. Việc ghi nhận lãi cho vay tạm ngừng khi khoản vay bị suy giảm khả năng thu hồi, là khi các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng nhà nước. Lãi dự thu của các khoản nợ đó được chuyển ra và tiếp tục theo dõi ở các tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn thực nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v. được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu thưởng theo quy định tại thông tư 244/2009/TT-BTC.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.21 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính với tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

tháng 03 năm 2007 về luật kinh doanh Bảo hiểm và Thông tư số 86/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 04 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư 155/2007/TT-BTC.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phát sinh.

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự chi.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.22 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm;

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

4.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4.1, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển sang áp dụng CMKTVN số 10 đối với các giao dịch bằng ngoại tệ. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn tuân thủ theo các quy định của Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 09 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm liên quan đến các giao dịch này.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.24 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.25 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng các hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá áp dụng theo CMKTVN số 10 cho năm tài chính 2010.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4.1, hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") được Tập đoàn áp dụng trong năm 2009.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho trong năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 34.

4.26 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tắt toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.27 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

4.28 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	155.587.174.546	68.973.179.827
Tiền gửi ngân hàng	507.654.505.084	471.869.527.792
Tiền đang chuyển	59.798.195.232	94.328.700
Các khoản tương đương tiền (*)	5.121.667.272.896	1.991.707.227.093
Tổng tiền và các khoản tương đương tiền	5.844.707.147.758	2.532.644.263.412

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba tháng với lãi suất bằng đồng Việt Nam dao động từ 8,5%/năm đến 16,5%/năm và lãi suất bằng đồng đô la Mỹ dao động từ 0,2% đến 1,4%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	501.744.386.049	318.134.288.531
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	69.830.833.871	74.315.180.815
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	857.276.129.659	873.267.024.099
Phải thu khác	1.264.166.676	1.122.133.839
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	23.254.922.871	6.335.705.691
	1.453.370.439.126	1.273.174.332.975
Trả trước cho người bán		
Trả trước cho nhà cung cấp	51.438.200.967	9.351.089.507
	51.438.200.967	9.351.089.507
Tạm ứng	15.004.672.895	14.169.850.360
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	10.923.835.861	8.928.848.933
Lãi tiền gửi ngân hàng	432.084.476.342	293.214.114.444
Phải thu lãi trái phiếu	750.381.556.782	511.835.722.629
Phải thu từ hợp đồng repo	-	22.988.904.912
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	993.842.121	11.067.001.000
Tạm ứng phí tự động	4.822.755.596	2.874.246.605
Phải thu lãi cho vay khách hàng	4.196.209.448	5.021.488.048
Tạm ứng từ giá trị giải ước	238.920.490.000	208.516.086.800
Phải thu đầu tư khác	43.528.020.607	4.286.403.001
	1.485.851.186.757	1.068.732.816.372
Phải thu khác (*)	272.320.059.245	100.924.531.492
Tổng cộng các khoản phải thu	3.277.984.558.990	2.466.352.620.706
Dự phòng phải thu khó đòi	(71.469.668.078)	(38.722.496.241)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	3.206.514.890.912	2.427.630.124.465

(*) Các khoản phải thu khác bao gồm khoản tiền 106.761.864.000 đồng đã chuyển cho tổ chức phát hành để mua cổ phiếu phát hành thêm trong khuôn khổ hợp đồng môi giới chứng khoán ký giữa BVSC và khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Ấn chỉ	13.750.685.339	10.177.565.405
Vật liệu, văn phòng phẩm	8.636.859.860	9.488.302.527
Thiết bị, dụng cụ	2.116.641.003	574.125.330
Chi phí sản xuất dở dang(*)	92.758.996.462	86.881.533.090
Tổng cộng hàng tồn kho	117.263.182.664	107.121.526.352
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	117.263.182.664	107.121.526.352

(*) Đây là chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt. Các khoản này sẽ được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi hoàn thành và chuyển vào giá vốn hàng bán.

8. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Cho vay thương mại	5.394.881.793.498	2.070.446.430.293
Trong đó:		
Nợ ngắn hạn	2.945.413.518.436	1.224.593.789.651
Nợ trung hạn	1.115.916.458.477	471.228.961.441
Nợ dài hạn	1.333.551.816.585	374.623.679.201
Cho vay các Tổ chức Tín dụng	529.397.600.000	562.576.960.000
	5.924.279.393.498	2.633.023.390.293
Dự phòng rủi ro tín dụng	(35.211.916.130)	(8.266.506.189)
Giá trị thuần các khoản cho vay và ứng trước khách hàng	5.889.067.477.368	2.624.756.884.104

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 Lãi suất (%/năm)
Cho vay thương mại bằng VNĐ	12% - 22%
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	4% - 9%

8.1. Phân tích chất lượng các khoản cho vay thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.341.330.710.017	2.069.588.097.293
Nợ cần chú ý	53.084.683.481	858.333.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	466.400.000	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	5.394.881.793.498	2.070.446.430.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.2 Dự phòng rủi ro tín dụng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể VNĐ	Dự phòng chung VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	13.750.000	8.252.756.189	8.266.506.189
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đã trích trong kỳ	370.683.381	26.574.726.560	26.945.409.941
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	384.433.381	34.827.482.749	35.211.916.130

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Trang thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 31/12/2009	574.108.338.213	35.388.309.102	177.122.050.807	313.023.765.644	1.047.923.596	1.100.690.387.362
Tăng trong kỳ	281.846.912.137	8.594.245.653	84.407.057.820	41.997.209.133	37.232.955	416.882.657.698
Trong đó:						
Mua sắm	60.708.691.265	8.485.455.153	19.600.627.081	35.548.957.133	37.232.955	124.380.963.587
Xây dựng mới	221.138.220.872	-	64.806.430.739	6.448.252.000	-	292.392.903.611
Khác	-	108.790.500	-	-	-	108.790.500
Thanh lý, nhượng bán	(1.744.867.469)	(1.083.369.873)	(2.649.079.218)	(10.008.573.903)	(25.793.000)	(15.511.683.463)
Tại ngày 31/12/2010	854.210.382.881	42.899.184.882	258.880.029.409	345.012.400.874	1.059.363.551	1.502.061.361.597
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 31/12/2009	184.440.340.420	16.170.370.407	94.238.307.189	234.988.112.711	984.134.682	530.821.265.409
Tăng trong kỳ	33.225.493.358	6.981.298.669	24.490.972.656	33.421.297.978	48.124.625	98.167.187.287
Thanh lý, nhượng bán	(1.744.867.469)	(1.077.837.669)	(2.649.079.218)	(9.797.612.618)	(25.793.000)	(15.295.189.974)
Tại ngày 31/12/2010	215.920.966.309	22.073.831.407	116.080.200.627	258.611.798.071	1.006.466.307	613.693.262.722
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 31/12/2009	389.667.997.793	19.217.938.695	82.883.743.618	78.035.652.933	63.788.914	569.869.121.953
Tại ngày 31/12/2010	638.289.416.572	20.825.353.475	142.799.828.782	86.400.602.803	52.897.244	888.368.098.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Tại ngày 31/12/2009	619.162.684.653	86.050.244.082	1.892.101.756	707.105.030.491
Tăng trong kỳ	2.551.361.733	83.627.611.783	-	86.178.973.516
Thanh lý trong kỳ	(293.441.118)	-	-	(293.441.118)
Tại ngày 31/12/2010	621.420.605.268	169.677.855.865	1.892.101.756	792.990.562.889
Khấu hao lũy kế:				
Tại ngày 31/12/2009	7.105.055.229	48.856.611.950	1.013.362.694	56.975.029.873
Khấu hao trong kỳ	5.336.369.799	20.749.827.766	503.345.356	26.589.542.921
Thanh lý trong kỳ	(246.883.623)	-	-	(246.883.623)
Tại ngày 31/12/2010	12.194.541.405	69.606.439.716	1.516.708.050	83.317.689.171
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 31/12/2009	612.057.629.424	37.193.632.132	878.739.062	650.130.000.618
Tại ngày 31/12/2010	609.226.063.863	100.071.416.149	375.393.706	709.672.873.718

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tài sản cố định mua sắm	97.139.041.830	52.547.596.674
Xây dựng cơ bản dở dang	242.422.455.753	429.277.918.123
Sửa chữa lớn tài sản cố định	72.680.520	854.723.032
	339.634.178.103	482.680.237.829

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Công trình xây dựng dở dang tại Bảo hiểm Bảo Việt	12.879.128.752	21.899.868.122
Công trình xây dựng dở dang tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt	6.352.444.033	2.482.812.425
Công trình xây dựng dở dang tại Bảo Việt Nhân thọ	174.930.810.801	157.251.622.198
Công trình xây dựng dở dang của Trụ sở chính Tập đoàn	30.734.441.927	240.936.057.481
Phần mềm đang phát triển tại Trụ sở chính Tập đoàn	17.455.030.240	6.707.557.897
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	70.600.000	-
	242.422.455.753	429.277.918.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đa, Cửa Cường, Mã Vàng thuộc thôn Gia Tân - Xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc. Các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán các dự án này tại ngày lập báo cáo.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1 Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	13.1.1	6.889.370.528.889	6.652.102.000.000
Trái phiếu	13.1.2	860.005.838.111	478.650.208.005
Cổ phiếu niêm yết	13.1.3	1.885.055.919.490	1.808.610.603.564
Đầu tư ngắn hạn khác		251.461.789.100	-
		9.885.894.075.590	8.939.362.811.569
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(853.702.451.855)	(363.299.115.494)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		9.032.191.623.735	8.576.063.696.075

13.1.1 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6.889.370.528.889	6.598.279.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	-	53.823.000.000
	6.889.370.528.889	6.652.102.000.000

Các hợp đồng tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng một năm và có lãi suất dao động từ 8,2%/năm đến 17,8%/năm đối với đồng Việt Nam và 1%/năm đối với đồng đô la Mỹ.

13.1.2 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%)	Giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	VNĐ	1-5 năm	8% - 15%	650.022.000.000
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	5-7 năm	7,15% - 16%	209.983.838.111
				860.005.838.111

Các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu của Tập đoàn là các khoản trái phiếu có thời hạn còn lại không nhiều hơn một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.1.3 Cổ phiếu niêm yết

Bên cạnh các khoản đầu tư ngắn hạn vào tiền gửi và trái phiếu, Tập đoàn hiện đang nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua việc giao dịch trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn không nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường quốc tế.

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13.2.1	338.561.803.678	313.559.572.889
Đầu tư dài hạn khác			
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	13.2.2	1.683.500.000.000	789.000.000.000
Trái phiếu	13.2.3	14.450.546.217.240	12.218.952.105.078
Cho vay và cho vay ủy thác	13.2.4	41.385.137.366	42.662.403.128
Tạm ứng từ giá trị giải ước	13.2.5	862.658.975.058	903.945.810.246
Đầu tư khác	13.2.6	1.364.499.208.767	1.558.041.694.392
		18.402.589.538.431	15.512.602.012.844
Tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		18.741.151.342.109	15.826.161.585.733
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(197.396.840.633)	(195.997.534.321)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		18.543.754.501.476	15.630.164.051.412

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	13.2.1.a	16.500.000.000	7.400.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA ("VIGEBEA")	13.2.1.b	54.000.000.000	54.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Long Việt và dự án Quang Minh	13.2.1.c	34.812.144.191	19.797.937.689
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	13.2.1.d	212.554.391.751	186.892.261.619
Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC	13.2.1.e	20.695.267.736	45.469.373.581
		338.561.803.678	313.559.572.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và hoạt động đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn góp cam kết VNĐ	%	Vốn đã góp VNĐ	Vốn còn phải góp theo cam kết
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	60.000.000.000	21.000.000.000	35%	16.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA	180.000.000.000	54.000.000.000	30%	54.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45%	29.269.440.000	
Liên doanh					
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (quyền kiểm soát 50%)	300.000.000.000	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	-
Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC	40.000.000.000	20.000.000.000	50%	20.000.000.000	-
				272.769.440.000	

13.2.1.a Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số đầu kỳ	7.400.000.000	7.400.000.000
Tăng vốn trong năm	9.100.000.000	-
Số cuối kỳ	16.500.000.000	7.400.000.000

13.2.1.b Công ty CP Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số đầu kỳ	54.000.000.000	39.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	15.000.000.000
Cổ tức được chia	(9.426.417.396)	-
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	9.426.417.396	-
Số cuối kỳ	54.000.000.000	54.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2.1.c Đầu tư vào Công ty TNHH và Xây dựng Long Việt ("Long Việt") và dự án Quang Minh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số đầu kỳ	19.797.937.689	21.405.085.041
Giảm vốn góp dự án Quang Minh	(14.000.000.000)	-
Tăng vốn trong kỳ	24.807.000.000	-
Cổ tức được chia	-	(3.637.321.762)
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	4.207.206.502	2.030.174.410
Số cuối kỳ	34.812.144.191	19.797.937.689

13.2.1.d Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số đầu kỳ	186.892.261.619	186.640.010.026
Cổ tức được chia	(9.911.913.955)	(13.935.661.901)
Quý chênh lệch tỷ giá do hạch toán theo Thông tư 201	-	3.629.917.600
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do Tập đoàn áp dụng VAS 10 trong năm 2010	(3.629.917.600)	-
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	39.203.961.687	10.557.995.894
Số cuối kỳ	212.554.391.751	186.892.261.619

13.2.1.e Đầu tư vào Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số đầu kỳ	45.469.373.581	-
(Thoái vốn)/tăng vốn trong năm	(25.000.000.000)	45.000.000.000
Cổ tức được chia	(645.661.041)	-
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn	871.555.196	469.373.581
Số cuối kỳ	20.695.267.736	45.469.373.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	1.683.500.000.000	789.000.000.000
	1.683.500.000.000	789.000.000.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 15 năm với mức lãi suất từ 8,8%/năm đến 16%/năm.

13.2.3 Trái phiếu

Trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (% năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	VNĐ	2-20 năm	7,2%-16%	4.159.352.934.482
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	2-15 năm	7,7%-12,1%	10.291.193.282.758
				14.450.546.217.240

13.2.4 Cho vay và cho vay ủy thác

Chi tiết các khoản cho vay trong danh mục đầu tư của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Cho vay

Tên doanh nghiệp	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (% năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Công ty TNHH Dòng sông xanh	2 năm	9,6%	2.106.027.200
			2.106.027.200

Cho vay ủy thác

	Loại tiền tệ	Ngân hàng được ủy thác	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (% năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 quy VNĐ
CT TNHH Đền hình Orien - Hanel	USD	BIDV Bắc Thăng Long	6 năm	7,4%	39.279.110.166
					39.279.110.166
Tổng cộng cho vay và cho vay ủy thác					41.385.137.366

Các khoản cho vay trên đã quá hạn và đối tượng vay không có khả năng trả nợ. Do đó, Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho các khoản vay trên.

13.2.5 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

13.2.6 Đầu tư khác

Các khoản mục đầu tư này bao gồm đầu tư góp vốn mua cổ phần của các công ty khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó. Vì vậy các khoản đầu tư này không phải là các khoản đầu tư dưới dạng cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc hoạt động liên kết.

Chi tiết các khoản đầu tư này theo nguồn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt	962.254.966.767	638.504.280.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	60.500.000.000	103.460.559.767
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	88.747.960.000	226.072.777.000
Công ty Chứng khoán Bảo Việt	92.911.383.000	400.058.558.625
Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	105.346.105.000	125.466.565.000
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	14.770.461.000	24.510.621.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	39.968.333.000	39.968.333.000
	1.364.499.208.767	1.558.041.694.392

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số dư đầu năm	18.120.011.138	18.692.585.177
Tăng trong kỳ	91.609.710.537	18.546.776.391
Đã kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(57.198.256.903)	(19.119.350.430)
Số dư cuối kỳ	52.531.464.772	18.120.011.138

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay từ Ngân hàng Nhà nước bao gồm các khoản cho vay tái cấp vốn của NHNN qua hình thức chiết khấu các giấy tờ có giá nhằm đảm bảo tính thanh khoản của Ngân hàng. Các khoản vay này bằng VNĐ, có thời hạn 7 ngày và lãi suất 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

16.1 Phải trả thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	101.637.171.829	78.294.863.262
Phải trả bồi thường bảo hiểm nhân thọ	41.928.770.562	30.909.622.212
Phải trả hoa hồng bảo hiểm nhân thọ	56.791.508.044	45.118.047.019
Phải trả hoàn phí bảo hiểm nhân thọ	105.682.201	1.205.393.917
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	2.811.211.022	1.061.800.114
Bảo hiểm phi nhân thọ	561.633.862.961	527.528.538.481
Phải trả hoa hồng	40.544.856.355	36.265.822.959
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	45.942.008.701	51.424.540.911
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	42.537.943.062	44.132.188.818
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	432.609.054.843	395.705.985.793
	663.271.034.790	605.823.401.743
Phải trả hoạt động tài chính		
Lãi trái phiếu trả trước	45.470.109.657	48.737.767.142
Lãi tiền gửi trả trước	39.504.785.202	13.622.315.414
Chi lãi tiền gửi khách hàng	71.080.071.486	22.107.099.657
Phải trả khác hoạt động tài chính	51.209.531.821	34.430.572.452
	207.264.498.166	118.897.754.665
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	58.620.367.443	29.436.471.962
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	4.193.069.302	7.364.535.134
Phải trả các hợp đồng repo trái phiếu	2.165.153.642.558	174.367.077.046
Phải trả khác	1.713.697.400	24.726.679.614
	2.229.680.776.703	235.894.763.756
	3.100.216.309.659	960.615.920.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.2 Người mua trả tiền trước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	4.648.902.058	3.973.208.500
Phí bảo hiểm trả trước	30.656.565.920	39.252.813.457
	35.305.467.978	43.226.021.957

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Tăng trong kỳ	Nộp ngân sách trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.042.750.720	295.947.115.802	287.403.399.457	26.586.467.065
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.170.087.183	272.482.308.411	318.521.037.200	47.131.358.394
Thuế thu nhập cá nhân	3.939.485.398	71.590.043.372	67.056.801.811	8.472.726.959
Tiền thuế đất	9.817.641	2.263.656.733	2.207.299.048	66.175.326
Các loại thuế khác	13.679.455.963	29.487.645.126	37.560.114.139	5.606.986.950
	128.841.596.905	671.770.769.444	712.748.651.655	87.863.714.694

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2010, ngoại trừ trường hợp của BVF và Bảo Việt - Âu Lạc, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10%. Trong mười (10) năm đầu kể từ ngày thành lập, BVF chịu mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Theo đó, từ năm 2008 đến năm 2010, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 10%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	272.482.308.411	227.108.847.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.122.672.833	(266.449.817)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	274.604.981.244	226.842.397.703

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.254.901.112.464	1.242.898.959.040
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	31.906.643.605	16.764.412.148
<i>Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế</i>	<i>31.906.643.605</i>	<i>16.764.412.148</i>
Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	(249.761.504.870)	(142.942.648.620)
<i>Cổ tức không chịu thuế</i>	<i>(133.558.710.320)</i>	<i>(115.183.397.972)</i>
<i>Lãi trái phiếu Chính phủ không chịu thuế</i>	<i>(43.637.255.776)</i>	<i>(9.853.616.104)</i>
<i>Thu nhập do chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(34.922.724.364)</i>	<i>(17.905.634.544)</i>
<i>Các khoản giảm trừ khác</i>	<i>(37.642.814.410)</i>	<i>-</i>
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(112.629.466.034)	253.626.218.571
Các khoản lỗ không chịu thuế	154.463.863.895	-
Chuyển lỗ từ năm trước	-	(378.221.351.467)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	(176.020.463.404)	(250.773.369.368)
Dự phòng đảm bảo cân đối	(5.995.431.804)	(4.556.421.030)
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.072.885.217.256	987.569.168.642
Trong đó:		
<i>Thuế suất 25%</i>	<i>1.051.842.920.820</i>	<i>869.652.559.502</i>
<i>Thuế suất ưu đãi 17,5%</i>	<i>-</i>	<i>79.364.908.893</i>
<i>Thuế suất 10%</i>	<i>21.042.296.436</i>	<i>-</i>
<i>Thuế suất ưu đãi 7%</i>	<i>-</i>	<i>38.551.700.247</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ước tính	265.064.959.851	234.000.617.951
Giảm thuế theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	-	(7.177.654.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả theo biên bản của cơ quan thuế	7.579.376.993	-
Điều chỉnh thuế	(162.028.433)	285.883.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính trong kỳ	272.482.308.411	227.108.847.520
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	93.170.087.183	58.758.433.893
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(318.521.037.200)	(192.697.194.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải trả cuối kỳ	47.131.358.394	93.170.087.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn trong năm nay và năm trước được trình bày dưới đây:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.668.907.308	10.654.317.835	2.014.589.473	3.797.053.009
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(8.613.670.942)	(4.476.408.636)	(4.137.262.306)	(3.530.603.192)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(2.122.672.833)	266.449.817

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	38.459.281	22.729.580
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	5.268.842.172	5.733.287.034
Tiền ứng trước mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu (*)	646.867.673.855	-
Phải trả lãi, cổ tức, vốn gốc	10.613.306.875	-
Doanh thu chưa thực hiện	18.974.714.214	8.085.122.877
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	12.501.781.144	-
Phải trả Bộ Tài chính (**)	32.926.520.739	449.895.267.217
Phải trả cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực	74.408.814.579	106.072.353.436
Phải trả khác (***)	304.654.926.462	174.848.501.991
	1.106.255.039.321	744.657.262.135

(*) Đây là khoản thu từ việc các cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu để tăng vốn cho Tập đoàn trong tháng 01 năm 2011.

(**) Đây là khoản cổ tức năm 2008 và lãi phát sinh của Bộ Tài chính để lại để góp vốn vào Tập đoàn. Trong năm 2010, khoản tiền 458.517.600.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản ngân hàng để chuẩn bị cho việc góp vốn trong tháng 01 năm 2011.

(***) Phải trả khác bao gồm khoản tiền 106.761.864.000 đồng đã thu từ khách hàng để mua cổ phiếu phát hành thêm trong khuôn khổ hợp đồng môi giới chứng khoán ký giữa BVSC và khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	49.856.498.121	36.500.034.959
Tăng trong kỳ	68.159.512.505	35.048.205.891
Sử dụng trong kỳ	(48.902.629.147)	(21.691.742.729)
Số dư cuối kỳ	69.113.381.479	49.856.498.121

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác	3.019.960.785.943	1.709.021.432.606
Tiền gửi của khách hàng	4.577.878.623.080	2.077.940.434.258
	7.597.839.409.023	3.786.961.866.864

20.1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	2.754.912.785.943	1.655.198.432.606
Bằng vàng và ngoại tệ	265.048.000.000	53.823.000.000
	3.019.960.785.943	1.709.021.432.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20.2 Tiền gửi của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	452.914.877.809	365.294.918.913
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	444.262.169.207	362.572.397.652
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	3.422.568	232.324
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.591.260.022	2.482.959.406
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	58.026.012	239.329.531
Tiền gửi có kỳ hạn	4.104.108.685.744	1.675.619.756.327
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2.623.855.520.334	1.265.467.327.953
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	826.429.877.181	235.524.744.555
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	17.376.853.389	48.874.345.273
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	636.446.434.840	125.753.338.546
Tiền gửi ký quỹ	20.855.059.527	37.025.759.018
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	13.649.052.864	9.604.677.526
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng và ngoại tệ	7.206.006.663	27.421.081.492
	4.577.878.623.080	2.077.940.434.258

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 Lãi suất % trên năm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 Lãi suất % trên năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	3,6%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	3,6%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5% - 0,6%	0,6%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5% - 0,6%	0,6%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	10% - 14%	7,5% - 10,49%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	10,49% - 14%	7,2% - 10,49%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,8% - 6,02%	2,8% - 3,3%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,57% - 6,05%	4,3%
Chứng chỉ tiền gửi bằng VNĐ	10,49% - 14%	7,2% - 10,15%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng phí chưa được hưởng VNĐ	Dự phòng toán học VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Dự phòng chia lãi VNĐ	Dự phòng đảm bảo cân đối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ							
Tại ngày 31/12/2009	845.499.257.711	13.149.693.155.870	7.640.970.100	-	789.360.245.400	16.737.624.949	14.808.931.254.030
Tăng/(giảm) dự phòng	6.282.742.289	798.042.718.390	(1.834.693.300)	-	117.599.952.203	5.995.431.804	926.086.151.386
Tại ngày 31/12/2010	851.782.000.000	13.947.735.874.260	5.806.276.800	-	906.960.197.603	22.733.056.753	15.735.017.405.416
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Tại ngày 31/12/2009	1.374.398.817.886	-	1.088.970.211.604	193.572.226.768	-	-	2.656.941.256.258
Tăng/(giảm) dự phòng	220.982.830.862	-	126.580.809.497	113.439.977.163	-	-	461.003.617.522
Tại ngày 31/12/2010	1.595.381.648.748	-	1.215.551.021.101	307.012.203.931	-	-	3.117.944.873.780
Tổng cộng tại ngày 31/12/2009	2.219.898.075.597	13.149.693.155.870	1.096.611.181.704	193.572.226.768	789.360.245.400	16.737.624.949	17.465.872.510.288
Tổng cộng tại ngày 31/12/2010	2.447.163.648.748	13.947.735.874.260	1.221.357.297.901	307.012.203.931	906.960.197.603	22.733.056.753	18.852.962.279.196

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ chênh lệch tỷ giá (**) VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác (**) VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2009	5.730.266.050.000	1.734.745.821.197	18.387.227.948	43.521.050.471	10.222.384.015	11.699.111.508	103.568.802.818	886.495.196.261	8.538.905.644.218
Tăng vốn trong kỳ	536.824.740.000	1.342.061.850.000	-	-	-	-	-	-	1.878.886.590.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	952.597.195.373	952.597.195.373
Trích lập các quỹ dự trữ cho năm 2009	-	-	-	35.724.682.684	3.588.304.858	6.617.844.757	-	(45.930.832.299)	-
Chia cổ tức cho năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	(630.329.265.500)	(630.329.265.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	(67.199.512.505)	(67.199.512.505)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(2.772.317.981)	(2.772.317.981)
Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái vào doanh thu trong kỳ	-	-	(2.311.619.948)	-	-	-	-	-	(2.311.619.948)
Tại ngày 31/12/2010	6.267.090.790.000	3.076.807.671.197	16.075.608.000	79.245.733.155	13.810.688.873	18.316.956.265	103.568.802.818	1.092.860.463.349	10.667.776.713.657

(*) Số dư 16.075.608.000 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine từ USD sang VNĐ từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Số dư này không bao gồm phần quỹ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc áp dụng Thông tư 201 trong năm 2009, do phần chênh lệch này đã được điều chỉnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010 khi Tập đoàn áp dụng CMKTVN số 10 về xử lý chênh lệch tỷ giá.

(**) Đây là phần lợi ích của còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Lợi ích cổ đông thiểu số VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.348.825.735.269
Lợi nhuận tăng trong năm	21.703.504.043
Chia cổ tức cho năm 2009	(21.600.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2009	(960.000.000)
Chi trả thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	(363.049.925)
Mua cổ phiếu quỹ	(76.500.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.347.529.689.387

24. DOANH THU

24.1 Thu phí bảo hiểm gốc

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	3.387.950.268.309	3.427.486.254.644
Bảo hiểm liên kết đầu tư	507.352.226.058	142.598.222.121
Bảo hiểm tử kỳ	2.364.709.869	2.350.738.591
Bảo hiểm trọn đời	9.240.606.719	10.436.638.371
Niên kim nhân thọ	35.607.154.756	44.628.470.307
Điều khoản riêng	100.921.532.389	81.977.216.471
Bảo hiểm liên kết ngân hàng	2.408.767.617	929.248.718
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	4.045.845.265.717	3.710.406.789.223
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	310.121.673.435	268.817.818.616
Bảo hiểm Tàu thủy	526.994.515.342	493.828.426.844
Bảo hiểm Dầu khí	43.003.905	1.280.716.534
Bảo hiểm Hàng không	197.709.637.806	209.152.701.150
Bảo hiểm Kỹ thuật	391.534.726.447	292.439.471.825
Bảo hiểm Hòa hoãn và các Rủi ro đặc biệt	333.230.309.272	289.678.053.640
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	81.200.645.832	77.382.803.115
Bảo hiểm Nông nghiệp	1.838.316.517	1.691.144.952
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.272.336.429.565	1.141.252.840.591
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	1.083.140.922.671	907.436.938.316
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	4.198.150.180.792	3.682.960.915.583
Tổng doanh thu bảo hiểm	8.243.995.446.509	7.393.367.704.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24.2 Thu phí nhận tái bảo hiểm

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	12.283.819.020	11.516.394.816
Bảo hiểm Tàu thủy	41.207.200.435	38.733.182.917
Bảo hiểm Dầu khí	8.467.641.186	8.714.791.012
Bảo hiểm Hàng không	8.848.088.784	3.500.005.364
Bảo hiểm Kỹ thuật	44.833.749.971	42.955.324.747
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	70.983.152.160	46.246.484.130
	186.623.651.556	151.666.182.986

24.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	1.083.576.007.876	979.534.348.986
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	45.600.557.199	76.721.126.322
Bảo hiểm Tàu thủy	286.400.031.710	233.587.174.870
Bảo hiểm Dầu khí	1.077.373.187	(1.409.820.503)
Bảo hiểm Hàng không	181.396.605.802	190.016.987.506
Bảo hiểm Kỹ thuật	226.464.250.181	176.784.037.350
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	296.816.794.625	278.087.207.798
Bảo hiểm con người	45.820.395.172	25.747.635.643
Giảm phí	2.065.444.546	1.915.407.401
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	2.065.444.546	1.915.407.401
Hoàn phí	66.392.945.741	55.398.229.019
Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	8.402.770.465	6.005.633.096
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	57.990.175.276	49.392.595.923
Tổng cộng các khoản giảm trừ	1.152.034.398.163	1.036.847.985.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

25.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	2.020.411.495.836	1.895.897.507.201
Chi giá trị giải ước	826.993.601.131	474.487.748.506
Chi bồi thường	31.882.227.401	54.473.671.703
	2.879.287.324.368	2.424.858.927.410
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	107.378.918.707	133.927.217.887
Bảo hiểm Tàu thủy	206.806.356.882	242.342.170.242
Bảo hiểm Dầu khí	8.931.661.968	242.795.847
Bảo hiểm Hàng không	59.823.323.111	113.083.558
Bảo hiểm Kỹ thuật	95.969.490.634	54.783.755.715
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	118.940.856.929	159.315.273.022
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	2.041.459.452	1.956.066.928
Bảo hiểm Nông nghiệp	-	285.074.800
Bảo hiểm Xe cơ giới	675.134.056.935	603.796.494.981
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	480.400.635.197	428.940.001.864
	1.755.426.759.815	1.625.701.934.844
	4.634.714.084.183	4.050.560.862.254

25.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	2.070.264.209	6.298.835.423
Bảo hiểm Tàu thủy	12.023.826.740	15.328.421.879
Bảo hiểm Dầu khí	1.557.868.354	7.428.276.775
Bảo hiểm Hàng không	707.650.153	1.648.424.215
Bảo hiểm Kỹ thuật	6.958.028.162	5.536.872.520
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	28.429.689.434	10.005.847.958
	51.747.327.052	46.246.678.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	19.274.421.947	37.429.513.061
Bảo hiểm Tàu thủy	79.633.378.294	114.047.743.691
Bảo hiểm Dầu khí	11.347.465.053	6.120.499.548
Bảo hiểm Hàng không	55.593.521.765	764.236.373
Bảo hiểm Kỹ thuật	83.917.052.395	40.836.724.293
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	100.131.198.536	166.998.065.620
Bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	22.325.558.609	-
	372.222.596.599	366.196.782.586

26. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	237.105.833.881	206.083.468.641
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	459.976.442.570	94.225.028.212
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	194.560.997.283	48.332.027.190
Thu khác từ hoạt động tín dụng	7.156.614.750	13.364.930
	898.799.888.484	348.653.888.973
Thu nhập hoạt động ngân hàng khác		
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ Ngân hàng	15.833.714.048	2.789.620.472
Lãi hoạt động kinh doanh ngoại hối	27.703.529.777	4.036.202.954
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	14.885.926.064	-
	58.423.169.889	6.825.823.426
Tổng thu nhập từ hoạt động ngân hàng	957.223.058.373	355.479.712.399
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	386.713.119.676	108.394.933.939
Trả lãi tiền vay	94.347.313.673	3.676.414.055
Chi phí hoạt động tín dụng khác	6.216.577.167	107.220.485
	487.277.010.516	112.178.568.479
Chi phí ngân hàng khác		
Chi về hoạt động dịch vụ Ngân hàng	5.564.749.733	1.321.937.625
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	15.589.850.139	3.921.252.976
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30.159.694.493	8.797.229.101
	51.314.294.365	14.040.419.702
Tổng chi phí hoạt động ngân hàng	538.591.304.881	126.218.988.181
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	418.631.753.492	229.260.724.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	60.270.507.596	91.806.996.273
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	6.490.795.709	2.305.985.042
Dịch vụ tư vấn đầu tư	6.300.671.770	6.677.103.761
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	2.064.448.252	2.533.336.169
Quản lý danh mục đầu tư	162.222.222	3.709.429.446
Dịch vụ đào tạo	17.486.448.587	17.788.076.627
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	66.856.747.569	15.907.582.199
Các dịch vụ khác	38.665.236.921	3.437.821.775
	198.297.078.626	144.166.331.292
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí dịch vụ môi giới chứng khoán	25.831.402.828	26.733.548.719
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	1.998.121.544	99.434.682
Dịch vụ tư vấn đầu tư	5.024.520.498	5.643.012.432
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	8.125.310.878	4.866.974.216
Quản lý bất động sản	9.190.954.318	2.047.858.373
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	78.136.774.389	15.126.970.277
Các dịch vụ khác	28.070.511.736	5.048.967.724
	156.377.596.191	59.566.766.423
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	41.919.482.435	84.599.564.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	568.299.751.178	452.971.660.097
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.459.804.250	68.231.108.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.437.181.254	67.261.604.448
Thuế và chi phí lệ phí	12.124.236.677	1.528.189.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.250.791.704	299.281.711.491
Chi phí dự phòng	21.625.743.138	19.344.876.192
Chi phí khác	351.171.957.085	278.862.436.861
	1.328.369.465.286	1.187.481.587.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		
Chi phí nhân công	62.209.575.963	32.968.069.187
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.656.293.280	924.431.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.431.718.993	8.536.910.164
Thuế và chi phí lệ phí	2.057.071.774	13.865.930.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.870.252.454	7.162.925.528
Chi phí khác	10.770.180.371	4.049.561.412
	136.995.092.835	67.507.827.941
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	98.682.356.086	90.151.037.799
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.070.666.532	8.294.082.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.166.622.296	30.727.698.249
Thuế và chi phí lệ phí	1.914.388.743	200.492.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.338.229.727	40.797.439.737
Chi phí dự phòng	11.121.428.699	-
Chi phí khác	29.399.169.191	24.355.845.269
	258.692.861.274	194.526.595.693
	1.724.057.419.395	1.449.516.010.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

29.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi	1.185.626.488.564	798.608.237.220
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.292.247.734.837	1.009.383.409.804
Lãi cho vay	138.779.643.025	134.587.760.205
Cổ tức được chia	172.649.771.720	115.183.397.972
Lãi chênh lệch tỷ giá	85.159.812.378	37.962.027.832
Lãi đầu tư chứng khoán	202.266.719.820	296.360.210.695
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.200.325.239	1.390.548.344
	3.078.930.495.583	2.393.475.592.072

29.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Dự phòng chia lãi	117.599.952.203	258.514.225.821
Chênh lệch tỉ giá	81.604.113.636	47.113.399.541
Chi phí lãi vay	188.219.664.922	-
Trả lãi cho chủ hợp đồng	165.930.761.116	81.675.392.628
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	356.479.792.648	90.993.378.238
Các chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	491.802.642.676	(636.133.369.371)
Các chi phí khác	66.777.853.343	489.714.299.789
	1.468.414.780.544	331.877.326.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.255.104.284	8.191.844.310
Thu nợ khó đòi	77.364.151	-
Thu từ thanh lý tài sản tại Công ty BAVINA	12.193.416.456	-
Thu nhập khác	10.025.096.824	5.083.381.027
	23.550.981.715	13.275.225.337
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	60.116.749	102.046.181
Chi phí khác	1.715.494.316	6.467.935.307
	1.775.611.065	6.569.981.488
Thu nhập thuần khác	21.775.370.650	6.705.243.849

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư / nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Chủ sở hữu
HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Chủ sở hữu
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	Liên doanh
Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC	Liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Bao Viet Resort)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB A (VIGEB A)	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
Bộ Tài chính	Trả cổ tức năm 2009 cho Bộ Tài chính	488.730.000.000
HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited	Nhận tiền góp vốn do phát hành riêng lẻ	1.878.886.590.000
	Chi trả cổ tức	59.050.721.400
	Tiền nhận được do HSBC chuyển để tăng vốn điều lệ	116.417.472.000
SCIC	Trả cổ tức năm 2009 cho SCIC	22.440.000.000
	Tiền nhận được do SCIC chuyển để tăng vốn điều lệ	21.052.800.000
VIGEB A	Tạm ứng cổ tức	27.000.000.000
Bao Viet Resort	Tặng vốn góp	9.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Tặng vốn góp vào Công ty Long Việt	24.807.000.000

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.449.600.000	1.464.320.998
	1.449.600.000	1.464.320.998

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	952.597.195.373	891.754.255.672
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	623.914.649	573.026.605
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.527	1.556

Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người hỗ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

Dịch vụ ngân hàng bao gồm nhận các khoản tiền gửi của cá nhân, công ty và các tổ chức tín dụng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho vay khách hàng, dịch vụ thấu chi, các dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng và chuyển khoản thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội và tòa nhà 71 phố Ngô Sĩ Liên, Đống Đa, Hà Nội và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Nhân thọ ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá chuyển nhượng giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của tập đoàn nằm chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010:

Đơn vị: Triệu đồng

Cho giai đoạn năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	4.045.845	4.198.150	-	-	-	-	8.243.995
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	186.624	-	-	-	-	186.624
Các khoản giảm trừ	(8.403)	(1.143.632)	-	-	-	-	(1.152.035)
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	-	183.299	-	-	-	-	183.299
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	5.959	-	-	-	-	5.959
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.233.117	3.209.417	-	-	-	-	6.442.534
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.879.287)	(1.755.427)	-	-	-	-	(4.634.714)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(51.747)	-	-	-	-	(51.747)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	391.909	-	-	-	-	391.909
Chi bồi thường tử quỹ dự phòng dao động lớn	-	-	-	-	-	-	-
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	1.835	(72.200)	-	-	-	-	(70.365)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(113.440)	-	-	-	-	(113.440)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(380.273)	(608.659)	-	-	-	-	(988.932)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.257.725)	(2.209.564)	-	-	-	-	(5.467.289)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(24.608)	999.853	-	-	-	-	975.245
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	326.006	-	92.626	418.632
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	95.854	-	9.304	(63.239)	41.919
Chi phí bán hàng	(142.184)	-	-	-	(653)	-	(142.837)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(405.863)	(926.244)	(264.965)	(149.837)	(9.580)	32.432	(1.724.057)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.163.821	232.045	933.466	-	1.910	(720.726)	1.610.516
Lợi nhuận khác	6.967	5.321	11.581	523	36	(2.654)	21.774
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	1.411	-	-	-	-	52.298	53.709
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	599.544	310.975	775.936	176.692	1.017	(609.263)	1.254.901

² Đây là các điều chỉnh hợp nhất liên quan chủ yếu đến khoản lợi nhuận và cổ tức chuyển về từ công ty con và các công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009:

Đơn vị: Triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	3.710.407	3.682.961	-	-	-	-	7.393.368
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	151.666	-	-	-	-	151.666
Các khoản giảm trừ	(6.006)	(1.030.842)	-	-	-	-	(1.036.848)
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(1.241.075)	(226.378)	-	-	-	-	(1.467.453)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	146.828	-	-	-	-	146.828
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	5.864	-	-	-	-	5.864
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.463.326	2.730.099	-	-	-	-	5.193.425
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.424.859)	(1.625.702)	-	-	-	-	(4.050.561)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(46.247)	-	-	-	-	(46.247)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	386.713	-	-	-	-	386.713
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	-	-	-	-	-	-
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	(2.624)	(102.994)	-	-	-	-	(105.618)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(98.132)	-	-	-	-	(98.132)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(332.530)	(527.834)	-	-	-	-	(860.364)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.760.013)	(2.014.196)	-	-	-	-	(4.774.209)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(296.687)	715.903	-	-	-	-	419.216
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	156.484	-	72.776	229.260
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	3.540	-	145.660	-	20.410	(85.011)	84.599
Chi phí bán hàng	(122.023)	-	-	-	-	-	(122.023)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(419.814)	(748.323)	(190.899)	(80.030)	(20.417)	9.968	(1.449.515)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.289.576	245.912	1.357.548	-	5.174	(836.612)	2.061.598
Lợi nhuận khác	1.050	5.753	(152)	39	16	-	6.706
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	13.058	13.058
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	455.642	219.245	1.312.157	76.493	5.183	(825.821)	1.242.899

³ Đây là các điều chỉnh hợp nhất liên quan chủ yếu đến khoản lợi nhuận và cổ tức chuyển về từ công ty con và các công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

Đơn vị: Triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.981	86.399	1.271.228	3.499.094	8.673	806.332	5.844.707
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	927.107	-	-	-	-	927.107
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	32.361	-	-	-	-	-	32.361
Các khoản phải thu khác	973.726	565.950	1.418.379	543.553	60.365	(1.314.927)	2.247.046
Đầu tư tài chính	18.741.596	3.455.848	12.097.469	3.653.044	39.968	(10.411.978)	27.575.947
Tài sản cố định hữu hình	155.146	185.934	464.780	39.078	43.430	-	888.368
Tài sản cố định vô hình	210.517	398.806	44.088	41.621	14.640	-	709.672
Cho vay khách hàng	-	-	-	5.889.067	-	-	5.889.067
Các tài sản khác	307.587	100.615	74.627	52.414	94.263	24.156	653.662
Tổng tài sản	20.593.914	5.720.659	15.370.571	13.717.871	261.339	(10.896.417)	44.767.937
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	3.250.231	1.050.914	2.754.358	1.758.828	96.010	(2.689.338)	6.221.003
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	10.311.172	-	(2.713.333)	7.597.839
Nợ dài hạn	27.653	11.763	21.331	-	-	20.080	80.827
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	15.735.017	3.117.945	-	-	-	-	18.852.962
Tổng nợ phải trả	19.012.901	4.180.622	2.775.689	12.070.000	96.010	(5.382.591)	32.752.631
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.581.013	1.540.037	12.594.882	1.647.871	165.329	(6.861.356)	10.667.776
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	1.347.530	1.347.530
Tổng nguồn vốn	20.593.914	5.720.659	15.370.571	13.717.871	261.339	(10.896.417)	44.767.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

Đơn vị: Triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.451	104.458	379.849	1.891.961	33.737	(81.812)	2.532.644
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	947.582	-	-	-	-	947.582
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	21.099	303.371	-	-	-	-	324.470
Các khoản phải thu khác	765.550	171.600	1.064.688	128.946	16.523	(991.729)	1.155.578
Đầu tư tài chính	15.576.620	2.499.449	10.856.161	2.369.066	39.968	(7.111.588)	24.229.676
Tài sản cố định hữu hình	348.860	175.511	448.211	31.467	48.500	-	1.052.549
Tài sản cố định vô hình	202.727	393.983	15.394	23.386	14.640	-	650.130
Cho vay khách hàng	-	-	-	2.809.879	-	(185.122)	2.624.757
Các tài sản khác	30.774	40.349	18.776	15.050	88.474	3.808	197.231
Tổng tài sản	17.150.081	4.636.303	12.783.079	7.269.755	241.842	(8.366.443)	33.714.617
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	789.010	958.273	2.126.666	483.285	76.663	(1.933.085)	2.500.812
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	5.223.362	-	(1.436.400)	3.786.962
Nợ dài hạn	24.707	7.988	21.200	-	-	19.345	73.240
Quy dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	14.808.931	2.656.941	-	-	-	-	17.465.872
Tổng nợ phải trả	15.622.648	3.623.202	2.147.866	5.706.647	76.663	(3.350.140)	23.826.886
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.527.433	1.013.101	10.635.213	1.563.108	165.179	(6.365.219)	8.538.815
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	1.348.916	1.348.916
Tổng nguồn vốn	17.150.081	4.636.303	12.783.079	7.269.755	241.842	(8.366.443)	33.714.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Như đã trình bày ở Thuyết minh 4.1, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã chuyển từ việc áp dụng các hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 201/2009/TT-BTC sang áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (CMKTVN 10). Nếu Tập đoàn tiếp tục áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính 2010, tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn sẽ như sau:

	CMKTVN số 10 VNĐ	Thông tư 201 VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	5.566.044.904	(5.566.044.904)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.566.044.904	-	5.566.044.904
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	5.566.044.904	-	5.566.044.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.527	1.518	9

35. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng		
Dưới 1 năm	39.150.040.652	69.831.611.273
Từ 1 đến 5 năm	153.566.642.631	147.660.558.069
Trên 5 năm	56.782.451.578	11.035.983.931
	249.499.134.861	228.528.153.273

36. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ từ phía khách hàng nhưng Tập đoàn không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.452.215.000 đồng Việt Nam. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án. Do nhận định khả năng phải bồi thường là không chắc chắn, Tập đoàn hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu bồi thường này.

Thuế nhà thầu

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2005 đến 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm phi nhân thọ ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài trên cơ sở đây là thông lệ của ngành bảo hiểm, cũng như dựa trên tinh thần của các cuộc kiểm tra quyết toán thuế được thực hiện trong các năm trước. Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 về xử lý thuế nhà thầu đối với dịch vụ tái bảo hiểm ra nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

ngoài chính thức xác nhận các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải nộp các khoản thuế nhà thầu đối với các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các nhà tái không phải là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Trong giai đoạn 2005-2008, theo ước tính của Tập đoàn, số thuế nhà thầu phát sinh từ các khoản phí tái bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm không phải đối tượng cư trú của các nước, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam là 1.472 triệu đồng. Số thuế nhà thầu của các khoản phí tái bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam là 33.620 triệu đồng. Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục để kê khai, quyết toán các khoản thuế này.

Trong năm 2009 và 2010, Tập đoàn chỉ giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái thuộc các nước không có hiệp định chống đánh thuế hai lần với Việt Nam và các nhà tái chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan đến hiệp định chống đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước cư trú của các nhà tái đó. Tập đoàn không giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái đã gửi hồ sơ với tổng số tiền là 11.499.777.111 đồng Việt Nam.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

38. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã đề cập ở Thuyết minh số 4.1, việc phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 từ vốn chủ sở hữu được trình bày chi tiết như sau:

	31/12/2009 Số đã báo cáo VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	31/12/2009 Số trình bày lại VNĐ
<i>Phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi</i>			
Nợ ngắn hạn	2.450.954.959.306	49.856.498.121	2.500.811.457.427
Quỹ (trong vốn chủ sở hữu)	8.588.762.142.339	(49.856.498.121)	8.538.905.644.218
Ảnh hưởng đối với Tổng nguồn vốn		-	

Ngoài ra, việc trình bày lại số liệu đầu kỳ do thay đổi chính sách kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ, một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho phù hợp với cách thức trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thông tin Tài chính bổ sung
theo các chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thông tin tài chính bổ sung này được trích dẫn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con ("Tập đoàn") được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS") ban hành bởi Ủy ban các Chuẩn mực Kế toán Quốc tế. Tập đoàn không bắt buộc phải lập các báo cáo tài chính theo IFRS nhưng đây là một phần trong quá trình đổi mới nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao uy tín và sức cạnh tranh trong nước và quốc tế của Tập đoàn Bảo Việt.

Việc thuyết minh các thông tin tài chính bổ sung này là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện. Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng các thuyết minh này sẽ giúp cho người sử dụng Báo cáo thường niên hiểu rõ hơn về Tập đoàn trên cơ sở chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận rộng rãi.

Báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS dạng đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang web của chúng tôi tại địa chỉ www.baoviet.com.vn. Người sử dụng Báo cáo thường niên này có thể dẫn chiếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất dạng đầy đủ đã được kiểm toán để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của thông tin tài chính.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu phí bảo hiểm	8.362.160.707.778	7.487.720.251.372
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.083.576.007.876)	(979.534.348.986)
Thu ròng về phí bảo hiểm	7.278.584.699.902	6.508.185.902.386
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(220.982.830.862)	(215.504.405.765)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	7.057.601.869.040	6.292.681.496.621
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	183.298.558.113	146.828.204.959
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	5.958.591.545	5.863.915.547
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	7.246.859.018.698	6.445.373.617.127
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	403.745.827.428	229.260.724.218
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	2.136.964.480.980	2.524.029.143.776
Thu nhập hoạt động khác	221.848.060.341	164.619.210.737
Tổng doanh thu khác	2.762.558.368.749	2.917.909.078.731
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	10.009.417.387.447	9.363.282.695.858
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(4.898.558.394.006)	(4.370.233.793.548)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(51.747.327.052)	(46.246.678.770)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	372.222.596.603	366.196.782.586
Thay đổi góp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(1.165.179.176.829)	(1.412.603.234.671)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	221.988.660.835	21.340.944.724
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	(5.521.273.640.449)	(5.441.545.979.679)
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(924.160.351.685)	(812.295.263.119)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(40.479.795.339)	(35.541.606.643)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(24.291.615.218)	(12.526.877.265)
Chi phí bán hàng	(142.837.253.724)	(122.023.207.897)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.815.221.814.718)	(1.508.025.648.804)
Chi phí tài chính	(266.230.168.791)	(89.309.579.912)
Chi phí hoạt động khác	(159.466.623.297)	(62.080.670.739)
Tổng hoa hồng và chi phí	(3.372.687.622.772)	(2.641.802.854.379)
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	(8.893.961.263.221)	(8.083.348.834.058)
Lợi nhuận trước phần lợi nhuận ở công ty liên kết liên doanh	1.115.456.124.226	1.279.933.861.800
Phần lợi nhuận ở công ty liên kết liên doanh	53.709.140.782	13.057.543.886
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.169.165.265.008	1.292.991.405.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(227.581.071.801)	(235.025.704.943)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	941.584.193.207	1.057.965.700.743

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	919.459.250.402	953.906.618.399
Lợi ích cổ đông thiểu số	22.124.942.805	104.059.082.344
	941.584.193.207	1.057.965.700.743

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	941.584.193.207	1.057.965.700.743
Thu nhập tổng hợp khác trong năm		
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán:		
Thay đổi ròng của quỹ dự phòng giá trị hợp lý	(861.692.667.688)	293.635.150.900
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	208.955.335.843	(60.064.657.819)
Thu nhập tổng hợp khác đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	(652.737.331.845)	233.570.493.081
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	288.846.861.362	1.291.536.193.824
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	280.338.142.997	1.165.450.111.352
Lợi ích cổ đông thiểu số	8.508.718.365	126.086.082.472

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	979.030.747.437	873.384.210.750
Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
Tài sản cố định vô hình	576.759.679.199	477.971.962.067
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	338.561.803.678	313.559.572.889
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
Sẵn sàng để bán	10.519.261.133.615	8.836.925.601.627
Cho vay và phải thu	13.405.885.995.299	11.873.808.593.954
Đầu tư cổ phiếu		
Sẵn sàng để bán	2.091.984.300.963	2.735.560.526.347
Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ	815.858.725.100	765.373.585.900
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	5.930.242.259.658	2.651.619.373.077
Các khoản cho vay và cho vay ủy thác	-	1.030.002.323
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.106.402.220.654	1.115.336.143.651
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	278.252.333.116	174.133.911.091
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	394.053.603.348	259.370.910.528
Phải thu tái bảo hiểm	1.737.555.070.923	1.530.374.005.223
Các khoản trả trước và tài sản khác	1.049.074.183.733	593.395.822.082
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.877.952.763.741	2.544.295.519.291
TỔNG TÀI SẢN	45.124.323.767.464	34.769.588.687.800
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	6.267.090.790.000	5.730.266.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.076.807.671.197	1.734.745.821.197
Lợi nhuận chưa phân phối	688.471.240.981	515.243.918.864
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	(22.868.249.209)	616.252.858.196
Quỹ chênh lệch tỷ giá	16.075.608.000	18.387.227.948
Quỹ đầu tư phát triển	13.810.688.873	10.222.384.015
Quỹ dự phòng tài chính	18.316.956.265	11.699.111.508
Quỹ dự trữ bắt buộc	79.245.733.155	43.521.050.471
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	10.240.519.242.080	8.783.907.225.017
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.355.361.118.553	1.369.851.950.129
TỔNG VỐN	11.595.880.360.633	10.153.759.175.146
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	19.722.345.843.077	18.157.177.388.009
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	28.797.689.798	44.318.154.563
Các khoản phải trả khách hàng	4.619.623.951.636	2.097.098.977.495
Các khoản phải trả các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	4.642.530.862.246	2.132.918.721.689
Người mua trả tiền trước	35.305.467.978	43.226.021.957
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	87.863.714.694	128.841.596.905
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14.774.169.054	164.512.319.485
Phải trả hoạt động bảo hiểm	663.271.034.790	605.823.401.743
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	3.713.930.673.558	1.241.912.930.808
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	33.528.443.406.831	24.615.829.512.654
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	45.124.323.767.464	34.769.588.687.800

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quý đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quý chênh lệch tỷ giá VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Quý dự trữ bắt buộc VND	Quý khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	5.730.266.050.000	1.736.438.449.955	175.924.227.439	404.709.365.243	16.075.608.000	8.609.458.421	8.609.458.421	17.067.266.899	103.568.802.818	8.201.268.687.196
Lợi nhuận sau thuế	-	-	953.906.618.399	-	-	-	-	-	-	953.906.618.399
Trích lập các quỹ	-	-	(31.156.362.253)	-	-	1.612.925.594	3.089.653.087	26.453.783.572	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(581.239.974.257)	-	-	-	-	-	-	(581.239.974.257)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.655.222.225)	-	-	-	-	-	-	(1.655.222.225)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(90.775.901)	-	-	-	-	-	-	(90.775.901)
Thay đổi giá trị các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	211.543.492.953	-	-	-	-	-	211.543.492.953
Tặng/(giảm) khác	-	(1.692.628.758)	(444.592.338)	-	2.311.619.948	-	-	-	-	174.398.852
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 1 tháng 1 năm 2010	5.730.266.050.000	1.734.745.821.197	515.243.918.864	616.252.858.196	18.387.227.948	10.222.384.015	11.699.111.508	43.521.050.471	103.568.802.818	8.783.907.225.017
Tăng vốn chủ sở hữu	536.824.740.000	1.342.061.850.000	-	-	-	-	-	-	-	1.878.886.590.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	919.459.250.402	-	-	-	-	-	-	919.459.250.402
Trích lập các quỹ	-	-	(45.930.832.299)	-	-	3.588.304.858	6.617.844.757	35.724.682.684	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(630.329.265.500)	-	-	-	-	-	-	(630.329.265.500)
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(67.199.512.505)	-	-	-	-	-	-	(67.199.512.505)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.772.317.981)	-	-	-	-	-	-	(2.772.317.981)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	(639.121.107.405)	-	-	-	-	-	(639.121.107.405)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(2.311.619.948)	-	-	-	-	(2.311.619.948)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6.267.090.790.000	3.076.807.671.197	688.471.240.981	(22.868.249.209)	16.075.608.000	13.810.688.873	18.316.956.265	79.245.733.155	103.568.802.818	10.240.519.242.080

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	12.454.944.888.704	8.784.866.696.654
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(9.981.578.704.434)	(7.128.510.955.183)
Tiền chi trả cho người lao động	(570.328.597.249)	(598.670.981.585)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(318.521.037.200)	(192.697.194.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.956.910.541.401	1.022.896.275.546
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.922.592.129.067)	(1.444.775.176.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	618.834.962.155	443.108.664.302
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(244.601.678.911)	(315.726.997.458)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	654.142.947	7.459.136.006
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(10.573.069.513.692)	(7.284.813.525.757)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	4.928.885.195.844	1.287.210.525.579
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(6.007.088.767.440)	(2.967.338.985.684)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	6.739.077.003.398	4.157.816.410.833
Tiền thu lãi cho vay, trái tức và lợi nhuận được chia	194.782.794.193	497.054.068.939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.961.360.823.661)	(4.618.339.367.542)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	1.878.886.590.000	720.000.000.000
Tiền nhận được từ các khoản vay ngắn hạn, dài hạn	6.260.247.375.606	5.646.136.030.318
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(651.929.265.500)	(128.728.400.000)
Tiền nhận tăng vốn từ các cổ đông hiện hữu	188.350.073.855	-
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	(150.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	7.675.404.773.961	6.237.407.630.318
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.332.878.912.455	2.062.176.927.078
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.544.295.519.291	480.836.990.174
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	778.331.995	1.281.602.039
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5.877.952.763.741	2.544.295.519.291

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

1. ĐỐI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)

(i) Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thuộc về cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Theo VAS	952.597.195.373	891.754.255.672
Tài sản tài chính – khác biệt về định giá và điều chỉnh dự phòng giảm giá trị		
Danh mục đầu tư trái phiếu	(216.338.590.915)	(33.818.926.325)
Danh mục đầu tư chứng khoán vốn	86.798.827.182	44.344.913.420
Danh mục đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	91.341.721.493	(20.895.244.429)
Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(68.499.971.022)	(33.695.792.934)
Loại bỏ dự phòng giao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	119.435.408.967	102.688.887.149
Giảm giá trị các khoản phải thu bảo hiểm gốc và phải thu tái bảo hiểm	(45.720.728.597)	(1.838.118.035)
Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho hoàn nhập/(ghi nhận) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(4.264.192.940)	4.380.159.817
Quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển vào chi phí	-	(35.048.205.891)
Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay và phải thu	-	22.405.692.895
Tài sản cố định bị giảm giá trị hoặc xóa sổ	(12.576.381.390)	(1.052.152.099)
Điều chỉnh phân bổ phí hợp đồng REPO	(1.313.416.041)	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	16.039.081.248	-
Điều chỉnh liên quan đến các chi phí cho chuyên gia do khác biệt về cơ sở ghi nhận	(44.642.173.637)	-
Thuế hoãn lại của các điều chỉnh trên	47.023.909.443	(1.005.653.132)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(421.438.762)	15.686.802.291
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	919.459.250.402	953.906.618.399

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Theo VAS	12.015.306.403.044	9.887.731.379.487
Tài sản tài chính – khác biệt về định giá và điều chỉnh dự phòng giảm giá trị		
Danh mục đầu tư trái phiếu	(728.649.915.711)	(136.667.006.402)
Danh mục đầu tư chứng khoán vốn	251.250.175.881	650.499.697.995
Danh mục đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	70.446.477.049	(20.895.244.429)
Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng hợp đồng bảo hiểm	(382.097.730.829)	(313.597.759.806)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	329.745.260.684	210.309.851.717
Giảm giá trị các khoản phải thu bảo hiểm gốc và phải thu tái bảo hiểm	(78.444.619.212)	(32.723.890.616)
Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho hoàn nhập/(ghi nhận) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(24.504.186.202)	(20.239.993.262)
Tài sản cố định bị giảm giá trị hoặc xóa sổ	(86.677.923.337)	(74.101.541.947)
Điều chỉnh phân bổ phí hợp đồng REPO	(1.313.416.041)	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	16.039.081.248	-
Điều chỉnh liên quan đến các chi phí cho chuyên gia do khác biệt về cơ sở ghi nhận	(44.642.173.637)	-
Thuế hoãn lại đối với các điều chỉnh trên	259.422.927.696	3.443.682.408
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.355.361.118.553)	(1.369.851.950.128)
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	10.240.519.242.080	8.783.907.225.017

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2 MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	<p>Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh toán khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm.</p> <p>Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm.</p> <p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.</p>	<p>i) Các tài sản tài chính xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là các tài sản tài chính được lựa chọn khi ghi nhận lần đầu xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p> <p>ii) Các khoản đầu tư được dự định tiếp tục nắm giữ được phân loại là sẵn sàng để bán và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng với chi phí giao dịch trực tiếp và chỉ phát sinh khi có giao dịch xảy ra. Tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, các thu nhập hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>iii) Cho vay và các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, và đây là giá trị hợp lý của giá trị bỏ ra để có được khoản đầu tư. Tất cả các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua cũng được cộng vào giá gốc của đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dừng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị.</p>

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Khoản mục	VAS	IFRS
Dự phòng giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán mà đối với tài sản này thay đổi về giá trị hợp lý được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác. Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi đảo vào thu nhập khi giá trị hợp lý tăng. Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi đảo vào vốn chủ.
Công ty liên kết	Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không phải là đối tượng đánh giá tổn thất theo như chuẩn mực VAS 7.	Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi về giá trị sau này đối với phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và những người mắc nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Nợ khó đòi là khoản thiệt hại ước tính phát sinh từ các khoản nợ không còn khả năng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo. Phần dự phòng này được tính theo tỷ lệ khác nhau dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm giá trị khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có phê duyệt riêng của Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG (tiếp theo) NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản cố định vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm giá trị do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép lập các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm lập báo cáo (như dự phòng đảm bảo cân đối hoặc dự phòng dao động lớn).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo thông báo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và đánh giá của ban lãnh đạo công ty.	Dự phòng được trích lập đầy đủ cho các chi phí ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo tại ngày khóa sổ.
Trình bày báo cáo	Dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày theo số thuần sau khi trừ đi các tài sản tái bảo hiểm.	IFRS 4 không cho phép cản trừ tài sản tái bảo hiểm với các nghĩa vụ bảo hiểm có liên quan, hoặc cản trừ thu nhập hay chi phí từ hợp đồng tái bảo hiểm với chi phí hay thu nhập từ các hợp đồng bảo hiểm có liên quan. Do đó, các tài sản và công nợ phí chưa được hưởng phải được trình bày dưới dạng gộp trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng lên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng phải được trình bày dưới dạng gộp.
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế của các khoản mục đó. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ thuế chưa sử dụng, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được đo lường dựa trên cách thức dự tính mà giá trị ghi sổ của các tài sản hay nợ phải trả sẽ được thực hiện hoặc thanh toán, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.